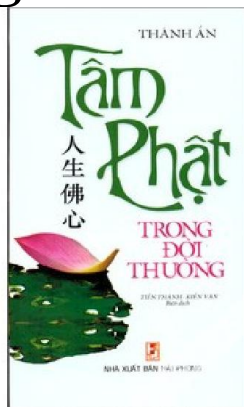


Tâm Phật Trong Đời Thường



Thánh Ân

Dịch giả: Tiến Thành. Kiến Văn.

---o0o---

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 14-01-2012

Người thực hiện :

Diệu Tín - phuchien97@yahoo.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI TỰA

CHƯƠNG I - TÌNH CẢM - LÝ TRÍ - PHẬT PHÁP

CHƯƠNG II - TƯƠNG LAI DO CHÍNH MÌNH TẠO NÊN

CHƯƠNG III - TINH THẦN TỰ CHỦ VÀ NGUYÊN TẮC NHÂN DUYÊN

CHƯƠNG IV - PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG

CHƯƠNG V - ĐẠO CỦA SỰ AN TÂM

CHƯƠNG VI - PHẬT GIÁO VÀ ĐẠO LÝ TỰ CƯỜNG

CHƯƠNG VII - BÀN VỀ NHÂN SINH QUAN VÀ CẢI TẠO VẬN MỆNH

CHƯƠNG VIII - BÀN VỀ CHÂN LÝ CỦA CUỘC SỐNG

---o0o---

LỜI TỰA

Nhân sinh vô thường, có sinh ắt có tử. Thế nhưng con người cứ mãi lần quẩn trong cái vòng luân hồi sinh – tử, hỷ – nộ – ái – ố đó rồi cảm thấy khổ đau, phiền muộn. Người đời đâu nhận ra rằng, sướng khổ mà ta nếm trải trong cuộc sống hiện tại là do nghiệp ở tiền kiếp tạo nên. Vạn vật, muôn sự trên thế gian đều theo quy luật nhân – quả; do đó, gieo gió ắt sẽ gặt bão, dưỡng nuôi công đức sẽ gặp được thiện kiếp. Muốn được giải thoát khỏi bể khổ nhân gian, con người cần trừ bỏ vô minh và khát ái, căn nguyên của cuộc sống mê muội, chuyển vô minh thành quang minh, biến khát ái thành từ ái.

Sách hướng con người đến với cuộc sống tự giác, tự cường, rời xa phiền não, rèn luyện bản tâm thanh tịnh, khai mở tâm nhãn để tận hưởng cuộc sống viên mãn trong niềm an thỏa khi cảm thấy mình đang hòa nhập cùng vạn vật.

---o0o---

CHƯƠNG I - TÌNH CẢM - LÝ TRÍ - PHẬT PHÁP

Tình là ý niệm xuất phát từ nội tâm, không giác quan nào có thể nhận biết được diện mạo của nó. Thế nhưng, sức mạnh của chữ tình lại to lớn vô cùng, nó có thể giúp chúng ta hướng đến thành công, ngược lại cũng có thể hủy hoại một con người; nó phát huy tiềm lực, nếu chính đáng, sẽ có thể cứu vãn được toàn bộ nhân loại, nếu không, nó đủ sức làm cho thế giới này đổi mặt với kiếp nạn tàn khốc nhất. Nó là động lực thúc đẩy chuyển biến mọi hành vi của con người, nếu không vững tâm, chúng ta không dễ dàng không chế được.

---o0o---

PHÂN LOẠI TÌNH CẢM – MỪNG GIẬN BUỒN VUI, YÊU VÀ HẬN

Cổ nhân cho rằng bảy trạng thái tình cảm hỷ (mừng), nộ (giận), ai (đau thương), lạc (vui), ưu (buồn), tư (lo), khủng (sợ) có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh của con người, từ đó tác động đến nội tạng gây ra nhiều chứng bệnh khác nhau. Muốn phòng bệnh, chúng ta hãy chú ý đến sự kích thích quá mức của bảy trạng thái tình cảm, giữ cho cơ thể hoạt động bình thường.

---o0o---

MỪNG QUÁ CHƯA HẸN ĐÃ TỐT

Hỷ (mừng) là một trong bảy trạng thái tình cảm, khi được việc đặc ý, chúng ta thường có cảm giác mừng rỡ. Chẳng hạn thương nhân buôn bán thuận lợi, kiếm được nhiều tiền, việc làm ăn ngày một mở rộng; người bệnh lâu ngày không khỏi gặp được lương y, thuốc hay khỏi bệnh; một người nghèo khó được trợ cấp trong cơn khốn đốn; người được thăng chức; tù nhân bị giam cầm nhận được lệnh đại xá; cậu học trò vất vả dụng công, vùi đầu học hành thi cử, cuối cùng bằng vàng đề tên; kẻ lang thang tha hương cô độc, bỗng gặp người quen và được an ủi về tinh thần. Những việc đáng mừng như thế hẳn nhiên sẽ giúp con người hăng hái, phấn khích trở lại.

“Mừng” quả thật rất có ích cho tâm sinh lý, nhưng điều đó chưa hẳn đã chính xác một trăm phần trăm. Mừng chỉ nên đến một mức độ nhất định, ích lợi rất rõ. Người mắc bệnh tim khi nghe tin vui mà trở nên quá mừng rỡ thì rất có hại cho cơ thể, thậm chí dẫn đến mất mạng. Do đó, có thể nói trạng thái mừng không phải là tuyệt đối có ích cho tâm sinh lý.

---o0o---

TỨC GIẬN TỒN HẠI ĐẾN CƠ THỂ

“Giận” là nhân tố thứ hai trong bảy trạng thái tình cảm. Con người thù ghét lẫn nhau, hoặc bị người ta vạch trần bộ mặt xấu xa, hoặc thứ mình yêu quý bị người ta cướp mất, hoặc phát hiện người yêu phản bội mình, hoặc bị thất bại trong một cuộc cạnh tranh nào đó... Tất cả những việc đó đều khiến cho người ta “mất thăng bằng”, không tự chủ được mà bộc phát cơn giận.

Khi chúng ta nổi giận, tự nhiên sẽ đỏ mặt tía tai, trợn mắt, lộ rõ vẻ hung dữ. Hiện tượng đỏ mặt tía tai là nguyên nhân dẫn đến mạch máu sung huyết, mạch máu bị ảnh hưởng, kích thích tim đương nhiên cũng tăng lên. Nếu người tức giận mắc phải vấn đề về tim thì bệnh tim tái phát là chuyện trong khoảnh khắc. Và lại theo quan điểm y học, việc tức giận làm tổn thương gan

là một điều có lý ở mức độ nhất định, khi người ta tức giận thì can hỏa đi lên, khiến cho đầu và răng đau, còn có triệu chứng ói mửa cho đến khạc ra máu.

Khi nổi cơn thịnh nộ, cơ thể chúng ta sẽ cảm thấy căng thẳng, ảnh hưởng đến gan. Mắt trở nên trắng bệch, con ngươi như muốn lòi ra ngoài, ói ra máu, đó là những triệu chứng đáng sợ do tức giận gây ra. Nếu người nào đó không thể trút giận ra ngoài, mà lại kìm nén trong lòng, sẽ rất dễ làm tổn thương gan, huyết áp tăng cao, như thể kinh can hỏa vượng, có hại lớn đến nguyên khí.

Việc đòi thường không được như ý, không ai dự liệu được chuyện ngày mai, chúng ta cần xem mọi chuyện đơn giản đi một chút. Không tham gia vào chuyện thị phi, tự nhiên sẽ giảm bớt sự việc khiến mình phẫn nộ. Nếu việc không như ý xảy đến dồn dập, cách tốt nhất là cư xử với nó bằng chữ “nhẫn”. Một điều nhin chín điều lành, đó là lời vàng ngọc giúp ta trị bệnh “tức giận”.

---o0o---

ỨNG PHÓ VỚI NỖI ĐAU

Chúng ta đã nói đến hỷ (mừng), nộ (giận), giờ bàn đến ai, nghĩa là bi ai. Đối mặt với thất bại, tất cả hy vọng bỗng nhiên hóa thành bọt nước, ảo tưởng tan vỡ, giấc mơ đẹp thành không, khi đó con người ta thật sự chán nản, đau lòng vô cùng, đó là nỗi bi ai. Những việc khiến người ta bi ai có thể nói là nhiều vô kể.

Gặp việc bi ai, chúng ta phải cố gắng tự kiềm chế, không để tim bị kích thích, tránh tinh thần căng thẳng, bi thương đến nỗi không muốn sống. Bi thương có hại rất lớn đối với sức khỏe tâm lý, bi cảm ảnh hưởng đến tâm thần, lan tới tạng phủ, dẫn đến các loại bệnh tật. Thí dụ người mắc bệnh tim mà chịu sự kích thích tâm lý này đau buồn đến mức không muốn sống là chuyện thường thấy. Nhưng cuộc sống làm sao tránh được việc đau thương? Vậy thì phải làm thế nào khi bi ai tìm đến? Cách tốt nhất là thờ ơ, thản nhiên với nó.

Thí dụ, cha mẹ qua đời, đó đương nhiên là việc đau buồn, người làm con chắc chắn suy sụp vô cùng, không muốn ăn uống, ngủ nghỉ không yên, mỗi lần nghĩ đến lại thấy xót thương, có nhiên lòng hiếu đó rất đáng trân quý, nhưng cũng không thể giúp người mất sống lại, mà lại tổn hại lớn đến thân

tâm người còn sống. Cho nên cách làm thích hợp là “bớt buồn thương”, phải nghĩ rằng sự việc xảy đến là nỗi bất hạnh thực sự, không thể vãn hồi, chỉ bằng nhìn sự việc thoáng hơn một chút, để bớt đi gánh nặng tâm lý. Đừng làm tổn thương thân tâm mình mới là hiểu thực sự.

---o0o---

CHỌN NIỀM VUI ĐÚNG ĐẮN

Bây giờ ta bàn đến “lạc” (vui). Nói về thế pháp, “lạc” tức là hưởng thụ niềm vui thế tục, điều này không ngoài sự hưởng thụ vật chất, mãi mê với niềm vui thanh sắc, làm tê liệt thân kinh của mình trong nhất thời. Bất kể thú vui nào trên đời, xét theo góc độ của Phật pháp, cũng đều có thể quy vào phạm trù niềm vui thanh sắc. Khi người ta mở rộng tấm lòng, tận tình hưởng thụ niềm vui, ắt hẳn là có ích cho tâm sinh lý, đó là quan điểm của nhiều người.

Thế nhưng ảnh hưởng của mọi tâm trạng trong đời người đều có giới hạn, vượt quá giới hạn này sẽ kích thích đến hệ thân kinh, chuyển “ích” thành “hại”. Không lĩnh hội được điều này, ắt sẽ “lạc cực sinh bi”. Lấy một thí dụ, cổ nhân nói: “Trai khôn lấy vợ, gái lớn gả chồng”, kết hôn xong vợ chồng sống với nhau tốt đẹp, đó chính là niềm mơ ước về hạnh phúc gia đình, nhưng vấn đề mấu chốt là chúng ta phải kiểm soát bản thân một cách đúng đắn. Thế nghĩa là gì? Rất nhiều thanh niên nam nữ ý mình còn trẻ trung, tưng dục vô độ, kết quả là cơ thể mắc bệnh, nhanh chóng xuống sắc vóc lẫn tinh thần, thân tâm không yên ổn, già nhanh hơn bất cứ thứ gì, thực là được chẳng bù mất.

Lại có người khi chưa kết hôn thì trắng hoa ong bướm, tự cho mình hào hoa, lâu dần không chỉ suy kiệt tinh lực, mà thậm chí còn nhiễm bệnh rồi lây truyền cho vợ, ảnh hưởng đến con cái. Người có bệnh lại lây truyền cho người khác, nguy hại đến sức khỏe cộng đồng. Hoan lạc trong chốc lát, không ngờ lại gây ra họa hại lớn đến nhường ấy.

Niềm vui nhỏ có thể phát triển niềm vui lớn, từ niềm vui lớn có thể biến thành nỗi buồn lớn. Thí dụ một số người nghĩ rằng ngày cuối tuần hẹn vài người bạn đến nhà đánh bài tiêu khiển thì chẳng hại gì. Một niềm vui nhỏ nhỏ như vậy cũng là một liều thuốc điều chỉnh tinh thần trong cuộc sống, chỉ đáng tiếc đánh bài chơi bạc lại khiến người ta mê mẩn say sưa, thân kinh của mình khó điều khiển được. Trước tiên là bạc nhỏ niềm vui nhỏ, sau đó là người thắng muốn thắng nhiều hơn, người thua muốn cố gắng “gỡ vốn”,

không ai muốn bỏ đi, không ai muốn dừng lại, thế nên ngày nối đêm, đánh rồi lại đánh, tự cho rằng đánh to như thế cũng là niềm vui lớn.

Nhưng việc cờ bạc chỉ tốn thời gian, người ham cờ bạc chắc chắn làm lỡ việc chính. Có người bỏ bê sự nghiệp, trở thành một con bạc đúng nghĩa. Tương lai sự nghiệp do chính tay mình cắt đứt. Biết bao người vì cờ bạc mà bòn rút của công, bỏ trốn để rồi trở thành đối tượng bị truy nã? Có bao nhiêu người vì muốn trả nợ bạc mà cướp của giết người, đến nỗi vướng vào tù tội? Bao nhiêu cặp vợ chồng vì ham cờ bạc mà làm rạn nứt hạnh phúc gia đình, con cái thất học, trở thành trẻ lang thang, lưu manh, gây hại cho xã hội? “Lạc cực sinh bi” đúng là một câu danh ngôn đáng để suy ngẫm.

Như vậy “lạc” (vui) là không được phóng túng tình cảm, mà chúng ta phải lựa chọn niềm vui chính đáng, chẳng hạn du ngoạn danh lam thắng cảnh, đọc sách vẽ tranh tự tìm kiếm niềm vui, Phật giáo dạy con người ta luôn giúp đỡ người khốn khó hơn mình, lấy bố thí phóng sinh làm niềm vui. Niềm vui chính đáng giúp nhân cách ta trở nên cao thượng hơn, cuộc sống sẽ hướng đến con đường hạnh phúc.

---o0o---

QUẢNG GÁNH LO ĐI MÀ VUI SỐNG

Chúng ta đã nói đến bốn trạng thái tình cảm lớn “hỷ”, “nộ”, “ái”, “lạc” trong “thất tình”, ở đây tiện thể đề cập đến ba trạng thái tình cảm khác – ưu (lo), tư (nghĩ), khủng (sợ). Ưu ở đây là lo âu, cũng có nghĩa là ưu sầu. “Đa sầu đa cảm” là sự khắc họa của âu lo. Thi nhân, nhà văn xưa thường là như vậy. Xét từ khía cạnh tích cực, đa sầu đa cảm mang lại mạch văn cho mình, mạch văn ấy cứ tuôn dài mãi. Nhưng xét từ phương diện tiêu cực, ưu sầu có hại đến tinh thần, một người khỏe khoắn lành mạnh, việc gì phải ưu sầu vô cớ? Hay buồn hay lo, đừng nói là có bệnh, ngay cả không có bệnh âu sầu cũng thành bệnh.

Lo buồn là một thứ tâm trạng, “tâm bệnh phải chữa bằng tâm dược”, thường thì thuốc men không thể chữa được cho người có tâm bệnh trầm trọng, rất nhiều bệnh thực sự là do mình tự gây ra, đến khi đổ trăm thứ bệnh mới nghĩ ra tại sao lúc đầu mình không mở lòng, vui vẻ để quên át cái buồn lo? Nhưng khi ấy đã quá muộn.

Trên thực tế, sự âu lo của con người thường do không thỏa mãn với hiện trạng, cho nên ở đời phải biết thế nào là đủ. Nếu chúng ta biết mở rộng cõi

lòng, vui cùng trời đất, biết trân trọng thân tâm của mình, thì tự nhiên sẽ hết âu lo, bình thản mà sống, công việc có thể thuận lợi, hạnh phúc sẽ đến.

Trạng thái thứ sau trong “thất tình” là tư (suy nghĩ), ở đây là nghĩ ngợi quá nhiều, không tự kiềm chế được. Chuyện đã qua không nên gọi lại, chúng ta nên đối mặt với hiện thực để giải quyết vấn đề theo hướng tích cực. Nhưng có nhiều người cứ chìm đắm trong sự đắc chí khi trước, đối chiếu với sự bất đắc chí hiện tại, tâm trạng bị ảnh hưởng lớn, nghĩ ngợi quá nhiều như thế, một khi dẫn đến chứng tâm thần phân liệt sẽ có thể trở thành bệnh thần kinh. Lại có những chàng trai cô gái si tình, vì người kia đi yêu người khác, nên thấy nhớ nhung tương tư, buồn bực trong lòng, tương tư thành bệnh, nghiêm trọng hơn sẽ thành bệnh tâm thần. Như vậy, mọi sự lo nghĩ vốn không cần thiết, nhưng con người ta hay cố chấp, tự cho mình là đúng, luôn bói lông tìm vết, gây tổn hại nghiêm trọng đến tâm sinh lý của mình.

Những người mắc bệnh hay lo nghĩ, ban ngày tâm trạng bất an, tối đến thường ngủ không ngon giấc. Có người cảm thấy ngực như bị đè nén, ăn ít hoặc không đúng giờ, tự nhiên ảnh hưởng đến chức năng tiêu hóa, dẫn đến các bệnh về dạ dày. Hoặc uống rượu, hoặc dùng chất kích thích, hoặc cứ nghe thấy tin xấu là ói ra máu, chứng này chúng ta thường gọi là “xuất huyết dạ dày”, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe.

Lo, nghĩ khiến người ta vàng vố tiêu tụy, tâm thần hoảng hốt, gây ra vô số bệnh về sinh lý, là căn nguyên của trăm thứ bệnh. Nếu chúng ta rơi vào hoàn cảnh khó khăn, tại sao nhất thiết phải lo nghĩ? Tại sao không mở rộng lòng mình với quan niệm nhân sinh khoáng đạt, phân tích nguyên nhân khó khăn trước mắt và cố gắng quẳng nó đi? Tục ngữ Trung Quốc có câu: “Lo buồn thì thành bệnh.” Chúng ta cần lấy đó để cảnh giác chính mình, phải quyết tâm chinh phục hoàn cảnh, đừng để nó đốn ngã mình.

---o0o---

SỐNG TỐT THÌ CHẴNG CÓ GÌ PHẢI SỢ

Chữ thứ bảy trong “thất tình” là khủng, nghĩa là tâm trạng sợ hãi, sợ sệt. Sợ hãi là căn bệnh lớn của con người. Nhiều người trong chúng ta thường không đủ ý chí, đụng việc là hoang mang, luống cuống. Thí sinh rõ ràng đã chuẩn bị kỹ càng, nhưng cứ bước vào phòng thi là không kiểm soát được tâm trạng bồn chồn, hoang mang, đến nỗi câu hỏi dễ nhất cũng làm sai. Vốn chỉ là bị cảm xoàng, đau đầu nhẹ chẳng có gì đáng ngại, nhưng lại nằm trên giường trần trọc, cứ hoang tưởng mình thể lực yếu ớt, mất niềm tin vào

toa thuốc bác sĩ kê cho, đến nỗi bệnh vặt thành bệnh nặng, thuốc uống vào vì gánh nặng tâm lý mà mất tác dụng, kết quả bệnh tình ngày một trầm trọng thêm.

Có một vài người, ngay cả với người thân hoặc bằng hữu cũng luôn cảnh giác phòng bị, việc gì cũng nghĩ theo chiều hướng xấu, sợ người ta khinh thường, châm chọc, làm tổn thương mình. Kẻ có tiền suốt ngày sợ người ta vay mượn, hoặc lo tiền bạc trong nhà bị người ta cướp mất. Lại có những người sợ chết, đi ra đường là hồi hộp, lo sợ bỗng nhiên bị xe đụng, ngay cả đi xe lửa cũng hoang tưởng không biết xe lửa có gây tai nạn không? Nếu tình cờ nhìn thấy một người bị bệnh chết hoặc bị tai nạn tử vong thì ảnh hưởng của nỗi sợ hãi trong tưởng tượng ấy ngày càng ám ảnh làm cho tinh thần suy nhược, sa sút. Bệnh nghiêm trọng hơn thì cứ thấy cô độc khó hòa đồng với mọi người, luôn nhốt mình trong phòng, nghe thấy bất kỳ tiếng động nào cũng giật mình sợ hãi.

Sợ người, sợ việc, sợ bệnh, sợ chết... đều là bệnh về tâm lý, người có tinh thần bình thường, cứng cỏi thì lại khác, vì họ có khả năng phân tích sự vật và tùy cơ ứng biến, gặp sự việc gì cũng đều có thể nhanh chóng phản ứng, có khả năng trấn định. Như thế, khi gặp nghịch cảnh họ đều bình thản, không hề run sợ, có thể giải quyết vấn đề theo hướng tốt nhất.

Thường ngày chúng ta phải cư xử với mọi người một cách chân thành, thẳng thắn, chính trực vô tư, không làm những gì trái với lương tâm, không tham của bất nghĩa. Biết “không làm việc trái với lương tâm”, tự nhiên “nửa đêm nghe tiếng gõ cửa lòng không kinh sợ”. Như vậy, việc tu dưỡng làm người thường ngày quan trọng hơn bất kỳ điều gì.

---o0o---

SỰ YÊU VÀ GHÉT CỦA CON NGƯỜI

Tình cảm của con người vô cùng phức tạp, thật khó phân giải tường tận, nhưng đại thể có thể dùng từ “yêu” và “ghét” để phân loại. Trạng thái mừng và vui ta quy về “yêu”; còn đau buồn và giận dữ... thì quy về “ghét”.

Con người ai cũng có sự việc và đồ vật mình yêu quý. Có người thích tiền, có người thích hư danh. Khi được ai đó tán dương và khen thưởng, chúng ta cảm thấy tinh thần thoải mái, niềm vui biểu hiện ra nét mặt. Trẻ con được khen vài câu là vui mừng hớn hở; học sinh được giấy khen thì tự nhiên mặt mày rạng rỡ. Còn người lớn có công đức, được mọi người ca tụng, thì lại

càng là việc lớn đáng mừng. Thiếu nam thiếu nữ đều muốn được người ta khen là anh tuấn, xinh đẹp. Những thành ngữ “danh vang bốn biển”, “rạng rỡ tổ tông”, “đời đời bất diệt” chúng ta thường nghe đã trở thành mục tiêu phấn đấu của mọi người.

Người đời có khuynh hướng “đứng núi này trông núi nọ”, không bao giờ tự cho là đủ. Có tiền muốn kiếm nhiều hơn; đã giàu lại muốn giàu thêm. Túi ham muốn của con người không đáy; lòng tham lam của con người vô hạn.

Đôi tượng yêu thích trên đời quả thực là vô cùng. Mỗi người đều có một quan niệm riêng về sở thích của mình. Họ có cách nhìn khác nhau về sở thích; đôi khi hoàn toàn trái ngược nhau. Thích vật mà người khác không thích hoặc không quan tâm; hoặc có cùng một sở thích như nhau. Đôi khi họ trao đổi vật ưa thích để thắt chặt mối thâm giao.

Đã nói tới yêu thì cũng phải đề cập đến ghét. Tâm lý ghét của con người cũng khác nhau. Có người bộc lộ sự thù ghét ra ngoài, vẻ mặt coi thường, khinh bỉ...; có người thâm trầm, không lộ ra mặt, vẫn cười nói bình thường với người họ ghét; cũng có người trực tính, nói ra những điều ghét, mặc dù điều đó làm người khác phật ý, buồn phiền...

Tóm lại, yêu hay ghét, thương hay giận đều do cá tính của mỗi người. Người cao thượng không màng đến sự yêu ghét tầm thường; người bình thường yêu ghét lộ ra ngoài, có thể sau đó lại hòa lành với nhau; có người thâm trầm không lộ ra ngoài, ngấm ngấm tìm cơ hội trả thù, báo oán, hoặc xa lánh...

---o0o---

XUNG ĐỘT TÌNH CẢM

Yêu và ghét là hai trạng thái tình cảm xung đột với nhau rất rõ rệt, không bao giờ dung nhau giống như nước với lửa. Thế nhưng sự xung đột của yêu và ghét không phải là bất biến, có thể nói rằng mối quan hệ giữa chúng vô cùng tinh tế.

Chúng ta cần biết, cả yêu và ghét đều không phải là thứ vững bền không thể phá vỡ. Phải biết rằng, mọi vật chất trên thế gian luôn thay đổi, nhưng tình cảm thì không phải là vật chất, nó vô hình vô sắc, không có hình dạng cố định, nó chỉ là một ý nghĩ của chúng ta, chợt đến rồi chợt đi. Đến không báo trước, đi chẳng để lại dấu tích gì.

Điều này cho thấy rằng tình cảm rất dễ thay đổi – tuy nó ẩn chứa sức mạnh vô biên, có thể chi phối rất nhiều việc, trở thành động lực thực sự cho hành vi của chúng ta; nhưng chúng ta vẫn có thể từ chối, tránh né, tác động, không để nó đến gần và điều khiển chúng ta.

Yêu và ghét tuy đối lập nhau nhưng lại có thể thay thế cho nhau. Nói cách khác, trong một trường hợp nào đó, yêu luôn có thể biến thành ghét và ngược lại. Yêu và ghét xuất hiện luân phiên cho nhau.

Không khó để chúng ta tìm sự chứng minh từ trong thực tế. Câu nói “từ yêu sinh ghét” không phải là bịa đặt, hãy xem cái gọi là bạn tri âm trên đời, khi cùng chí hướng thì thật sự tâm đầu ý hợp, một khi xuất hiện rạn nứt, hai người nhanh chóng trở thành thù địch, mức độ oán ghét ngày càng mãnh liệt.

Từ yêu quý cho đến căm ghét có thể hình thành trong tích tắc. Việc này có thể xảy ra chỉ vì một lời nói, nó không chịu được thử thách dù là nhỏ nhất. Bao nhiêu cặp vợ chồng đang ân ái mặn nồng bỗng trở thành kinh địch chỉ vì những việc vụn vặt; bao nhiêu người yêu nhau thắm thiết nhưng chỉ vì một lời nói mà có thể cắt đứt quan hệ là hiện tượng thường thấy trong xã hội, điều đó đủ chứng minh yêu và ghét rất dễ biến đổi. Do đó có người mô tả cuộc đời giống như một sân khấu, mỗi diễn viên chúng ta đảm nhận những vai trò khác nhau, xét từ góc độ thực tế nhiều biến động của cuộc sống, quả thực mọi người đang diễn một tấn trò với đủ cung bậc thăng trầm. Mà việc diễn xuất tấn trò này, hoàn toàn là do sự thay đổi bất định trong tình cảm của chúng ta.

Người xưa nói: “Con người là động vật có tình cảm”, đồng nghĩa với việc chúng ta bị tình cảm chi phối. Mà tình cảm là thứ rất khó giải thích cho rõ ràng, nó giống như con ngựa mù cứ lao đầu về phía trước, dù gặp vực thẳm cũng không biết quay đầu, cuộc đời con người dễ thất bại, thường xuyên trầm luân là vì thế. Đó chẳng phải là điều đáng buồn hay sao? Nhưng khi hiểu được tính dễ thay đổi của tình cảm, chúng ta có thể hướng đến cảnh giới tốt đẹp.

---o0o---

VAI TRÒ GIỮ THĂNG BẰNG CỦA LÝ TRÍ

Tình cảm như thế nào mới được coi là tốt đẹp?

Sự oán ghét khiến chúng ta hại người hại mình. Sự oán thù, đối địch của con người thường là càng kết càng sâu, muốn hóa giải, cởi bỏ không hề dễ dàng.

Vậy thì, phải chăng cái yêu, cái thích nào cũng đúng đắn, chuẩn mực? Ở trên chúng ta đã nói đến một số tình yêu trên đời, có người yêu tiền, yêu danh, thích hưởng thụ, thích những thú vui thanh sắc, những cái yêu ấy nếu coi là đúng đắn thì ý nghĩa của hai từ này cần phải xét lại. Những sở thích ấy chẳng qua bắt nguồn từ ham muốn, mong được thỏa mãn nhu cầu cá nhân, rõ ràng đó là tham dục, là tình yêu ích kỷ cực kỳ nguy hiểm. Những ham muốn này chính là căn nguyên khổ não của con người; nói cách khác, nó là mầm mống dẫn chúng ta đến cuộc sống trụy lạc.

Nhu cầu sinh tồn và phát triển khiến loài người nhiều khi không kiểm soát được chính mình. Kẻ yêu tiền trở thành nô lệ của đồng tiền, cả đời kinh doanh cầu lợi, dành hết tâm cơ và sức lực hòng kiếm được nhiều tiền hơn. Nếu quan sát kỹ những khuôn mặt bơ phờ bôn ba bận rộn, dành cả cuộc đời để kiếm tiền, sẽ không khó nhận ra nỗi khổ não của cuộc đời. Lòng tham khiến nhiều người làm ra những trò vô sỉ, hại đến lẽ trời. Bị cám dỗ bởi lợi ích, cốt nhục có thể đi ngược luân thường, bạn bè thâm giao biến thành thù địch. Như vậy, tiền tài là vực thăm tội ác chôn người, ai lỡ sẩy chân rơi xuống không bao giờ thoát ra được.

Yêu danh, trọng thể diện, quý tiếng tăm không có gì là sai trái, nhưng nó sẽ khiến con người ta trở nên hời hợt, giả tạo, chìm đắm trong ảo tưởng.

Kẻ ham sắc không vượt qua được cám dỗ của mỹ sắc, ham muốn chiếm hữu khiến con người ta không phân biệt được thật giả, đảo lộn trắng đen, đánh mất nhân cách của mình, dẫn đến rơi vào như bản tối tăm, hoang dã vô độ, không việc xấu nào không làm.

Lòng ham an nhàn, thoải mái khiến con người từ bỏ ý chí phấn đấu, chỉ mong tạm bợ cầu an. Một người không cầu tiến, phần lớn là do lòng ham an dật này thôi thúc.

Thế nhưng trên đời còn có rất nhiều tình yêu vĩ đại thúc giục chúng ta tiến tới chân trời Chân – Thiện – Mỹ. Thí dụ như việc quên mình vì người, thôi thúc chúng ta bỏ cái tôi nhỏ bé để làm việc vì người khác, phục vụ người khác, hy sinh vì người khác, đó chính là tình yêu lương thiện chân chính, là cái đích mà chúng ta hướng tới.

Làm thế nào để kìm hãm những dạng tình cảm tiêu cực, không để nó thúc giục chúng ta làm việc xấu? Và dùng biện pháp gì để tình cảm lương thiện trong mỗi người sinh sôi, nảy nở? Tôi cho rằng phương pháp tối ưu là coi trọng lý trí.

Lý trí lấy đạo lý nhân sinh làm điểm xuất phát, và cũng là điểm kết thúc. Nó là kết tinh của trí tuệ nhân loại, là bài học bao đời rút ra từ những kinh nghiệm thực tế, nó đại diện cho cái thiện, cũng tượng trưng cho sự thanh cao của loài người. Nho gia chủ trương đạo trung thư, là đức tính suy ta ra người, “Nghĩ đến thiên hạ còn có người đói khát, giống như mình đang đói khát vậy. Nghĩ đến thiên hạ còn có người bị chìm trong nước, giống như mình đang bị chìm trong nước vậy.” Thật là một tấm lòng vĩ đại! Nó hoàn toàn là tình cảm xuất phát từ lý trí, là tình yêu lý tính coi việc cứu thiên hạ là trách nhiệm của mình; tư tưởng nhân nghĩa “mình muốn đứng vững thì làm cho người ta đứng vững trước, mình muốn mọi việc thuận lợi thì giúp người ta làm việc thuận lợi trước” của Khổng Tử cũng vĩ đại biết bao! Nó là một thứ tình cảm lý tính, nó kêu gọi vứt bỏ cái tôi nhỏ bé để giúp cái ta thành đạt.

Mặc Gia chủ trương cần kiệm, đề xướng kiêm ái, không phân người lạ, không phân thân sơ, yêu thương ai cũng như ai, điều đó cũng biểu hiện một thứ tình cảm lý trí, dùng để uốn sửa sự lệch lạc trong tình yêu để tình yêu có thể đi đúng hướng và vượt qua mọi thử thách. Chủ trương dùng lễ nghĩa làm chuẩn mực hành vi con người của Quản Tử (tức Quản Trọng) cũng là phương cách lấy lý trí để uốn nắn tình cảm.

Lý trí chi phối hành vi của con người, nếu ai cũng làm những điều nên làm, làm những việc chính đáng, làm theo lý trí, như thế ắt sinh ra kết quả tốt đẹp. Thế nhưng, nếu con người hoàn toàn làm theo lý trí sẽ trở nên lạnh lùng vô cảm. Có thể nói, sức mạnh của lý trí có hạn, nó không thể phát huy hiệu quả to lớn nếu thiếu sự thôi thúc của tình cảm.

Tóm lại, nếu tình cảm tách rời lý trí, nó dễ đi sai hướng, dễ dẫn người ta đến con đường hủy diệt. Do vậy, nó cần có lý trí để uốn nắn, chỉ đạo.

---o0o---

PHẬT PHÁP VÀ TÌNH CẢM

Có người nói, Phật pháp nhìn vũ trụ không ngoài bốn sự ảo hóa giả hợp, tất cả đều là không, muốn chúng ta “bỏ xuống, rồi lại bỏ xuống”, vậy

hẳn đó là một tôn giáo trốn tránh tình cảm nhất chăng? Nếu nghĩ như thế là hiểu lầm Phật pháp, Phật giáo không những không chủ trương kìm nén tình cảm, mà trái lại, còn tích cực phát huy đó.

Thích Ca Mâu Ni vốn là Thái tử nước Ca Tì La Vệ ở Ấn Độ, tên thật là Tất Đạt Đa. Ngài được quốc vương Tịnh Phạn yêu thương, hưởng mọi vinh hoa phú quý ở đời, nhưng với lòng từ bi, Ngài mong ước có được một đại đạo giúp chúng sinh thoát khỏi bể khổ. Ngài muốn cứu mọi sinh mệnh ở hiện tại, trong quá khứ và cả tương lai, mọi việc Ngài làm đều nhằm mục đích dùng lý tính vĩnh hằng để dẫn dắt tình yêu thương vượt qua thời gian và không gian. Thái tử Tất Đạt Đa từ bỏ mọi vinh hoa phú quý, vào rừng sâu tu đạo khổ hạnh. Trải qua bao nhiêu hoạn nạn, cuối cùng Ngài đã ngộ đạo. Ngài đã vạch ra 12 duyên khởi của vũ trụ, giải đáp câu đố lớn cho Ta Bà thế giới.

Phật Đà là ngọn đèn sáng trong đêm tối, là con thuyền trong bể khổ, là đầm nước trong ngôi nhà cháy, Ngài đã từ bi giải thích sự thiện ác của con người. Phật Đà cho rằng con người không ác như Tuân Tử khẳng định, cũng không thiện như Mạnh Tử nói, mà con người là do nhân duyên sinh ra, sinh mệnh con người bắt đầu từ “vô minh”, cho đến “lão tử” (già chết) thì kết thúc. Sự luân hồi nhân sinh tạo nên phiền não của loài người. Cho nên nguồn gốc của sự phiền não là vô minh. Vô minh là ham muốn của con người, nói theo nghĩa rộng là gần như tính ác, nhưng Phật Đà lại chỉ ra trong nhân tính có tồn tại “pháp tính”, “không tính”, “Phật tính”. Những danh từ này tuy khác nhau, nhưng theo nghĩa thống nhất, thì đó là “lý tính”, theo nghĩa rộng thì gần như là thiện tính. Đạo lý nhà Phật muốn con người biết gần thiện trừ ác, muốn biểu hiện “lý tính”, thắp lên ngọn đèn sáng trong tim mình. Như thế sẽ không còn điên đảo mê muội, hiểu giả thành thật, bỏ gốc theo ngọn, sống cuộc sống ngu si vừa đáng ghét vừa đáng thương.

Phật giáo không chấp nhận những việc ác như sát sinh, trộm cắp, dâm ô; ghét sự hỗn loạn của xã hội, sự ác độc của thế giới; chủ trương không cầu danh lợi, phú quý; muốn mọi người chung sống hòa bình, muốn cho chúng sinh thoát khỏi đau khổ hiện tại cho đến vĩnh viễn, được an lạc cuối cùng thành Phật đạo, điều này có khác biệt lớn thế nào so với việc tranh danh đoạt lợi, ích kỷ tự tư của con người thế tục?

Phật giáo coi trọng từ bi, cho nên người theo đạo Phật phải có lời nói và hành động từ bi, không chỉ vì mình, cũng không chỉ vì bạn, mà phải vì chúng sinh. Mạnh Tử nói: “Lòng trắc ẩn ai ai cũng có.” Sự đồng cảm sinh ra từ đó cũng là thiên tính của con người. Lòng từ bi của con người phải được

biểu hiện trong hành vi “bố thí”. “Bố thí” không chỉ là “tài thí”, mà phải là “pháp thí”, cứu người khác, nói lời hay, làm việc tốt, công đức đó rất lớn. Người người làm việc thiện, tránh xa điều ác, xã hội mới có hòa bình và hạnh phúc thực sự. Ở rất nhiều phương diện, giáo pháp của Phật Đà đồng nhất với tư tưởng “con người lấy phục vụ làm mục đích” của Tôn Trung Sơn, người được nhân dân Trung Quốc coi là quốc phụ. Kim Cang kinh viết: “Hoặc là loài sinh trùng, hoặc là loài sinh thai... ta đều làm cho được diệt độ và đưa vào nơi vô dư Niết bàn.” Thật là một tấm lòng cứu thế vĩ đại biết bao!

Sau khi Phật Đà chứng thành chánh quả, Ngài đã chỉ ra “bát chính đạo”, khai mở con đường sáng cho chúng sinh. Bát chính đạo có thể nói là chuẩn mực của hành vi con người, nó giúp trừ bỏ tận gốc căn nguyên của mọi phiền não:

1. Chính kiến: Tức là quan sát và kiên giải phù hợp, có nhận thức thấu triệt về những đạo lý từ bi bình đẳng, nhân duyên quả báo, sinh tử luân hồi.

2. Chính tư: Tức là tư tưởng thuần chính đúng đắn, trừ bỏ ý niệm tham sân si bất chính, không có tạp niệm vọng tưởng, hành vi tự thiên về đoan chính.

3. Chính thọ: Nói những lời tốt lành, chân thành và chính đáng, mang lại cảm giác thân thiết cho người khác là sự tu dưỡng tối thiểu trong việc làm người; còn những lời xấu xa thì không được nói.

4. Chính nghiệp: Tức là thân nghiệp chính đáng. Không được thực hiện những hành vi sai trái như sát sinh, trộm cướp, tà dâm..., đặt pháp luật lên trên hết, có hành vi hợp lý, tinh thần chính nghĩa.

5. Chính mệnh: Tức là sinh kế chính đáng. Có nghĩa là nghề nghiệp phải hợp với Phật pháp, nên lựa chọn cẩn thận. Những nghề “tà mệnh” như đồ tể, thợ săn, bói toán, kỹ nữ..., giáo đồ nhà Phật không được làm.

6. Chính niệm: Tức là suy nghĩ chính đáng. Tâm niệm của con người đầy vọng tưởng, luôn thay đổi, người tin Phật học Phật phải biết giữ mình, suy nghĩ chín chắn, không có tà niệm, tạp niệm, ác niệm.

7. Chính tinh tiến: Tức là sự phấn đấu chính đáng, hoàn cảnh khó khăn thì càng phải khắc phục bằng ý chí kiên định. Con người hướng đến tri thức chính đáng, không được hành sự mù quáng, bước vào tà đạo.

8. Chính định: Tức là tĩnh lự đúng đắn (tĩnh lự - nghĩa là tĩnh tâm suy nghĩ, thuật ngữ Phật pháp nghĩa là chú tâm suy nghĩ diệu lý khi tọa thiền), cầu sự thống nhất về tinh thần. Nên biết rằng trí tuệ đến từ “định”. Thiền định mà cầu trừ bỏ rối loạn, ngã chấp mới không bị ham muốn thế tục chi phối. “Định tĩnh rồi sau đó mới đi xa được”, đây là phương pháp tu tâm hiệu quả nhất, Phật Đà từ phạm nhập thánh, chính là từ “thiền định” mà thành. Nếu tu trì chính định đến một mức độ nào đó, tinh thần tự nhiên sẽ tập trung, lại lấy “tĩnh tiến” làm hậu viện, sẽ dần dần tương ứng với giải thoát. Mức độ chính định mà chúng ta hướng tới phải như Thiên tông nói: “Nhất niệm sinh thanh tịnh, thân tâm không chướng ngại, lòng ôm trọn hư không, giống như quán tự tại.”

Theo Phật giáo, mọi hành vi của con người cần đi đôi với đạo đức, cho nên làm gì cũng phải nghĩ đến cái lợi của người khác, tức là “chúng thiện phụng hành” – một trong những nguyên tắc căn bản của cuộc sống. Nhưng nếu muốn lời nói đi đôi với hành động, trước hết chúng ta phải hội tụ đầy đủ trí tuệ. Cổ Đức từng nói: “Người khôn chưa nhìn thấy đã hay, kẻ tầm thường nhìn thấy rồi mới biết, kẻ ngu việc xong rồi mới biết.” Không thể xem nhẹ tầm quan trọng của trí tuệ, mà trí tuệ là từ giác ngộ tới. Như Đào Uyên Minh nói: “Đã giác ngộ được rằng hôm nay “đúng” hôm qua “sai”, đó là một thái độ đúng đắn của con người.

Phật pháp giúp con người lĩnh ngộ ý nghĩa của sự tồn tại và giá trị của sự sống. Cả đời Phật Đà lập giáo cứu độ chúng sinh bằng tình cảm đại từ đại bi và lý trí sáng suốt của mình, Ngài muốn làm cho chúng sinh được giải thoát, vĩnh viễn thoát khỏi khổ ải.

Bồ tát đạo trong nguyên nghĩa tiếng Phạn là “giác ngộ chúng hữu tình”, qua đó có thể thấy được vai trò quan trọng của Bồ tát, đó là thánh giả triệt để lấy cứu độ chúng sinh làm mục tiêu. Quán Thế Âm Bồ tát tìm tiếng cứu khổ, có cầu tất ứng, đó là một thứ tình cảm trong sáng phi thường; Ngài hiện thân thuyết pháp, thể hiện tình yêu thương thánh khiết tích cực vô hạn. Phổ Hiền Bồ tát phát vô vàn đại nguyện, thề độ mọi chúng sinh, cầu bất phân chủng loài, bất phân giai tầng, tất cả đều có thể thoát khỏi bể khổ, đó hoàn toàn là đại trí, đại nhân, đại dũng bắt nguồn từ tình yêu thương chí cao vô thượng. Địa Tạng Bồ tát “thề không thành Phật nếu địa ngục không trống vắng” cũng là nguyện hạnh chí tính đại từ đại bi. Tình cảm thánh khiết chí cao này của Phật giáo không phải bất kỳ tình cảm thế tục nào cũng sánh được, nó ngự trị trên tất cả, vượt qua cổ kim, chứa đựng vạn vật hữu tình.

Đối với đời sống tinh thần của tín đồ, Phật giáo không phủ định giá trị cũng không ức chế sự phát triển của nó, mà chỉ dùng chính đạo để dẫn dắt, sao cho tình cảm của loài người có thể nhận được sự cân bằng của chính đạo, hướng đến con đường giác ngộ. Bồ tát đạo không chỉ là con đường của các vị Bồ tát chứng được quả hạnh, mà còn cần toàn thể tín đồ đi đến bằng tâm nguyện, tùy duyên phận của mình. Bồ tát chia thành Thập địa, điều đó mình tự ấn chứng bằng mức độ phát tâm nguyện và hành chánh đạo, là có thể lấy lòng bi của Bồ tát làm lòng mình, lấy nguyện lớn của Bồ tát làm nguyện của mình, lấy hành vi của Bồ tát làm hành vi của mình, khích lệ mọi tín đồ học theo Bồ tát. Sức lực của bạn có thể cứu được một người thì cứu một người; giúp được một người thì giúp một người. Ban đầu chúng ta đều là Sơ địa Bồ tát, chỉ cần có nguyện lực yêu thương của Bồ tát, đã có thể gọi là Bồ tát. Bồ tát bắt đầu từ Sơ địa, theo nguyện hạnh của Ngài, dùng công đức thực thể để thăng phẩm vị, từ Sơ địa cho đến Thập địa, đến Thập địa là có thể thành chính giác và chứng được quả. Do đó, muốn thành Phật, trước hết phải bắt đầu từ Bồ tát đạo hữu tình phát nguyện cứu người cứu thế, trải qua một thời gian dài từ bi cứu độ, tích lũy được vô số thiện quả, sau đó mới có thể giác hạnh viên mãn mà đi vào cảnh giới Niết bàn.

Nguyện hạnh đại từ đại bi là gì? Đó là tình cảm xuất phát từ đáy lòng, được chính đạo dẫn dắt và đi vào hành động thực tế. Tình cảm là sức mạnh thôi thúc chúng ta hành động, thiếu nó, hành vi của chúng ta sẽ không có động lực, mọi việc cũng trở nên xơ cứng lạnh lùng, không còn ý nghĩa. Nhưng tình cảm của con người rất phức tạp, có lương thiện cũng có xấu xa, có thể yêu cũng có thể ghét, tình cảm thoáng thiện có thể khiến bạn cứu người, giúp người, nhưng một ý nghĩ ác sẽ thúc đẩy bạn làm những việc hại đến lẽ trời, rơi vào vực thẳm muôn kiếp không thoát ra được. Do đó, chúng ta không nên tạo tình cảm tà ác, cần phải thông qua tư duy lý trí, tiếp nhận chân lý của Phật giáo. Đã có tháp đèn chiếu sáng vĩnh hằng – Phật pháp, tại sao chúng ta không nương theo nó, nắm chắc con thuyền cuộc sống để đi đến bến bờ chân lý?

---o0o---

CHƯƠNG II - TƯƠNG LAI DO CHÍNH MÌNH TẠO NÊN

Trong xã hội, nhiều người cho rằng nhà nghèo là điều đáng xấu hổ, không ít người vì gia cảnh nghèo khó mà thói chí nản lòng, luôn suy nghĩ tiêu cực; còn có người sinh lòng yếm thế, để mặc số trời, không chịu cầu tiến, biến mình thành nô lệ của số phận.

Tăng Quốc Phiên từng nói: “Làm người phải rèn luyện cho xương cứng cáp mới đảm đương được sự nghiệp lớn. Cách luyện xương là không theo thói tục, không bị vật xung quanh chi phối, không sợ nghèo khó, không từ lao khó.” Nhìn lại đa số con em nhà nghèo, tuy hoàn cảnh khó khăn, nhưng chí hướng không ngừng được tôi rèn đến độ kiên cường, cho nên dù độ sức ở phương diện nào, cũng đều xuất sắc hơn con em nhà giàu. Cơ hội thành công của những cá nhân này cũng lớn hơn bất kỳ ai.

Chúng ta có thể thấy, từ cổ chí kim, những người có công hiến vĩ đại cho nhân loại, phần lớn đều xuất thân từ nghèo khó. Nhà khoa học Edison, người phát minh ra bóng đèn điện và rất nhiều thứ khác, xuất thân là trẻ bán báo; nhà phát minh người Thụy Điển Nobel xuất thân từ thợ mỏ; Khổng Tử từ nhỏ mồ côi cha, sống với mẹ. Họ là những người tiên phong trong việc sáng tạo ra nền văn minh, văn hóa, chiếu rọi nhân gian.

Mạnh Tử nói: “Trời sẽ giáng trách nhiệm nặng nề xuống những người như thế này, trước hết khiến nội tâm người đó đau khổ khiến gân cốt người đó mỗi mết rã rời, khiến người đó phải chịu đói khát, đến nỗi cơ thể gầy mòn, khiến mọi việc người đó làm đảo lộn, không bao giờ được như ý. Trong hoàn cảnh như thế, nội tâm người đó buộc phải luôn cảnh giác, làm cho tính cách trở nên kiên định, tài năng nhờ đó mà được tăng cường.” Đó là những lời khiến ta phải suy ngẫm. Bản thân nghèo khó không có gì đáng xấu hổ, đáng xấu hổ là không cầu tiến.

Sự nghiệp vĩ đại của con người đều nhờ trui luyện. Nhờ may mắn mà có ắt sẽ không lâu dài. Và lại, sự vinh quang của con người có được là do biết vượt qua thất bại. Newton nói: “Bạn hỏi một người biết trượt băng: Làm thế nào để học được? Anh ta sẽ trả lời: Ngã rồi bò dậy và trượt tiếp. Đó chính là bí quyết thành công.”

Kinh Phật viết: “Thử hữu cố bỉ hữu, thử sinh cố bỉ sinh” (Cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh), đó là định nghĩa về duyên khởi. Cái này có tức là nhân mà chư pháp của thế gian này phải có, cái kia có tức là từ nhân mà có quả của chư pháp thế gian; có nhân này nên có quả kia, có quả kia nên có nhân này, đó là phép tắc mà chư pháp thế gian sinh khởi. Nhân và quả đều là duyên khởi, chúng vừa đối lập vừa nương tựa vào nhau.

Xét từ nhân tạo thành chư pháp thế gian: có sự phân biệt giữa nhân và duyên, cái chủ yếu là nhân, cái thứ yếu là duyên. Giống như một hạt giống được gieo xuống đất, cần có nước, đất, ánh nắng, phân bón, người chăm sóc,

sau này mới có thể nảy mầm, sinh trưởng, ra hoa, kết quả; hạt giống chính là nhân, ánh nắng... là duyên, nhân duyên hòa hợp tạo nên quả. Xét từ quả của chư pháp thế gian: quả có vô số, nhân cũng có vô số, quả khác nhân cũng khác, nhân khác quả tự nhiên cũng khác. Do đó chư pháp thế gian đều khác biệt nhau, trở thành hiện tượng phức tạp. Tuy chư pháp thế gian vô cùng đa dạng, song trong vạn vật phức tạp, có tính thống nhất của nó, đó chính là duyên khởi. Mọi vật tồn tại đều dựa vào duyên khởi, không có pháp nào không sinh ra từ nhân duyên, không có pháp nào độc lập tách khỏi nhân duyên; cho nên duyên khởi là pháp tính, thực tướng, chân lý của chư pháp thế gian. Pháp tính duyên khởi này không phải do người nào tạo ra, mà là vốn có tự nhiên, nhưng được Phật Đà phát hiện và vạch ra.

Mắt Phật nhìn sự luân hồi của chúng sinh theo sáu ngã, thẳng rồi lại trầm liên tu bất tận, chịu khổ vô hạn, bản thân chúng sinh lại không có sức mạnh để phá vỡ sự trói buộc của vô vàn nỗi thống khổ này. Dựa vào lòng từ bi, coi nỗi khổ trầm luân trong sáu ngã của chúng sinh là nỗi thống khổ của mình, đức Phật tìm cách sớm ngày độ thoát cho họ, giúp họ phá bỏ xiềng xích khổ não, nhận được niềm vui trong cuộc sống. Lòng đại bi này khơi dậy từ tâm vô lượng, giống như người cha hiền mang lại hạnh phúc và bình an cho con mình. Do đó, Phật Đà luôn giáo hóa chúng sinh, chỉ cần chúng ta tuân theo chỉ thị của Ngài, tiếp nhận tình yêu thương của Ngài, thì sẽ nhận được lợi ích chân thực. Phật có đại ân đức mang lại lợi ích cho chúng sinh như vậy, chúng ta được Ngài che chở, sao có thể dễ dàng quên đi hoặc xem nhẹ được?

---o0o---

SÁNG TẠO BẰNG SỨC MÌNH

Ở trong xã hội, trong môi trường tự nhiên, trong sự trầm mặc của thân tâm, chúng ta thường cảm thấy có sự hạn chế hoặc chi phối của một lực lượng siêu nhiên nào đó mà sức người không thể xoay chuyển, khắc phục được nó, cho nên tưởng tượng ra rằng ắt là có thần lực đang ngấm ngấm thao túng. Xã hội Ấn Độ ngày xưa coi trọng giá trị của thần quyền mà xem nhẹ giá trị của bản thân. Nhưng kể từ khi đức Thích Ca Mâu Ni xuất hiện, Ngài đã dùng đại trí của mình đề đề xướng chính tín, phá trừ mê tín, cho rằng thiên hạ bất luận việc gì cũng đều có thể được hoàn thành bằng nỗ lực tự thân miễn sao nó hợp với lẽ nhân quả. Chúng ta có thể thay đổi quá khứ, mở ra tương lai mà không cần phải chịu sự chi phối của người khác, chúng ta có sự tôn nghiêm của mình.

---o0o---

CƠ HỘI DÀNH CHO TẤT CẢ

Những người theo Thần giáo phần lớn chủ trương có sự khác biệt giai cấp, Bà La Môn của Ấn Độ là như vậy. Nhưng đứng trên lập trường thuyết nghiệp lực, Phật giáo phủ nhận điều này. Phật giáo cho rằng, nghiệp – hành vi của nhân loại – không ngừng thay đổi, thiện ác của kiếp này đủ khiến cho người xuất sắc của gia tộc lụn bại, người thấp kém thăng tiến, cho nên trên đời có cơ hội cạnh tranh công bằng, chỉ cần bạn đừng cho rằng mọi thứ không thể vấn hồi, tin phục dựa dẫm vào cái gọi là “thần”, mà mạnh dạn mở ra tương lai của mình, thì cơ hội có rất nhiều; bạn được đãi ngộ bình đẳng với bất kỳ ai, nỗ lực của bạn có thể đánh đổi với địa vị quang vinh.

---o0o---

TƯƠNG LAI DO TA ĐỊNH ĐOẠT

Thuyết nghiệp lực của Phật giáo chủ trương mọi thứ đều do chúng sinh tạo nên, sự tắc thông sang hèn của con người tùy thuộc vào giá trị hành vi của người đó. Nghèo khó của kiếp này không đồng nghĩa với nghèo khó ở kiếp sau, và giàu sang cũng không bao giờ tồn tại vĩnh viễn. Nếu kiếp này chúng ta rơi vào hoàn cảnh khốn cùng, có thể đó là do sai lầm trong quá khứ gây ra, mặc dù kiếp này không đủ sức thoát khỏi, nhưng không có nghĩa đó là kết cục vĩnh viễn, chẳng qua đó là quá trình đi đến con đường cải thiện và viên mãn mà thôi. Vì thế chúng ta phải nỗ lực không ngừng, tuân theo thuyết pháp nghiệp của nhà Phật mà hành thiện tránh ác, tương lai nhờ thế mà ngày càng rạng rỡ.

---o0o---

THIỆN ÁC HỮU BÁO

Thuyết pháp nghiệp cảm ba đời của Phật giáo cho chúng ta thấy rằng hành vi và khó khăn kiếp này tuy không thống nhất, nhưng đó là báo ứng của kiếp trước, không thể vì hiện tại chưa được phúc báo mà không hành thiện tích phước nữa, trí tuệ phúc đức của nhân loại phải hình thành từ việc gieo mầm thiện hạnh. Chúng ta sống trên đời phải chịu trách nhiệm với lương tâm về hành vi của mình, việc gì mang lại phúc đức thì phải ra sức làm; trái lại, việc không hợp đạo đức tuyệt đối không được làm. Tục ngữ có câu: “Thiện ác đều có ứng báo, chỉ sớm hay muộn mà thôi.” Chúng ta phải

lấy đó để cảnh tỉnh mình, phải lấy đức hạnh mà Phật pháp chỉ ra làm chuẩn mực cho cuộc sống, không được hoài nghi đạo lý nhân quả báo ứng. Mọi hoạt động tạo phúc của con người đều phải được thực hiện một cách tự giác. Ngạn ngữ phương Tây nói: “Cuộc sống không phải là nhận lấy, mà là cho đi.” Phật gia đã thể hiện tinh thần bố thí này qua câu nói: “Ta không vào địa ngục thì ai vào đây?” Trong cuộc sống, chúng ta phải lấy đạo đức làm đầu, tức là sống vì người khác. Việc học của chúng ta ngày nay là để dùng cho tương lai, sẽ có một ngày chúng ta phát huy tài trí của mình, tạo phúc cho nhân dân, mang lại vinh quang cho đất nước, cho xã hội. Đó chính là thiên phú của nhân dân, chân đế của sự sống.

Hôm nay chúng ta nhận được ân huệ từ người khác, chúng ta nhận thấy đây là một thế giới tràn ngập tình yêu thương. Hy vọng rằng trong tương lai không xa, chúng ta cũng cho đi tình yêu thương một cách vô điều kiện như thế.

Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, chúng ta cũng phải ngẩng đầu tiến lên con đường phía trước. Đừng nản lòng, đừng do dự, phải nhằm thẳng mục tiêu đã định mà phấn đấu vươn lên, đó chính là “chí”; phải mạnh dạn, dứt khoát, không chần chừ, không lùi bước, đó gọi là “khí”; chí khí hợp nhất thì việc gì cũng thành công. Trung tín là áo giáp của bạn, nó có thể ngăn chặn dao sắc tên nhọn từ bốn phương tám hướng nhằm vào; nhân nghĩa là vũ khí của bạn, nó có thể xuyên thủng mọi cám dỗ đến từ bên trong và bên ngoài. Tương lai rạng rỡ phải do chính đôi tay mình làm nên.

---o0o---

CHƯƠNG III - TINH THẦN TỰ CHỦ VÀ NGUYÊN TẮC NHÂN DUYÊN

Điều quan trọng nhất của đời người là tu dưỡng đạo đức. Con người tu dưỡng phẩm tính của mình để mong được tận thiện tận mỹ. Cái gốc của quá trình tu dưỡng này là tinh thần tự chủ, nghĩa là mọi việc gì đều do mình làm chủ. Phật Đà khi ra đời đã nói: “Trên trời dưới trời, chỉ có ta độc tôn.” Nhờ tinh thần tự chủ, nên sự sinh và tử của ta là độc sinh độc tử, không có tính dựa dẫm, không dựa vào sức mạnh của người khác, chủ yếu tự mình sáng tạo, lên xuống thăng trầm đều ở mình.”

Dưới đây trình bày về tinh thần tự chủ:

BIẾT TẬN DỤNG THỜI CƠ

Thứ nhất, chúng ta là chủ giới tự nhiên. Con người là chúa tể của vạn vật, vì thế chúng ta cần lợi dụng giới tự nhiên để sống; lấy cuộc sống làm mục đích, chứ không phải làm phương tiện. Sức mạnh to lớn của nền văn minh là biết sử dụng mọi sự vật trong giới tự nhiên. Nếu con người không mạnh dạn tiến vào giới tự nhiên, ắt sẽ bị giới tự nhiên chinh phục.

Xét về phương diện thời gian, các bậc thánh hiền xưa nay đều biết làm chủ thời gian, còn người bình thường, kẻ ngu muội lại bị thời gian chi phối mà không biết. Người phương Tây rất coi trọng thời gian, họ luôn đúng hẹn, đó là ưu điểm không thể phủ nhận; người phương Đông ít khi đúng giờ, thường làm nhỡ việc lớn, điều này hoàn toàn không tốt chút nào. Muốn thành công, chúng ta phải biết tận dụng và làm chủ thời gian. Muốn vậy, tu dưỡng tinh thần là yếu tố cốt lõi đầu tiên trong quá trình rèn luyện để làm chủ mọi vật trong giới tự nhiên của loài người. Nói cách khác, đó là sự nhất thể của tâm và vật.

---o0o---

KHẮC PHỤC MỌI HOÀN CẢNH

Thứ hai, chúng ta phải làm chủ hoàn cảnh. Hoàn cảnh ảnh hưởng rất lớn đến con người. Nếu chúng ta chơi với bạn xấu, vô hình trung sẽ nhiễm thói xấu, cũng sẽ trở thành kẻ xấu; trái lại, chơi với bạn tốt, sẽ được người đó hun đúc và trở thành người tốt.

Rượu xưa nay luôn bị coi là thứ không tốt, nhưng cũng không phải là thứ tuyệt đối xấu. Cổ nhân nói: “Rượu là thứ tốt nhất trong số các loại thuốc tốt.” Thiếu rượu pha với thuốc, dược tính sẽ khó phát huy; thế nhưng chìm đắm trong tử sắc, suốt ngày say sưa ắt sẽ rơi vào vực thẳm tội lỗi. Tóm lại, tiêu chuẩn thiện ác tốt xấu xưa nay có vô vàn sự khác nhau, tùy thuộc vào mục đích cụ thể. Nếu mục đích là không tốt thì dù làm việc tốt đến đâu cũng không thể nói là tốt thật sự. Nếu mục đích là tốt, thì dù vô tình làm sai cũng vẫn được coi là người tốt. Người đời chỉ dựa vào hành vi của con người để phán đoán tốt xấu, thiện ác. Thế nhưng làm vậy chưa hẳn là đúng. Chúng ta phải phán đoán thiện ác theo mục đích của nó.

Cái tâm có vai trò vô cùng to lớn trong việc khắc phục hoàn cảnh. Khi rơi vào hoàn cảnh khó khăn, chúng ta vẫn có thể khắc phục được nó bằng nghị lực của mình. Với tư cách là chủ hoàn cảnh, chúng ta phải biết cách chi phối nó. Lĩnh ngộ được điều này, chúng ta sẽ “thắng không kiêu, bại không nản”.

---o0o---

LÀM CHỦ BẢN THÂN

Thứ ba, chúng ta là chủ thân thể mình, chứ không phải là nô lệ của nó. Nhu cầu ăn – mặc đóng vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống, nhưng ăn uống quá độ sẽ dễ hại đến thân. Chúng ta cần ăn uống một cách điều độ để bảo vệ sức khỏe của mình bởi ăn nhiều quá mức sẽ rất có hại cho cơ thể.

Do đó, phải điều hòa đúng mực đối với yêu cầu về cảm quan thực sắc. Phải làm chủ thể xác thì cuộc sống mới có ý nghĩa.

---o0o---

CÂN BẰNG TÂM LÝ

Thứ tư, con người cần làm chủ tâm lý. Tâm lý con người luôn mâu thuẫn, có chân tâm và tư tâm, có cái ta và cái tôi. Hai yếu tố này không ngừng tranh đấu với nhau. Chân tâm bị tư tâm đánh bại là lúc chúng ta thất bại. Nhưng chúng ta phải biết rằng, chân tâm thiện tuy tồn tại trong tâm lý, nhưng nó lại bị tư tâm ác che khuất. Khi chân tâm chinh phục được tư tâm, nhân cách của chúng ta sẽ trở nên cao thượng, lúc ấy con người mới thật sự có giá trị.

Chúng ta phải phá vỡ tâm của cái tôi nhỏ bé bởi chỉ có thực hiện cái ta thiện mới là hành đạo thánh hiền. Vương Dương Minh nói: “Trừ giặc trong núi dễ, trừ giặc trong lòng mới khó.” Trộm cướp trong núi chỉ cần tập trung sức mạnh của nhiều người là có thể dễ dàng tiêu diệt chúng; nhưng giặc trong lòng cát cứ tâm hồn, muốn trừ bỏ chúng không phải chuyện dễ. Do đó, chúng ta phải dùng chúa tể của tâm hồn để phá diệt giặc trong lòng, như thế mới có thể thành thánh thành Phật.

---o0o---

SỐNG TRONG VÔ NGÃ

Vô ngã vừa không phải là cái vô tri vô giác cũng không phải là hình thái vô ý thức, mà là cái sống động. Hiểu được bản chất của vô ngã, mọi chuyện sẽ có thể đạt đến mức trời đất đồng căn, vạn vật nhất thể. Nếu gạt bỏ cái tôi của mình, không coi mình là trung tâm của vũ trụ, biết sống vì người thì ta đã đạt được cái gọi là vô ngã. Đạt được vô ngã ta sẽ có mọi thứ.

---o0o---

CHỮ “DUYÊN” TRONG CUỘC SỐNG

Thế giới quan của Phật giáo lấy chữ “duyên” làm quan điểm cơ bản về sự vật.

Thế nào gọi là duyên? Duyên là mối liên hệ giữa sự vật với sự vật. Trong vũ trụ, bất kỳ sự vật nào cũng liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến mọi thứ xung quanh nó. Không sự vật nào có thể tồn tại độc lập trong thế giới đầy biến động này. Điều này không chỉ tồn tại ở bên ngoài sự vật, mà còn liên quan đến quá trình sinh tử cũng như mọi mối quan hệ xung quanh sự vật.

Đối với hình thái của mọi sự vật trong vũ trụ, Phật giáo có một thuyết minh rất hay: Đó là dùng lưới làm thí dụ. Lưới to hay nhỏ đều được tạo nên từ những mắt lưới. Lưới càng to thì số mắt lưới càng nhiều. Giả định rằng tấm lưới to bằng cả vũ trụ, thì số mắt lưới cũng là vô hạn. Giữa các mắt lưới của toàn thể tấm lưới đều có mối liên hệ mật thiết với nhau. Tách khỏi toàn thể tấm lưới sẽ không thể có các mắt lưới; trái lại, một khi cái duyên kết hợp này ly tán, cả tấm lưới và mắt lưới đều không tồn tại.

Với con người, cha mẹ sinh và nuôi dưỡng con cái mới được con cái gọi là cha mẹ. Chỉ trong mối quan hệ với cha mẹ thì con cái mới được gọi là con cái. Quan hệ vợ chồng cũng vậy, đàn ông cưới đàn bà làm vợ, mới được gọi là chồng, đàn bà lấy đàn ông làm chồng, mới được gọi là vợ. Nếu không có vợ, đàn ông sẽ không được gọi là chồng và ngược lại.

---o0o---

“DUYÊN” VÀ VẠN VẬT

Sự kết hợp của vạn vật trong vũ trụ là sự kết hợp cùng chí hướng, tách khỏi một trong số đó thì tất cả đều không có, tách khỏi tất cả thì cũng sẽ không có một trong số đó.

Cổ nhân nói hóng mát dưới một bóng cây, múc nước tại một dòng sông, đều là duyên kiếp trước. Sự gặp gỡ, quen biết, vui vẻ với nhau, giúp đỡ lẫn nhau của con người cũng đều dựa vào “hữu duyên thiên lý năng tương ngộ”. Mọi vật đều có mối tương quan, kết hợp với nhau, liên hệ với nhau vô cùng vô tận, nhưng chính mình lại không nhận ra mối quan hệ đó. Nhìn qua lăng kính Phật pháp, chúng ta biết rằng cuộc sống của mỗi người không thể chỉ

dựa vào sức mình, mà phải dựa vào duyên với mọi người xung quanh cũng như mọi sự vật.

---o0o---

QUAN NIỆM SỐNG ĐÚNG ĐẮN

Nhận thức đúng đắn về thế giới quan giúp chúng ta có được lối sống phù hợp. Xây dựng thái độ sống đúng đắn, có lòng biết ơn chân thành, cúng dường báo đáp ân Phật. Chúng ta dựa trên sự sinh tồn của mình, hợp lực với những người có ân với mình, luôn giữ vững quan niệm biết ơn mọi người, mọi vật, thực hiện những hành vi có lợi cho người khác.

---o0o---

CHỦ NGHĨA BỐ THÍ CỦA NHÀ PHẬT

Bố thí đại thể có ba loại: một là tài thí, hai là vô úy thí, ba là pháp thí. Loại thứ nhất, tài thí, nghĩa là khi ai đó có khó khăn về mặt vật chất không giải quyết được, chúng ta sẵn lòng cho đi tài vật, kháng khái giúp họ thoát khỏi khổ đau trong cuộc sống. Loại thứ hai, vô úy thí, nghĩa là người ta ngu muội, sinh ra sợ hãi thứ gì đó, chúng ta mang lại sự yên tâm cho họ đúng lúc, cứu họ khỏi nguy nan, để họ không còn cảm giác sợ hãi mà tận hưởng hạnh phúc trọn vẹn. Loại thứ ba, pháp thí, nghĩa là người ta có hành vi lệch lạc vì vô tri, chúng ta cần giảng đạo lý cho họ, dùng chính pháp Phật giáo, chính đồ của nhân sinh để gợi mở, để họ tiếp nhận và ra khỏi con đường lầm lỗi, đi vào con đường ngay nẻo thẳng.

Có người thắc mắc, một người ngày mai không biết lấy gì ăn thì còn có thể thực hiện bố thí được không? Có thể. Vì bố thí mà Phật giáo nói không giới hạn chủng loại, cũng không giới hạn vật gì, chủ yếu là có tấm lòng trong sáng, thật tình, hoan hỷ hay không? Nếu không có lòng bố thí, thì dù giàu như vương hầu cũng chẳng có ích gì? Chỉ cần tràn đầy lòng bố thí, bất kể hoàn cảnh khó khăn như thế nào cũng có thể thực hiện được. Lấy thí dụ, khi người bạn cùng phòng gặp khó khăn nên tâm tình buồn bã hoặc cơ thể không được khỏe, chúng ta an ủi họ, giúp họ giải tỏa khúc mắc về tinh thần, biến tâm trạng tiêu cực thành tích cực, đó chính là bố thí. Khi đi xe buýt, dìu đỡ người già hoặc trẻ em lên xuống xe, nhường chỗ cho phụ nữ, người già và trẻ nhỏ, đó cũng là bố thí. Luôn mỉm cười thân thiện với mọi người, mang lại niềm vui cho tha nhân, đó cũng là bố thí. Như vậy, đạo bố thí nói trên không có tiền vẫn có thể thực hiện được.

---o0o---

THIÊN ĐƯỜNG VÀ ĐỊA NGỤC

Có võ sĩ nọ tìm đến một vị cao tăng và hỏi:

- Tôi là một võ sĩ nổi tiếng, nhưng võ sĩ báo đền vua, không biết ngày nào mất mạng. Nghe nói người ta chết đi sẽ đến một trong hai thế giới hoàn toàn khác nhau là thiên đường và địa ngục, xin hỏi địa ngục và thiên đường khác nhau như thế nào?

Cao tăng nhìn võ sĩ rồi chậm rãi đáp:

- Anh bốn mươi tuổi đã nhận được bổng lộc triều đình, nhưng đến năm mươi tuổi vẫn không biết giác ngộ, giống như một người không có đầu óc, ta quả thực không muốn trả lời câu hỏi này của anh.

- Lý đâu lại thế? Ông không trả lời câu hỏi của ta thì thôi, còn dám làm tổn thương ta. Ta phải chém ông làm hai khúc mới hả được giận này.

Võ sĩ cả giận, nói xong rút đao toan chém đầu cao tăng.

Lúc ấy cao tăng mới nói:

- Người đang bước vào địa ngục!

Võ sĩ nghe xong chợt tỉnh ngộ, vội cúi đầu tạ lỗi:

- Thưa sư cụ, tôi sai rồi, xin hãy thứ lỗi! Giờ thì tôi đã hiểu địa ngục là như thế nào.

- Người đang hướng đến thế giới cực lạc đây. Đáng mừng đáng mừng!

Sư cụ nói không chút tức giận.

Chỉ trong một ý nghĩ, địa ngục đã biến thành thiên đường.

---o0o---

CHƯƠNG IV - PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG

HAI TRẠNG THÁI CỦA ĐỜI SỐNG

Thông thường, đời sống con người có hai mặt, một là vật chất, hai là tinh thần. Đời sống vật chất bao gồm những yếu tố như địa vị cao thấp, của cải nhiều ít. Đời sống tinh thần đề cập đến các yếu tố như đạo đức có hay không, hoặc niềm vui nhiều hay ít.

Trên đời có không ít người dư dả hơn người khác về đời sống vật chất, nhưng đời sống tinh thần lại rất nhạt nhẽo. Dù quan cao lộc hậu, sống trong giàu sang, ăn sơn hào hải vị, mặc lụa là gấm vóc, nhưng nếu thiếu đạo đức, lại thêm gia đình không hạnh phúc, người nhà thường xảy ra bất hòa thì tinh thần lúc nào cũng sầu não.

Trái lại, thánh nhân Nhan Hồi, tuy chỉ ăn uống đạm bạc, ở nhà tồi tàn, nhưng có niềm vui mà vương hầu không sánh kịp.

Chúng ta sống trên đời bên cạnh việc cần kiệm để làm dồi dào đời sống vật chất, còn phải tu tâm dưỡng tính, đưa cuộc sống tinh thần hướng thượng. Con người là tổ hợp của thể xác và tinh thần, cả hai đều quan trọng như nhau. Tuy nhiên, khi đánh giá giá trị nhân cách chúng ta thường lấy tinh thần làm gốc. Phật giáo nói tam giới chẳng qua là do tâm tạo nên. Chư pháp của tam giới, lẽ sướng khổ cố nhiên là khác nhau. Phân ra tịnh (sạch) và uế (bẩn), nhưng căn nguyên là nền tảng tinh thần.

Từ xưa tới nay, các bậc thánh hiền hào kiệt luôn nỗ lực tu dưỡng về mặt tinh thần. Sách “Thái căn đàm” viết: “Tâm không nghĩ bậy, thân không làm bậy, miệng không nói bậy, người quân tử do đó mà đáng kính.” Lại nói: “Phật Tổ không không có gì lạ, nhưng làm được âm đức không tạo ra nghiệp; thần tiên có phép, chỉ sinh hoan hỷ không sinh u sầu.” Đó đều là những lời hay ý đẹp về sự tu dưỡng tinh thần. Lại nói: “Thanh nhàn vô sự, ngồi nằm tùy tâm, tuy cơm nhạt áo thô mà vẫn thấy thú vị; lo lắng bất an, u buồn phiền muộn, dù áo gấm cơm ngọc cũng chỉ thấy sầu khổ.” Đó là sự thú vị của đời sống tinh thần. Cho nên muốn trừ khổ được sướng, trước hết phải làm phong phú đời sống tinh thần. Một khi đời sống tinh thần kiện toàn, tự nhiên sẽ tăng thêm sức mạnh cho đời sống vật chất hợp lý.

---o0o---

ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA LOÀI NGƯỜI

Phật giáo chia đời sống tinh thần của loài người thành 10 cấp, phạm phu là ba ngã ác: 1. Ngã địa ngục: Đời sống oán thán; 2. Ngã quỷ đói: Đời sống tham lam; 3. Ngã súc sinh: Đời sống cuồng say. Ba ngã thiện: 1. Ngã tu

duy: Đòi sống phần đầu; 2. Ngã nhân gian: Đòi sống vinh dự; 3. Ngã thiên thượng: Đòi sống đạo nghĩa.

Ở vị trí thánh nhân là: 1. Giới thanh văn: Đòi sống giải thoát; 2. Giới duyên giác: Đòi sống lý tưởng; 3. Giới Bồ tát: Đòi sống từ thiện; 4. Giới Phật: Đòi sống tôn giáo. Đương nhiên, con người từ bi và có trí tuệ có thể phối cùng Phật giới, là sự giác ngộ tối thắng vô thượng, kết cục viên mãn.

Bắt đầu từ cấp thấp nhất là phàm phu

1. Đòi sống oán thán: Chỉ những người bị trói cột bởi phiền não ngu si, bất luận họ có bao nhiêu tiền bạc, địa vị lớn đến đâu, cũng không bao giờ cảm thấy thỏa mãn với phúc báo mình nhận được, cũng không thể an phận; tu dưỡng không đủ, hay oán trách người khác, kết quả tự chuốc lấy đau khổ, suốt ngày không yên ổn, không chút sinh thú, cuộc sống như vậy chẳng khác gì địa ngục.

2. Đòi sống tham lam: Loại người này chỉ biết đến lợi ích của mình, quên nghĩa lý, quên tình người, lấy lợi ích của mình làm mục đích, thường vì tư lợi mà lừa dối người thân, bạn bè hoặc trộm cắp, giết người. Những kẻ phạm pháp thông thường trong xã hội hầu hết đều do tham lam. “Kinh Pháp Hoa” có câu: “Bị các nỗi khổ quần lấy, lấy tham dục làm gốc” là ý nói đến đòi sống của người tham lam. Trong sự phiền não, tham lam là cái ác có sức hoạt động lớn nhất, có thể nói là ngã quỹ đối đúng nghĩa của cuộc đời.

3. Đòi sống cuồng say: Nghĩa là say sưa, chìm đắm trong khoái lạc nhất thời. Trong lòng chỉ nghĩ đến ăn uống, tử sắc, ngoài tận tình hưởng thụ vật dục, không còn biết mục đích cuộc sống nằm ở đâu. Suốt ngày vô công rồi nghề, không có lý tưởng và niềm tin. Đó là lối sống của ngã súc sinh trong kiếp này.

4. Đòi sống phần đầu: Sự sinh tồn của xã hội hiện đại tuân theo quy luật mạnh yếu thắng thua, con người luôn tìm sự tiến bộ phát triển trong quá trình cạnh tranh. Không chỉ có con người, mà mọi sinh vật trên hành tinh đều phải chịu sự chi phối của quy luật tự nhiên này. Thế giới càng tiến bộ thì sự cạnh tranh của con người càng khốc liệt, đó là điều hiển nhiên. Bởi vậy, cần nhìn nhận đúng đắn mọi sự vật trước mắt, không được quá do dự, chúng ta phải chiến thắng hoàn cảnh bằng thái độ phần đầu. Tuy nhiên, phần đầu phải có phương pháp, có hướng đi đúng đắn chứ không nên hành động một cách mù quáng.

5. Đời sống vinh dự: Trên đời có không ít người ở địa vị cao nhưng khi thấy người khác cao hơn mình, giỏi hơn mình tự nhiên sinh lòng đố kỵ, thù hận. Loại người này cao ngạo tự đại, thích hư vinh, coi mình là độc tôn, cho nên có những hành vi hại người để lợi mình, bất chấp thủ đoạn, nhưng kết quả lại là thất bại. Con người muốn có vinh dự thật sự, phải lấy đạo đức làm cơ sở lập thân xử thế.

6. Đời sống đạo nghĩa: Tức là sống vượt qua danh lợi, lấy đạo đức làm mục đích. Chúng ta phải có tinh thần trọng đạo quý nghĩa, dù phải hy sinh danh lợi cá nhân cũng không tiếc nuối, như thế mới có thể đạt đến đỉnh cao nhất của đạo nghĩa, mới có thể trở thành người hoàn hảo. Theo quan niệm Phật giáo, thực hiện 10 thiện nghiệp đạo sẽ được sinh vào thiên giới.

Sáu kiểu của đời sống nêu trên tuy có sự khác biệt về thiện ác và cao thấp, nhưng rốt cục vẫn chưa thoát khỏi giới phàm phu.

Từ giới phàm phu hướng đến thánh giả

7. Đời sống giải thoát: Từ giới phàm phu, nếu muốn thăng lên vị trí thánh giả, chúng ta phải đạt được “đời sống giải thoát”. Nghĩa là được giải thoát từ sự trói buộc của mọi phiền não, tiêu dao trong đời sống. Những người này giống như thánh giả, không còn bảo thủ, thoát khỏi sinh tử, nhập vào tịch diệt vô vi, trú ở nơi vô ngã tam muội. Theo quan điểm của họ, cuộc đời như một giấc mơ, không có gì đáng phải chấp nê lưu luyến, vợ con quyến thuộc cũng không thể ở bên mình mãi, vạn vật trên thế gian, hoàn toàn không thuộc sở hữu của ta. Do đó, họ nhìn thấu mọi ảo tưởng trên thế gian; không bị hoàn cảnh, sự vật trói buộc, vui vầy với tham thiên, tịch diệt.

8. Đời sống lý tưởng: Ở đây nói về những người ngộ ra diệu lý cao thượng, hiểu rõ nhân duyên sinh tử và bản chất của vũ trụ, được duyên giác an tâm lập mệnh. Những bậc thánh giả này xem xét 12 nhân duyên, nghiên cứu cái gốc của sự sinh tử, đạt đến cảnh giới giác ngộ tự tại. Sinh tử sướng khổ trong đời người đều do nhân duyên, nhân duyên này căn bản là ở trong lòng chúng ta. Đức Thế Tôn giác ngộ ra chân lý này, rồi dần dần hợp nhất với chân lý; có nghĩa là, Phật là chân lý, hoa bay lá rụng, từng nhánh cây ngọn cỏ đều là sự biểu hiện của chân lý, sự quang minh của Phật. Và lại, thông thường duyên giác là sự quan sát ngọn nguồn của nhân duyên tam thế nhằm đoạn trừ khổ não vô minh của sinh tử.

Trời đất là một thể đại từ đại bi

9. Đòi sống từ thiện: Tức là đòi sống của Bồ tát Thừa. Từ thiện không chỉ là cứu tế những người khốn khó, già yếu, mà mở rộng ra là tế thế lợi dân. Do đó, nói “lợi tha” (mang lại lợi ích đến cho người khác) sẽ đúng hơn là từ thiện. Lợi tha là hy sinh mình để mang lại lợi ích và thiện hạnh cho người khác, xã hội, quốc gia. “Kinh Niết bàn” nói: “Mọi người đều có thiện căn, lấy từ bi làm gốc.” Tâm Phật là đại từ bi, nói ngược lại, người không có lòng từ bi thì không thể có được tâm Phật. Thực tế thì, lòng từ bi ai ai cũng có. Trong tình cảm, cảm thấy người khác đáng yêu là tình yêu, lấy nỗi thống khổ của người khác so sánh với mình là lòng cảm thông. Yêu hay đồng cảm cũng đều là nền tảng của lòng từ bi. Cha mẹ yêu con, vợ chồng anh em thương yêu nhau, đó đều là thiên tính; hướng hồ ai cũng có lòng bất nhẫn, kẻ tàn nhẫn vô lại đến đâu đôi khi cũng tỏ lòng trắc ẩn giúp đỡ người khác, đó chính là biểu hiện của lòng cảm thông.

Nhiều người nghĩ rằng làm từ thiện sẽ thiệt cho mình, đó là quan niệm sai lầm. Phải biết rằng, chỉ có đức lợi tha mới có thể trở thành “lợi kỷ” (có lợi cho mình). Thừa Dương đại sư nói: “Kẻ ngu thường nói không được lợi tha trước mà phải lợi kỷ trước, đó là luận điều đúng mà sai, bởi làm lợi cho người khác sẽ được hưởng lợi từ người khác.”

Đòi sống Phật giới viên mãn cực lạc

10. Đòi sống tôn giáo: Đây chính là đòi sống Phật giới, cũng có nghĩa là Phật thân vạn đức viên mãn của chư Phật Thế Tôn, A Di Như Lai. Chỉ cần phát đại tín niệm vững chắc như kim cương, tự nhiên sẽ tương ứng với Phật tâm, được ánh sáng của Phật chiếu rọi, có thể trở thành người trong Phật giới. Nếu muốn lên đến địa vị này, điều đầu tiên chúng ta phải làm là xác định đạo lớn nhất quán trong vũ trụ, thực thể của vạn vật. Thứ đến là phải tin rằng đạo lớn này không có sinh diệt, không có yêu ghét, pháp giới bình đẳng, tuyệt đối vô hạn, điều kỳ diệu của nó là ánh sáng của lòng từ bi. Tiếp đó, xác nhận Phật thân là sự thể hiện cảnh giới đạo lớn, Phật tâm là thường trí bất diệt, Phật đức là đức tính từ bi. Ta và người đều sống trong đạo lớn này, thân tâm của ta và người có Phật tâm và Phật đức, cho nên nếu rơi vào địa vị phàm phu, thì hoàn toàn là do ta và người bị phiền não vọng tưởng bao vây, không tự làm chủ được mình. Một khi chúng ta biết sám hối, ắt sẽ được lòng từ bi của Phật dẫn dắt, được Phật tế độ. Phải biết rằng, Phật luôn giữ đại nguyện, luôn không ngừng tiếp dẫn chúng ta để đạt đến vị trí dự bị chờ thành Phật.

CHƯƠNG V - ĐẠO CỦA SỰ AN TÂM

Đạo an tâm là mục đích chủ yếu của mọi tôn giáo, tức là làm cho những người có tín ngưỡng tôn giáo được an tâm. Nhưng an tâm không phải là mong muốn nhất thời, nó phải là lý tưởng cao nhất để đạt được sự an tâm vĩnh viễn.

Trong rất nhiều trường hợp, thế gian luôn chứa đựng điều bất an về sự sống, cuộc sống, hoàn cảnh, đột biến tai nạn... Bất kể danh vị của bạn hiền hách thế nào, cuộc sống sung túc đến đâu, hoàn cảnh ưu việt ra sao, cũng không thể tránh khỏi những điều bất an. Do đó “Kinh Pháp Hoa” viết: “Tam giới không đặng bình an thì giống như nhà cháy.” Tam giới là chỉ ba thế giới của dục giới, cũng tức là thế giới thuộc phàm phu, sự bất an của thế giới phàm phu giống như một ngôi nhà bị cháy. Nhưng lửa này là hỏa lực vô thường nên rất khó ngăn chặn, không cẩn thận sẽ bị thiêu rụi. Hoa nở rồi tàn, trăng tròn lại khuyết, sự tươi khô thịnh suy biến thiên vô thường, vốn là giàu có sung túc, một khi gặp bất trắc lại trở thành tay trắng. Người đang khỏe mạnh, sau một trận bệnh nặng phải nằm liệt giường, thậm chí còn mất mạng; người khó khăn nghèo khổ, lại may mắn được quý nhân trợ giúp, cộng với nỗ lực phấn đấu của bản thân, cuối cùng trở nên giàu có. Những sự việc đại loại như thế nhiều vô kể, đa dạng, tuy nhiên các hạnh vô thường, vạn vật trên đời vô thường, cát hung họa phúc đều chịu sự chi phối của luật nhân quả.

Nói cách khác, mọi sự vật trên thế gian đều không phải ngẫu nhiên mà được sinh ra. Đời người có thể nói là rất ngắn ngủi; tuy giàu có nhưng cũng không thể lơ là; tuy mạnh vẫn không được an tâm. Con người sống trên đời luôn chịu sự kích thích của vạn vật, sự việc xung quanh, hoàn cảnh cũng không ngừng thay đổi.

Đời người quả thật rất ngắn ngủi, Trung Quốc có câu nói: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy” (Con người ta sống đến bảy mươi tuổi xưa nay hiếm). Tuy nền y học hiện đại phát triển hơn xưa rất nhiều, tuổi thọ của con người cũng theo đó tăng lên, nhưng nếu làm một bảng thống kê chi tiết, thì tuổi thọ bình quân của nhân loại vẫn chưa đến 60 tuổi. Cho nên sự vô thường của sinh mệnh con người, hôm nay không biết được ngày mai, hẳn nhiên là điều đáng buồn.

Cổ Đức Hiểu cho chúng ta biết đạo lý “quan sát vô thường”, có thể nhìn thấy sự vô thường của thân mình mới có thể phát ra tâm Bồ đề, mới không bị tu dục cầm tù. Nhìn thấy sự vô thường của thân mình, sẽ thêm trân trọng từng

phút từng giây, không để thời gian trôi qua lãng phí. Nhìn thấy sự vô thường của thân mình sẽ không bị mê hoặc bởi thanh sắc như bọt nước.

Vạn Sơn thiền sư lấy bài thơ sư huynh mình tặng làm châm ngôn sống và tu đạo:

Thiếu niên dị lão học nan thành,

Nhất thốn quan âm bất khả khinh;

Vị giác trì đường xuân thảo mộng,

Giai tiền ngô diệp dĩ thu thanh.

(Tuổi trẻ dễ đến, học khó thành,

Một tấc thời gian chẳng dám khinh.

Giác mộng ngày xuân chưa kịp tỉnh,

Lá ngô trước mắt chẳng còn xanh.)

Con người có đời sống ngắn ngủi, luôn cảm thấy bất an trước sự biến thiên không ngừng của hoàn cảnh xung quanh.

Kết quả của sự bất an là tăng thêm tham dục, dẫn đến tội lỗi. Hoặc do ngu muội mà rơi vào vực thẳm khổ não, dẫn đến kết quả bất hạnh. Nếu chúng ta sùng kính Phật pháp, không ngừng tu tâm dưỡng tính, tự nhiên sẽ quét sạch bất an, sống trong nghèo khó mà vẫn có được niềm vui trong sáng, dù vất vả cũng vẫn thấy tâm hồn thanh thản.

Vậy thế nào mới là phép an tâm trong Phật giáo? Quan niệm nền tảng của việc đạt được sự an tâm có thể chia thành mấy loại sau:

---o0o---

ĐƯỢC AN TÂM TỪ QUAN NIỆM NHÂN DUYÊN

Đây là quan niệm quan trọng nhất của Phật giáo. Theo quan niệm này, vấn đề sinh tử được giải quyết một cách hợp lý. Nhân duyên là gì? Nhân là nguyên nhân, duyên là trợ duyên giúp đỡ nhân duyên. Chẳng hạn trồng ngô, chỉ có riêng hạt ngô thì không thể nảy mầm và sinh trưởng bình thường

được, mà phải gieo hạt ngô vào đất, cẩn thận chăm bón: tưới nước, bón phân, nhổ cỏ v.v..., đồng thời còn cần sự trợ lực của thiên nhiên, như ánh nắng, không khí, mưa v.v... Đó đều là trợ duyên của hạt ngô. Nhân duyên hòa hợp, cuối cùng cây ngô lớn và ra trái.

Xét về hành vi của con người, quyết định phát triển sự nghiệp là nguyên nhân, còn mọi hoạt động nhằm thực thi quyết định đó là trợ duyên. Thí dụ, quyết định ăn cắp của cải là nguyên nhân, còn cơ hội trộm cắp và của cải là trợ duyên. Do đó, việc thiện hay việc ác, tất cả đều là do nhân duyên hòa hợp tạo nên. Nói cách khác, mọi hiện tượng trong trời đất, nhỏ từ được mất thành bại của một người, một gia đình, lớn đến sự hưng vong thịnh suy của một đất nước, một dân tộc, tất cả đều do nhân duyên sinh ra. Qua đạo lý nhân quả này, Phật giáo rút ra muôn vàn bài học để răn dạy người đời.

Thuyết “Thập lai” của nhà Phật là bài học nổi tiếng và vô cùng lý thú. Phật nói: “Phú quý đến từ từ bi”, “phúc đức đến từ thiện căn”, muôn nhận được “quả” phú quý, phải trồng nhiều “nhân” từ bi. Muốn được phúc đức lớn, trước hết phải trồng “thiện căn”. “Thiện căn” là làm nhiều việc công ích. “Không có bệnh đến từ có niềm tin”, có nghĩa là người có niềm tin thì tinh thần kiên toàn, nên thân thể cũng khỏe mạnh. “Kính yêu đến từ nhẫn nhục”, nhẫn nhục là đại lượng dung người, việc gì cũng không chấp nhất, biết chấp nhận, không dễ nổi giận. “Trí tuệ đến từ tinh tiến”, “tinh tiến” là “tìm sự tinh tế trong sự tinh tế”, dành thời gian, nhiệt tình theo đuổi chân lý. “Vị trí cao đến từ lễ bái”, lễ bái là lễ tiết khiêm tốn. Cổ nhân nói “khiêm tốn thì có lợi”. “Bệnh tật đến từ bất tịnh (không sạch)”, “Đoản mệnh đến từ sát sinh”, điều đó cho thấy thân tâm không sạch nhất định sẽ có hại cho cơ thể. “Bần cùng đến từ tham lam”, nghĩa là nếu ta vô tình vô nghĩa, cuối cùng sẽ bị cô lập. Việc gì cũng không nghĩ cho người khác, tham lam vô độ, kết quả sẽ rơi vào cảnh bần cùng. “Mù lòa đến từ phá giới”, mù lòa là tàn phế, rất đáng thương nếu phá giới, tất sẽ trở thành thân ngữ quan khiếm khuyết. Thuyết “Thập lai” cho thấy, từ nguyên nhân quan trọng sẽ dẫn đến vô số kết quả tự nhiên.

“Kinh thiện ác nhân quả” đã ghi lại cái gọi là “Thập lai” như sau: “Đoan chính đến từ nhẫn nhục”, phụ nữ luôn biết nhẫn nại, mới là người đẹp thực sự. “Xấu xí đến từ sân hận”, dù tướng mạo xinh đẹp đến đâu, một khi nổi giận, thô lỗ, sẽ biến thành xấu xí. “Hạ tiện đến từ ngạo mạn”, nếu bạn khinh miệt người ta, người ta cũng sẽ khinh miệt bạn. “Điếc đến từ không nghe”, nếu không chịu nghe những lời vàng ý ngọc của người đời, tai sẽ mất tác dụng. “Câm đến từ phỉ báng pháp”, nếu không tu khẩu nghiệp, phỉ báng chân lý Phật pháp, sẽ mất đi chức năng của lưỡi. “Ngu độn đến từ bất học”,

không học thì không thể khơi dậy trí năng, sau đó sẽ biến thành ngu si đàn độn. “Căn có đến từ giữ giới”, lục căn có đủ, giữ nghiêm giới luật. “Trường thọ đến từ không sát sinh”, cô nhân dạy: “Kẻ nhân sống thọ”, nhân từ có thể được trường thọ. “Có con đến từ phóng sinh”, nếu biết thương xót sinh vật, biết giúp đỡ muôn loài, nhất định sẽ sinh được con ngoan hiền. “Không con đến từ sát sinh”, tự ý sát sinh sẽ chuốc lấy ác quả tuyệt tự.

Tóm lại, có nguyên nhân ắt có kết quả. “Kinh Niết bàn” viết: “Này các thiện nam tử! Phải biết rằng nhờ có thiện nhân mà sinh ra thiện quả, phải tránh xa nhân ác.”

Theo nguyên tắc nhân quả, quả báo hiện tại chúng ta nhận được, dù phú quý hay bần cùng, khổ hay sướng, cho đến mọi thứ cát hung họa phúc, đều dựa trên nguyên nhân trong quá khứ, đều do nghiệp mình gây ra. Chúng ta thường thấy người nhân từ đoán mệnh, người chính trực không gặp thời, nhiều người có tài mà không được trọng dụng, người cần kiệm vẫn còn nghèo khó, tuy có niềm tin tôn giáo và siêng năng làm việc mà vẫn bất hạnh; nhưng chúng ta không cần phải hoài nghi, phải biết rằng đó đều là do nhân duyên của tiền kiếp. Trái lại, có những người sinh ra đã giàu sang phú quý, không có tài năng đặc biệt mà vẫn thành công, người không thiện nhưng vẫn được thăng tiến, không có đức hạnh mà danh tiếng vẫn được vang xa, đó cũng đều do định mệnh tạo thành. Nếu chúng ta biết tự rút ra đạo lý trong cuộc sống, thì dù gặp mọi tai nạn sâu khổ, mọi sự không như ý cũng vẫn không oán trời trách người.

Quan niệm nhân duyên sinh ra những suy nghĩ dưới đây:

1. Con người hạnh phúc là nhờ kiếp trước đã trồng thiện căn, còn lấy việc cha mẹ trồng ân huệ làm duyên, nên được quả báo hạnh phúc như vậy. Cho nên thay vì kiêu ngạo, lười biếng, chúng ta hãy ra sức chăm sóc hạt giống thiện căn này, tích cực hành thiện để tăng thiện căn.

2. Nếu có điều không như ý, chúng ta phải nhớ rằng đó là do duyên kiếp trước không đầy đủ, tội trạng rất nặng, từ đó phấn đấu nhiều hơn, làm nhiều việc thiện, công đức nhằm xoay chuyển vận mệnh.

3. Lòng người thường dễ rơi vào ham muốn cá nhân, cho nên dù cơ duyên tốt hay xấu cũng đều phải thường xuyên phản tỉnh, sám hối. Đồng thời phải có lòng đại từ đại bi của Phật, làm cho tâm lòng trong sáng không tì vết.

ĐƯỢC AN TÂM TỪ QUAN NIỆM GIẢI THOÁT

Thế giới phàm phu không phải là thế giới an lạc, cũng không phải là thế giới thanh tịnh, mà luôn chịu sự trói buộc cả bên trong lẫn bên ngoài, không được giải thoát. Sự trói buộc bên trong là khổ não vọng tưởng, vì tham dục gây ra mà tham tài, hámsắc; vì ham ăn uống mà muốn ăn ngon. Vì sân hận mà phẫn nộ oán ghét, trở thành nô lệ của tình cảm, vì ngu si mà hoang tưởng, mất lý trí.

Trói buộc bên ngoài có sự quẫn bách trong cảnh ngộ, sự đe dọa của người khác, cho đến tứ khổ - sinh, lão, bệnh, tử. Có thể nói con người không thoát khỏi sự trói buộc này. Cuộc đời con người luôn phải đấu tranh với mọi nỗi thống khổ, cho đến khi xuôi tay nhắm mắt.

Các bậc thánh hiền xưa kia vì muốn giải thoát khỏi những nỗi khổ này, nên có người tìm đến thâm sơn cùng cốc để tu hành. Nhưng sự giải thoát không phải là thoát ly cuộc sống. Phật Đà rũ bỏ vương thành vào rừng tu hành sáu năm, sau đó đắc đạo giải thoát, lại trở về xã hội truyền bá Phật pháp đến 49 năm, việc truyền đạo này chính là hoạt động lớn nhằm giải thoát tam muội của Ngài.

Đạo giải thoát không phải là ngoại cầu khách quan, mà nó phải là nội tu chủ quan. Lên rừng xuống biển hoặc xây điện đường trang nghiêm, hoành tráng để tìm đạo giải thoát, nếu nội tâm không được giải thoát thì chúng ta không thể thoát khỏi sự trói buộc.

Cho nên, giải thoát thực sự là luyện cho tâm trí ở yên trong tam muội bất động, từ đó vượt qua ham muốn của phàm phu, tìm kiếm chí đạo tối cao vô thượng.

Trước hết, phải làm cho tâm nhập thiên định, rũ bỏ mọi tà niệm vọng tưởng. Chúng ta tọa thiền kết tay khoanh chân, điều tức điều thân, tịnh tâm, phân biệt ý thức, trừ tà vọng niệm, tự nhiên sẽ đạt đến mức độ gió thổi không động, phát huy được ý chí kiên cường.

Có ý chí kiên cường, lòng như sắt đá, không dao động. Phải biết rằng những điều tai nghe mắt thấy là giấc trong. Con người tuy bị tai mắt dụ dỗ, bị tình cảm cám dỗ, nhưng chỉ cần lòng dạ kiên định, thì sẽ không có hại gì.

Thử nghĩ, gia tài ức vạn, cơ thể cường tráng sống lâu, nhưng đến cuối cùng vẫn ở trong nắm mồ hiu quạnh, lạnh lẽo. Cuộc đời vô đạo, đời sống của con

người nhiều lắm cũng chỉ là một giấc ảo mộng. Cho nên giá trị của con người không ở cái gì khác, mà chủ yếu nằm ở tôn trọng đạo lớn. Cái gốc của đạo là độc nhất vô nhị, phân tích ra thì không ngoài trung, hiếu, cung, kiệm, bác ái v.v... Khổng Tử nói: “Sáng nghe đạo, tối chết cũng được.” Vậy đạo là gì?

Đạo là căn nguyên của trời đất. Thể xác và tinh thần của chúng ta cũng đều là sự hiển hiện của đạo, hình thể có sinh diệt, nhưng đạo thì thường trú bất biến. Hình tượng có khác biệt, còn đạo lại bình đẳng như nhau; phàm phu ở trong đạo mà quên đạo, nhưng Phật thì lấy đạo làm thân tâm. Do đó, người ngộ đạo có thể thấy Phật, ngược lại, người thấy Phật cũng có thể ngộ đạo.

Phật Đà nghiên cứu gốc lớn của đạo, nên vận dụng được lực thần thông vô ngại. Tuy nhiên, đạo vốn bình thường, hoàn toàn biểu hiện ở thân tâm chúng ta. Hoa mùa xuân, chim mùa hạ, trăng mùa thu, tuyết mùa đông, tất cả đều là biểu hiện của đạo.

Phải biết rằng, sự thịnh suy của nhân gian cũng hờ hững, dừng dừng giống như tuyết sương trong không khí. Nếu chúng ta hiểu rõ quy luật càn khôn, thì trong bất kỳ trường hợp nào cũng được thản nhiên an tâm, không cần lo nghĩ.

---o0o---

ĐƯỢC AN TÂM TỪ QUAN NIỆM TÍN NGƯỠNG

Tín ngưỡng có nghĩa là tín Phật quy y. Phật là thân vạn đức viên mãn, sự khác biệt nằm ở tam đức: 1. Trí đức, tức là ánh sáng trí tuệ của Phật, sự giác ngộ của Phật; 2. Đoan đức, tức là sự uy nghiêm của Phật, sự giải thoát; 3. Ân đức, tức là toàn bộ thân tâm của Phật, kết tinh của đại từ đại bi. Phật ở cõi đời này là nguồn sáng chiếu phá mọi mê ám, cũng là đại lực chinh phục mọi ác ma trong ngoài, càng là người cha hiền cứu tế chúng ta thoát khỏi khổ nạn.

Do đó, một khi chạm đến ân đức của Phật quang, sẽ giống như qua sông được đò, trong đêm tối được đèn, được đại an tâm trong hoan hỷ.

Chúng ta bình thường nhìn vạn vật phải mở mắt ra, nhưng nhìn Phật thì phải nhắm mắt là tin vào sự từ bi của Phật, tin vào sự thực tại của Phật, quan sát chính mình, tự kiểm điểm song song với việc triệt để cảm ân, tức có thể bá kiến sự đại quang minh của Phật, đi giữa vạn vật trời đất, ôm lấy tất cả. Lúc

này toàn thân chúng ta được Phật quang bao phủ, không còn sự tồn tại của cái tôi; có nghĩa là, thân này đã tan chảy trở thành thể quang minh của Phật. Từ đó có được ánh sáng của Phật, hóa thành sức mạnh hóa giải mọi phiền não, có được khả năng nhãn nhĩ, lạc đạo ưa thiện, tinh tiến vươn lên.

Ngày xưa có một ni cô, tín ngưỡng rất sâu, có khả năng nhãn nhĩ rất tốt. Có người cố ý té nước lên đầu cô, cho rằng cô sẽ nổi giận, nào ngờ cô nói như thể chẳng có chuyện gì xảy ra: “Đã lâu trời không mưa, chút nước này cũng chẳng ướt được đến đâu. Sự mát mẻ này là do Phật ban cho vậy.”

Lại có người đánh vào đầu cô, nhưng cô nói: “Ngói trên mái nhà rơi xuống đầu còn mạnh hơn thế này, chỉ cần không mất mạng, cũng coi như lòng từ bi của Phật.”

Ba phương pháp có được sự an tâm nêu trên đáng để chúng ta học tập nhằm làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

---o0o---

CHƯƠNG VI - PHẬT GIÁO VÀ ĐẠO LÝ TỰ CƯỜNG

Phật giáo khi đề cập đến sự tốt đẹp của cuộc sống thường dùng hai chữ “trang nghiêm”, nghĩa là trang trọng và nghiêm túc, tích cực và tràn đầy sức sống.

Trang nghiêm là sự dung hòa của vẻ đẹp bên trong lẫn bên ngoài.

Khi khen ngợi tướng mạo, màu da, dáng vẻ của ai đó, người ta thường dùng từ “xin đẹp”... Đó là sự nhận định phiến diện, bề ngoài, bởi một con người dù đẹp đến đâu, nếu không có tính tình, phẩm đức lương thiện thì cái đẹp đó cũng chỉ là cái đẹp khiếm khuyết, không đáng lưu luyến. Nói về đồ vật, một đồ vật được chế tạo qua loa, dù có vẻ ngoài hào nhoáng nhưng không bền, nhanh hỏng, đương nhiên cũng không đáng khen ngợi. Vẻ đẹp mà Phật giáo ca ngợi là “trang nghiêm”, tức là bề ngoài hay bên trong đều phải đẹp thực sự, không một chút khiếm khuyết.

Lấy thí dụ, người phụ nữ có vài phần nhan sắc, lại giỏi an nói, làm việc cũng giỏi giang, vẻ đẹp bề ngoài như thế đã đủ. Nếu lại thêm đức tính nhẫn nhĩ, biết phụng dưỡng cha mẹ chồng, biết làm cho chồng vui vẻ, dạy dỗ con cái đàng hoàng, mọi việc trong nhà thu vén đâu vào đấy, tính khí lại tốt, tức là có vẻ đẹp tâm hồn, thì hẳn nhiên sẽ được cha mẹ chồng quý mến, chồng yêu

thương, con cái kính trọng. Người phụ nữ đẹp cả trong lẫn ngoài như thế mới được coi là điển hình của vợ ngoan mẹ hiền.

---o0o---

LÀM THẾ NÀO ĐỂ CÓ ĐƯỢC SỰ TRANG NGHIÊM?

Tóm lại, vẻ đẹp của đức tính bao gồm trí tuệ, lòng từ bi, sự cung kính, nhân nhĩn. Vẻ đẹp bề ngoài là dung mạo đoan chính, cuộc sống an hòa, hoàn cảnh tốt đẹp... Có vẻ đẹp bề ngoài mà thiếu đức tính bên trong thì đó là cái đẹp khiếm khuyết. Vậy thì, làm thế nào để có cả vẻ đẹp bề ngoài lẫn bên trong, để cuộc sống trang nghiêm mỹ mãn?

Thứ nhất, phải năng khơi dậy trí tuệ. Trí tuệ là cái quan trọng nhất của mỗi người. Mặt trái của trí tuệ là ngu si. Cứ nhìn những người đàn độn, chẳng hiểu chuyện gì, sống vô ý nghĩa là đủ thấy người vô trí đáng thương đến mức nào. Trí tuệ là cửa sổ tâm hồn của con người, không có nó chúng ta sẽ trở nên đàn độn, ngu dốt. Cho nên điều đầu tiên chúng ta cần ghi nhớ là phải khơi dậy trí tuệ, không ngừng trau dồi chính mình, đương nhiên phải tìm kiếm trong Phật pháp.

Tại sao? Bởi giáo lý mà Phật Đà sáng tạo là đạo lý chính giác, nói rõ bản chất của vũ trụ nhân sinh, khiến cho người ta hiểu được chân lý, tịnh hóa nhân sinh, từ đó làm đẹp cuộc đời mình. Một giáo đồ Phật giáo chính tín luôn làm những việc có ích cho người khác và cho mình, không bao giờ nhúng tay vào những việc sai trái.

Thứ hai, phải bồi dưỡng lòng từ bi. Điều mang lại niềm vui cho tha nhân là từ, cứu tế nỗi thống khổ của người khác là bi. Tôn chỉ của Phật pháp là từ bi cứu khổ. “Tâm kinh” viết: “Độ mọi khổ ách”. Xét từ căn bản, sự lo âu khổ sở của con người sinh căn từ đâu? Cái khổ này phụ thuộc vào những yếu tố dưới đây: 1. Nhân tố cá nhân: Nỗi khổ muộn, sâu não về tâm sinh lý của cá nhân đã tồn tại trong người mình, ắt sẽ có khổ não; 2. Nhân tố gia đình: Các thành viên trong gia đình là vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh em. Tục ngữ nói “Yêu nhau thì dễ, sống với nhau mới khó.” Sống với nhau lâu, quyến thuộc không tránh khỏi xảy ra những xích mích, thế nên sinh ra khổ; 3. Nhân tố quốc gia: Một đất nước lớn dễ nảy sinh nhiều vấn đề; 4. Nhân tố quốc tế: Các nước trên thế giới bất hòa với nhau, có thể dẫn đến chiến tranh, tạo thành kiếp nạn vô tiền khoáng hậu, thí dụ đại chiến thế giới thứ hai khiến cả thế giới điêu tàn. Đó là những khổ nạn do quan hệ quốc tế sinh ra.

Thứ đến nói về tâm cảnh. Cở thể con người bao gồm 2 mặt: tâm lý và sinh lý. Phật nói con người không tránh khỏi sinh, lão, bệnh, tử, nhưng ai cũng muốn không già, không bệnh, không chết. Phụ nữ sợ người ta biết tuổi của mình, có nghĩa là sợ già. Có không ít người càng già càng chú ý đến chuyện ăn mặc, đó hoàn toàn là biểu hiện không muốn già, ghét già. Còn về cái chết, có thể nói là không ai không sợ.

Lại nói về nỗi khổ não của giới tự nhiên, thí dụ trời hạn không mưa, nạn lũ lụt, gió bão động đất, núi lửa phun, băng tuyết tan... Trước kia giao thông bất tiện, mọi người phải đi bộ, lội suối trèo non, rất khổ sở. Nay tuy đã có đủ loại phương tiện giao thông nhưng lại sợ gặp tai nạn. Như thế có thể thấy, có thể giới loài người là có mọi nỗi thống khổ.

Từ bi mà Phật giáo nói là dựa trên nguyên tắc làm người “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân” (Cái mình không muốn thì đừng mang lại cho người khác); không ích kỷ, không vì mình; không chỉ yêu sinh mạng, vinh dự của mình, mà còn phải yêu quý sinh mạng, vinh dự của người khác. Cho nên, muốn giải thoát khỏi mọi nỗi thống khổ, chúng ta cũng phải tìm cách giải thoát cho người khác. Đức Phật tự mình giải thoát khỏi nỗi thống khổ sinh tử luân hồi nên chứng được chính quả, nhưng Ngài không lấy đó làm thỏa mãn, bởi lý tưởng của Ngài là muốn cho mọi người trong thiên hạ đều thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi, tu chứng chính giác và thành Phật.

Lòng từ bi do hàng ngày bồi dưỡng, rèn luyện mà có. Chúng ta cần bắt đầu từ “mỗi ngày làm một việc thiện”. Những việc nhỏ thường ngày như vậy sẽ gầy dựng nên đức tính tốt, cũng là biểu hiện của lòng từ bi.

Thứ ba, phải cung kính Tam bảo. Bảo nghĩa là quý giá, tôn kính. Cái chí tôn chí quý trên đời là gì? Là Tam bảo – Phật bảo, pháp bảo, tăng bảo. Bản thân Tam bảo rất thuần khiết, tôn quý, đồng thời có thể giúp giải thoát nỗi khổ của chúng ta, ban cho chúng ta sự yên vui. Nói một cách đơn giản, Phật sáng tạo ra chân lý Phật giáo, chủ yếu là để cứu tế loài người, giúp con người tránh khổ được sướng, đương nhiên phải cung kính. Pháp là mọi pháp môn mà Phật chỉ thị phải tu hành theo, có câu “tám vạn bốn nghìn pháp”, mười hai bộ kinh Tam Tạng, tất cả những thứ này đều có thể đưa sinh mệnh chúng ta vào chân lý, hành vi vào nề nếp, do đó tôn trọng pháp là biểu hiện của lý trí. Tăng (sư) đại diện cho Phật Đà ở thế gian khai mở chúng ta, dạy chúng ta cách phụng hành Phật pháp, bỏ tối theo sáng. Sự tiên tri tiên giác như vậy sao có thể không tôn trọng? Bởi vậy, nếu không muốn tự hủy hoại mình, chúng ta cần một lòng cung kính Tam bảo.

Thứ tư, phải bồi dưỡng đức tính nhẫn nại. Các thánh nhân hào kiệt xưa nay phần lớn nhờ có đức tính nhẫn nại mà khắc phục mọi khó khăn, giành được thành công. Người xưa có câu: “Việc nhỏ không nhịn ắt loạn mưu lớn.” Danh tướng Hàn Tín thời Hán khi còn trẻ đã vượt qua nỗi nhục khi phải “chui qua háng” của người bán thịt. Đó chính là thí dụ tốt nhất về chữ nhẫn. “Di giáo kinh” viết: “Người biết nhẫn là bậc đại nhân, có thể thành danh thành công.” Cổ nhân nói: “Chỉ có biết nhẫn thì cái đức mới lớn.” Người biết nhẫn nhịn dễ được người khác quý mến và giúp đỡ, không bao giờ bị cô lập. Trái lại, không khi nào chịu nhẫn nhịn, chỉ làm theo ý mình, chắc chắn sẽ làm cho sự việc căng lên, khó tránh khỏi rước họa vào thân.

Có đủ bốn đức hạnh này, đức tính của chúng ta sẽ hoàn hảo, đời sống tinh thần sẽ trang nghiêm. Còn vẻ đẹp hình mạo thì thế nào? Có cách nào để thay đổi nó không? Đây là vấn đề đáng để chúng ta bàn thảo.

Từ thuyết nhân quả tam thế của nhà Phật, tức là có kiếp quá khứ, kiếp hiện tại và kiếp tương lai, tầm mắt chúng ta đừng dừng ở kiếp hiện tại, mà phải nhận thức rõ rằng:

1. Thân xác hư ảo của con người một khi chết đi, một thể sinh mệnh khác lại hồi sinh, tử rồi sinh, sinh rồi tử muôn kiếp không ngừng.

2. Khi theo đuổi vẻ đẹp bề ngoài, đừng chỉ giới hạn ở vẻ đẹp hiện tại, mà phải theo đuổi sự hoàn mỹ đó trong tương lai, đó mới là cách nhìn nhận tối thượng.

3. Sự đẹp xấu của con người đều có quy luật nhân quả nhất định. Công đức tích được ở tiền kiếp sinh ra hình tướng đẹp trong kiếp này. Hình tướng đẹp của Phật Đà là hoàn mỹ nhất trong nhân loại. Có được “ba mươi hai tướng, tám mươi chủng tốt” đều nhờ công đức mà Phật Đà tích được trong kiếp vô lượng của mình. Chúng ta học Phật, bắt chước Ngài làm ra công đức vô lượng, sau này cũng sẽ có được tướng tốt.

4. “Tướng tùy tâm biến” (tướng thay đổi theo tâm), hành vi thiện ác của con người luôn ảnh hưởng rất lớn đến hình tướng bên ngoài của họ. Kinh Phật nói: “Tâm là họa sĩ, có thể vẽ được các sắc tướng.” Cho nên, muốn làm cho hình tướng mình trang nghiêm, chúng ta phải trừ bỏ mọi ác tâm, cộng tu mọi thiện tâm.

Tóm lại, công đức song hành với trang nghiêm. Công đức vô lượng làm nên sự trang nghiêm vô lượng. Vậy thế nào là công đức? Làm việc thiện giúp đỡ người là công đức. Việc thiện một mặt có tác dụng chiêu phước, mặt khác có phẩm tính hoàn mỹ. Các việc như cúng dường Tam bảo, hiếu kính cha mẹ, thầy cô, cứu tế người dân bị thiên tai, dân nghèo đứng lúc, năng đi chùa niệm Phật..., đều là những công đức bình thường mà chúng ta cần làm. Việc thiện càng nhiều thì công đức tích được càng lớn, đồng thời có thể giúp hình tướng cuộc sống kiếp này của chúng ta trở nên tốt đẹp, cuộc sống kiếp sau cũng được phúc báo tốt.

Khi tiền tài dư dả, năng làm việc thiện, tất nhiên là điều rất tốt. Nhưng công đức quý ở tấm lòng, nếu không có lòng, thì làm bao nhiêu cũng vô ích. Thực lòng quan trọng hơn bất kỳ điều gì. Trong kinh Phật có một câu chuyện:

Khi Phật còn tại thế, có một người rất nghèo nhìn thấy người ta cúng dường Phật, ông ta cũng xuất phát từ lòng hoan hỷ, rất muốn cúng dường Phật cho đàng hoàng. Tìm khắp trong nhà vẫn không có gì, ông ta quyết định mỗi ngày tích lũy một chút, tích lũy được một tháng thì cho rằng đã có đủ thứ để cúng dường Phật, sau đó thành kính đến mời Phật đến nhà mình. Ông ta lễ Phật và nói với vẻ rất áy náy: “Kính đức Phật Đà chí cao, cả tháng nay lúc nào con cũng muốn cúng dường Ngài, nhưng ngặt nỗi nhà nghèo quá, nên đến hôm nay mới có thể dâng chút lòng thành lên Ngài, lòng con thực vừa áy náy vừa vui mừng.”

Phật bảo: “Trong cả tháng qua, thực ra ngày nào ta cũng nhận cúng dường của con.”

Người nghèo nọ rất kinh ngạc, nói: “Ngài nói thực chứ?”

Phật giải thích: “Cả tháng qua, ta biết lòng con ngày nào cũng muốn cúng dường ta, như vậy là đã cúng dường ta rồi. Cho nên công đức của con lớn lắm.”

Như vậy, tu công đức lớn chỉ cần ta có lòng là đủ. Thử nghĩ, tu công đức có gì khó đâu? Biết bao sự việc thường dựa vào lòng người, dựa vào lòng chí thành của con người để làm ra những hành vi có lợi cho tha nhân, “thiện ác ở ngay trong một ý niệm của ta và người”.

---o0o---

PHẬT PHÁP VI DIỆU VÔ THƯỢNG ĐẾN TỪ LÒNG CUNG KÍNH

Sách “Trung dung” viết: “Lòng thành là đạo của trời đất; có lòng thành là đạo của con người”. Tầm quan trọng của lòng thành cố nhiên không cần phải nói nhiều. Tuy nhiên “thành” và “kính” tuy một mà hai, tuy hai mà một. “Kính” là cung kính. Có lòng cung kính ắt sẽ có lòng thành lớn nhất. Đối xử với người khác bằng lòng cung kính tự nhiên sẽ được người khác quý mến, cũng khiến người ta cảm động vì tấm lòng thành của bạn mà tăng cường sự hợp tác giữa người với người. Học chân lý Phật pháp cũng vậy, phải có lòng cung kính. Lễ Phật niệm Phật, cổ nhân đều dạy chúng ta trước hết phải tắm gội sạch sẽ, chuẩn bị hương hoa cúng dường để tỏ lòng thành vô hạn. Phật Bồ tát sẽ tiếp nhận lòng thành kính của chúng ta, việc lễ Phật niệm Phật như thế mới có công đức.

“Phật pháp đến từ lòng cung kính.” Mất đi ý niệm cung kính sẽ tuyệt đối không có cách nào tìm được chân lý Phật pháp. Hai chữ “cung kính” có thể nói là vô cùng quan trọng đối với cuộc đời con người. Thí dụ như ngũ luân – mối quan hệ giữa cha con, vua tôi, vợ chồng, anh em, bạn bè, nền tảng của luân lý này hoàn toàn được xây dựng trên sự “cung kính”.

Trước hết nói về quan hệ cha con, cổ nhân muốn: “Người làm con phải hiếu; người làm cha phải nhân từ.” Hiếu ở đây là hiếu kính, người làm con phải thể hiện hiếu đạo bằng lòng thành kính lớn nhất, tận tình phụng dưỡng cha mẹ. Thứ đến là quan hệ vua tôi, ngay cả trong thời đại dân chủ như ngày nay, người lãnh đạo cũng vẫn phải dùng lễ để đối xử với thuộc cấp của mình, thuộc cấp dưới quyền phải tận trung tận kính, không được một dạ hai lòng. Lại nói đến đạo vợ chồng, vợ chồng hòa hợp thì gia đình mới hạnh phúc. Muốn vậy, chúng ta phải phu xướng phụ tùy, vợ chồng kính nhau như khách. Nói đến quan hệ anh em, anh đối xử với em như bạn, em kính trọng anh”, đó là “kính”, hoặc gọi là hiếu đễ, cùng là cái gốc giống như hiếu thuận với cha mẹ. Còn về quan hệ bạn bè, điều quan trọng nhất là giữ chữ tín thì tình bạn mới không lung lay thay đổi.

Cho nên, Tăng Tử yêu cầu chúng ta mỗi ngày phải kiểm điểm lại mình ba lần, sách “Trung dung” viết: “Chơi với bạn bè, có thể không giữ chữ tín được không?”, khuyên con người phải kiểm điểm xem đã tận tín nghĩa chưa? Tác phong uy tín thành thực này thực ra là biểu hiện của “kính”. “Kính người, người sẽ kính mình”, sự đồng điệu giữa người với người được xây dựng trên quan hệ tốt đẹp, nhất là phải xây dựng trên cơ sở hai chữ “cung kính”. Nếu mở rộng tinh thần “kính nhau như khách” sang mọi người và mọi việc, chúng ta sẽ đạt được thành công.

THẾ NÀO LÀ TỰ CƯỜNG?

Là tính độc lập, không ỷ lại

Kinh dịch” nói: “Thiên hành kiện, quan tử dĩ tự cường bất tức” (Đạo trời vận hành liên tục, không bao giờ ngừng nghỉ, không ai ngăn trở được, người quân tử phải noi theo đạo trời, tự lập tự cường, không ngừng phấn đấu). Phật giáo coi trọng đạo lý nhân quả, nói rằng “như thị nhân, như thị quả” (nhân nào thì quả nấy). Một người gian xảo phạm nhiều lỗi lầm, dù được lợi bằng thủ đoạn phi pháp, lấy của bất nghĩa để thỏa mãn nhu cầu vật dục, cuối cùng vẫn không thoát khỏi lưới trời. Đến khi ấy không biết sẽ phải chịu bao nhiêu khổ não, đó chẳng phải là “được chẳng bù mất” hay sao?

Ngược lại, một người bình thường thích làm việc tốt, khảng khái giúp đỡ tha nhân, có hậu bao của người đó ngày một vơi đi, giống như tổn thất, nhưng kỳ thực công đức anh ta ngày một tăng lên, bởi “thiện hữu thiện báo”. Anh ta được xã hội yêu mến, con quý cháu hiền, phúc đức đầy nhà. Còn niềm vui về tinh thần thì càng khó hình dung. Bởi người làm việc tốt luôn thấy lòng thanh thản, “giúp đỡ người khác là cái gốc của niềm vui”, niềm vui đó là vô hình, chỉ có bản thân người làm việc tốt mới cảm nhận được.

Chúng ta phải hiểu rằng, đời sống con người có hai mặt: một là đời sống vật chất, hai là đời sống tinh thần. Người bình thường đều theo đuổi đời sống vật chất, cho rằng đó là quan trọng nhất, thí dụ quan cao lộc hậu, điện vàng lầu ngọc, sơn hào hải vị..., đều là những thứ con người ta hướng tới. Nhưng người quân tử thì coi trọng đời sống tinh thần hơn, họ tu tâm dưỡng đức, rèn cho tinh thần không ngừng hướng thượng. Đời sống tinh thần phong phú thực chất là phương pháp trừ khổ được sướng. Phật giáo muốn chúng ta coi trọng đời sống vô hình, cầu tinh thần hướng thượng. Cho nên Phật giáo yêu cầu người học Phật “tự làm sạch ý mình”, nghĩa là tránh xa việc xấu, làm mọi việc tốt. Cố gắng làm mọi việc thiện, đó chính là đạo tự cường.

Theo quan điểm của Phật giáo, tự cường cũng có thể giải thích là con đường tạo nên nhân cách. Thái Hư đại sư từng nói: “Thành người thì thành Phật.” Phật ở nhân gian thuyết pháp độ chúng sinh 49 năm, Ngài không chỉ nói về bốn thánh đế, tám chính đạo, giải trừ phiền não thống khổ của nhân sinh; mà còn lấy mình làm gương, tỏ cho người đời trên phải hiếu kính cha mẹ, cho nên khi phụ vương của Phật là Tịnh Phạn Vương băng hà, Ngài đích thân vác quan tài, sau khi thành đạo lại lên Đạo Lợi Thiên thuyết pháp cho mẹ.

Với người đồng trang lứa và cấp dưới thì phải hữu ái như anh em, yêu thương như con cái. Thí dụ, Phật độ em trai mình là A Nan, cùng con đẻ La Hầu La xuất gia tu đạo. Phật lại giảng “Lục phương lễ kính” và “Thập thiện đạo nghiệp kính”..., mục đích là làm cho chúng tín trước hết làm người tốt, hoàn thành nhân cách hoàn mỹ, sau đó cầu Phật đạo cũng không muộn. Phật yêu cầu chúng ta sống trang nghiêm, không ngừng tự cường để vươn lên.

Nói đến tự cường, thì “tâm” là quan trọng nhất. Không hiểu đạo lý tự cường thì giống như người nghèo khó chỉ biết ngưỡng mộ sự vinh hoa phú quý của người khác mà không biết rằng sự giàu có đó là phúc báo anh ta nhận được nhờ kiếp trước tu thiện, cũng như nhờ sự cần cù trong kiếp này mới có. Nếu chúng ta không ngừng phấn đấu, chắc chắn sau này cũng sẽ giàu có như người đời. Người không tự cường, luôn dựa vào kẻ khác, hoặc mơ ước ông trời giúp anh ta trúng số để trở thành người giàu có, sẽ do thiếu ý chí, lười nhác mà cuối cùng thứ nhận được chỉ là hy vọng hão huyền.

Đạo lý của Phật giáo thực ra là đạo lý tự cường, dạy con người ta phải tích cực mưu cầu hạnh phúc, đòi hỏi không dựa dẫm vào bất kỳ ai ngoài chính mình, phải độc lập, tự cường thực hiện “ngũ lực”. Vậy “ngũ lực” là gì? Đó là:

1.Thể lực: Coi trọng vệ sinh thân thể, biết cách giữ gìn sức khỏe, tập thể dục đều đặn, không tùy tiện tiêu hao tinh thần khí lực... Phải nhớ, sức khỏe đáng quý hơn của cải, đó là chân lý vĩnh hằng.

2.Phú lực: Muốn giàu có, phải biết tiết kiệm, tiết chế, bồi dưỡng nền tảng cuộc sống, không ngừng sản xuất để cuộc sống đi lên. Không rơi vào xa xỉ dâm dật, biết cách tiêu tiền, làm cho tiền đẻ ra tiền, phát huy giá trị của đồng tiền.

3.Trí lực: Trí thức là mẹ đẻ của văn hóa. Khai dậy, nâng cao trí thức là nhận thức cần có của mỗi người, bởi vì mọi ngành khoa học đều sinh ra từ trí lực.

4.Đức lực: Đây là khâu cực kỳ quan trọng, thứ mà con người luôn thiếu chính là sức mạnh của đạo đức, chúng ta phải không ngừng bồi dưỡng đức tính, quên mình để mưu cầu phúc lợi cho người khác và xã hội.

5.Từ bi lực: Lấy lợi ích của tha nhân làm tiền đề, coi hạnh phúc của người khác là hạnh phúc của mình, sẵn lòng giúp người khác thoát khỏi khổ não.

Là khả năng trấn định, gặp biến cố không kinh sợ

Bồ tát Đại thừa trong Phật giáo phải thực hiện lục độ, đó là: 1. Bố thí; 2. Giữ giới; 3. Nhẫn nhục; 4. Tinh tiến; 5. Thiền định; 6. Trí tuệ. Một trong lục độ là thiền định, nghĩa là: Bồ tát cứu độ chúng sinh, tuy nhiên thân tâm của anh ta phải có sự tu dưỡng đặc biệt mới không bị hoàn cảnh chi phối. Thiền định là phương pháp tu luyện giúp tập trung tinh thần, thân tâm an định, dùng để khắc chế tam độc tham sân si hoặc mọi tình cảm không chính đáng, giúp con người tập trung tư duy để thể nghiệm chân lý. Tu học Bồ tát có thể dùng thiền định để ngăn chặn tư tưởng khiến rối loạn, bước vào pháp thiện của chính đạo, học Phật như vậy chắc chắn sẽ thành công.

Tọa thiền đến một mức độ nào đó sẽ tu thành “định lực” lớn, định lực hình thành thì cái tâm phiền não dần bị tiêu diệt, tâm tịnh sẽ có thể hiện thành. Khi tâm tịnh sẽ hiện ra một luồng ánh sáng trí tuệ lớn. Có được luồng ánh sáng trí tuệ này, dù đối mặt với mọi khó khăn chúng ta vẫn không chùn bước, luôn cố gắng vươn lên, đó chính là biểu hiện gặp biến không kinh sợ.

Là nhận thức được tầm quan trọng của quy luật nhân quả

Luật nhân quả của Phật giáo thực sự đã chứa đựng mọi chân lý của thế gian. Phật được con người tôn trọng gọi là Phật Đà, là vì Phật có Phật đức trang nghiêm, giống như Khổng Tử vạn thế sư biểu, được tôn trọng là thánh nhân một đời, là bởi ngài có đủ thánh đức.

Gieo nhân nào thì gặt quả ấy. Nhân quả không thể đảo ngược, vĩnh viễn tồn tại, xét trên phương diện khoa học, luật nhân quả là hợp lý. Thí dụ, một năm bốn mùa khí hậu khác nhau, nguyên nhân là do trái đất quay quanh mặt trời theo quỹ đạo dẫn đến thay đổi phương hướng và khoảng cách. Một ngày 24 giờ sở dĩ có ngày và đêm, là vì trái đất tự quay xung quanh nó nên quay lưng lại với mặt trời.

Cổ Đức nói rất hay: “Không có Thích Ca trong thiên nhiên, sẽ không có Di Lặc trong tự nhiên.” Nếu chưa hiểu được luật nhân quả, chúng ta phải chịu khó tu dưỡng mình. Tu dưỡng mình chính là tự cường, đây là đức tính quan trọng; biết tu dưỡng chính mình, trí năng hoặc đức tính sẽ phát triển vô hạn, dù người thấp lùn cũng có thể trở thành quân tử, anh hùng, hoặc thánh nhân. Tu dưỡng là một quá trình rèn luyện, con người giống như hòn ngọc thô chờ được mài giũa. Khi chưa được mài giũa, ngọc chỉ là một hòn đá thô, nhưng nếu được gia công kỹ lưỡng, nó sẽ trở thành vật quý, phát ra ánh hào quang rực rỡ. Cho nên, ngày nay mỗi người chúng ta đều phải rèn luyện đức tính tự cường.

Chúng ta phải biết rằng, trong sáu ngã, quả báo của ngã con người là đáng quý nhất. Kinh sách viết: “Thân người khó được nay đã được, Phật pháp khó nghe nay đã nghe.” Có được thân người, được nghe Phật pháp, đó là nhờ nhân tu thiện ở kiếp trước, cũng là niềm vinh hạnh của con người chúng ta. Kinh sách còn viết: “Thân này không sống ở kiếp này, thì sống ở kiếp nào cho được?” Có nghĩa là yêu cầu chúng ta có được thân người thì không được sống hoài sống phí một đời, mà phải xúc dậy tinh thần, đẩy lùi và chế phục mọi ác ma đến phạm.

Chúng ta phải tự khuyên mình cố gắng tu thiện vun phúc, rèn luyện bản thân, không bao giờ đánh mất mình, trượt lạc trong ác đạo, nếu không, sẽ giống như lên núi quý mà tay không trở về, sống uổng phí một đời.

---o0o---

CHƯƠNG VII - BÀN VỀ NHÂN SINH QUAN VÀ CẢI TẠO VẬN MỆNH

NHÂN SINH QUAN CỦA CON NGƯỜI

Mỗi người sống trên đời đều có nhân sinh quan riêng. Chính vì nhân sinh quan khác nhau nên dẫn đến hành vi khác nhau. Thông thường nhân sinh quan của con người có thể chia thành các loại như sau:

Nhân sinh quan lạc quan

Có suy nghĩ lạc quan về cuộc sống, cho rằng cuộc sống hiện tại vui nhiều buồn ít và có giá trị. Những người như vậy phần lớn có hoàn cảnh tốt, có địa vị, có tiền bạc, và thường là những người theo chủ nghĩa hưởng thụ dục vọng. Thí dụ: Tần Thủy Hoàng xây dựng cung A Phòng xa hoa bậc nhất, đưa rất nhiều mỹ nhân đến đó rồi tha hồ hưởng lạc. Ông yêu quý cuộc sống hiện tại, dương dương tự đắc, có phải như thế đã thỏa mãn chưa? Tuyệt đối không phải. Mặc dù về tiền bạc vật chất ông hưởng không hết, dùng không xuể, nhưng về phương diện nhân thọ, ông càng ra sức hưởng lạc thì càng lo lắng ngày mai không dài. Vì thế ông tin lời thuật sĩ, mê hoặc theo phương hướng câu tiên trường thọ, tin vào điều mà Trang Tử, Liệt Tử nói: “Trong sông biển có thần nhân ở”, phái Từ Phúc mang 500 đồng nam đồng nữ đi khắp sông biển để tìm linh dược trường sinh bất lão về cho mình. Nhóm Từ Phúc đến biển Đông không cầu được tiên dược linh đan, lại không dám về nước, đành phải tìm vùng đất lạ lánh nạn. Có thể thấy dục vọng, sự ích kỷ tự lợi không thể đạt được lý tưởng chân chính của cuộc đời.

Tào Tháo là một gian hùng thời Tam Quốc, làm tới chức Thừa tướng, nhưng ông không nghĩ đến ân huệ vua ban, lại ép thiên tử ra lệnh cho chư hầu, làm mọi việc hại lẽ trời. Ông ta không cho rằng trên đời có thiên lý, một mặt lừa đời lấy tiếng, giả nhân giả nghĩa, hy vọng được người khác ủng hộ và khen ngợi; mặt khác lại than thở đời người ngắn ngủi, phú quý không hưởng được mãi. Do đó, ông ta bề ngoài vui vẻ, nhưng thực ra trong lòng rất sâu não, lo sợ. Bài “Đoản ca hành” nổi tiếng của ông thể hiện rõ nét nhân sinh quan của ông.

Hiện nay rất nhiều người chịu ảnh hưởng của nhân sinh quan lạc quan tiêu cực. Chỉ cần cuộc sống hôm nay tốt đẹp, chẳng màng ngày mai sẽ thế nào? Nhân sinh quan như vậy là hồ đồ. Họ coi cảnh giới nhân sinh quá nhỏ hẹp, hoàn toàn không hiểu rõ mục đích của sự sinh tồn.

Chúng ta phải biết rằng, cơ thể con người giống như một cỗ máy có kết cấu tinh xảo với tổ chức phức tạp, nếu ra sức hưởng lạc, sẽ giống như cho máy chạy không ngừng, máy tự nhiên sẽ hỏng. Sức khỏe của con người, tâm lực, thể lực và tinh lực đều bị tổn hại, ảnh hưởng rất lớn đến sự nghiệp, vì tiêu hao tinh lực vào những chỗ vô ích. Đến khi làm việc chính đáng, ắt sẽ rơi vào trạng thái tinh thần ỉu rũ, như thế đừng nói là sự nghiệp khó thành, mà ngay thể xác cũng dần suy kiệt. Như vậy, tiền đồ thật đáng lo ngại.

Tuy nhiên vẫn còn có nhân sinh quan lạc quan tích cực hơn, đó là nhân sinh quan mà tư tưởng kiện toàn hơn, tình tình hoàn mỹ hơn, quan sát nhân sinh triệt để hơn, thí dụ tinh thần “biết không làm được mà vẫn làm” của Khổng Tử.

Nhân sinh quan yếm thế (ghét đời)

Nhiều người cảm thấy chán ghét đời sống, cho rằng cuộc sống hiện thực có quá nhiều nỗi thống khổ, tội ác nhiều hơn thiện mỹ, ngay đến bản thân sự sinh tồn chẳng qua chỉ là tội lỗi, thấy cuộc đời không có gì để lưu luyến. Nhân sinh quan như vậy tràn đầy cách nhìn bi quan, cảm thấy sống không bằng chết. Do đó không có một chút phần chân tinh thần, không còn tin vào khả năng vốn có của mình, từ đó sinh ra hành vi hời hợt, cầu thả.

Nhà triết học người Đức Schopenhauer là người đầu tiên khởi xướng luận điệu nhân sinh bi quan, ông nói nhân loại phần lớn là những kẻ ngu muội, thiếu thông minh, gian ác狡詐 mà thiếu thành thực, lương thiện. Luận điệu của ông khái quát toàn thể cuộc sống bằng tất cả những gì nhìn thấy được ở cuộc sống không hoàn thiện, mà xem nhẹ mặt hoàn thiện của nó.

Sống không nên chán chường, chúng ta được sinh ra trên đời, thì phải sống cho lành mạnh, sống cho có ý nghĩa để không bao giờ phải ân hận, hối tiếc. Kẻ ghét đời thường tuân theo chủ nghĩa số phận, cho rằng đời mình bị số phận chi phối, sự nghèo khó, ngu dốt, thống khổ, mọi bất hạnh của kiếp này đều là do số phận sắp đặt sẵn, với sức mạnh của mình hiện nay thì không thể xoay chuyển được càn khôn, biến vận xấu thành vận tốt. Nào biết rằng mọi hy vọng, phúc lạc của cuộc sống bắt nguồn từ sự sinh tồn, nếu mất nó, mọi thứ sẽ không tồn tại.

Do đó, những quan điểm tiêu cực chẳng những không ích gì cho hạnh phúc của con người, mà còn gây ra những tác hại to lớn. Các tôn giáo trên thế giới đều phản đối những quan điểm này. Theo quan điểm của Phật giáo, con người không phải chết đi là giải quyết được mọi chuyện; trái lại, nghiệp khi còn sống tạo ra – hành vi, chết đi vẫn không thể giải quyết triệt để.

Phật giáo chỉ ra phương pháp giúp chúng ta đối mặt với hiện thực, coi trọng “sống” nhưng cũng đừng sợ “chết”, vì không có sinh thì không có tử, sinh tử luân hồi. Điều con người ghét nhất không gì khác ngoài cái chết, nhưng người bình thường sẽ chết, thần thánh cũng sẽ chết. Chúng ta đừng vì thế mà luôn rơi vào trạng thái sợ chết, thay vào đó hãy phát huy mục đích sống của mình. Phật giáo cho rằng sinh mệnh con người triển khai theo từng thời kỳ, liên tục vô hạn. Kẻ phàm phu không thoát khỏi bể khổ ở đời và phải luân chuyển từ kiếp này sang kiếp khác; còn các bậc thánh hiền thì không ngừng tích lũy công đức, chăm tu thiện nghiệp, cho đến khi thành thánh thành Phật mới thôi.

Nếu đứng ở góc độ của Phật giáo để nhìn nhân sinh, sẽ thấy rằng làm người là rất có giá trị, sự sinh tồn cũng đáng được coi trọng. Muốn thành nhân, chúng ta phải phát huy ý chí sống có giá trị của mình. Thí dụ, muốn trở thành họa sĩ tài ba, phải chăm chỉ vẽ tranh; quá trình vẽ dù gặp khó khăn và thất bại thế nào cũng không được lùi bước. Cũng vậy, muốn trở thành doanh nhân, chính trị gia, nhà văn, đều không được ghét bỏ chí hướng, việc học tập, công việc mà mình đã lựa chọn, đồng thời không ngừng làm cho mình hoàn mỹ hơn, sống một cách đàng hoàng, như thế mới không phụ cuộc sống đáng yêu này.

---o0o---

NHÂN SINH QUAN CỦA PHẬT GIÁO

Nhân sinh quan của Phật giáo mới là nhân sinh quan chúng ta nên hướng tới, nó là nhân sinh quan giác ngộ, hướng nhân sinh xã hội đến mục đích thiện.

Phật giáo du nhập vào Trung Quốc từ thời Hán Minh Đế, ban đầu chỉ là truyền giáo bằng miệng, hòa trộn với đạo giáo luyện đan cầu tiên, cho nên còn mang nặng màu sắc mê tín. Càng về sau, Phật giáo càng phát triển. Nam Bắc Triều và Tùy Đường là thời kỳ Phật giáo hưng thịnh nhất.

---o0o---

ĐỪNG ĐỔ LỖI CHO SỐ PHẬN

Thân trong tù ngục, không được tự do, đây đương nhiên là điều đau khổ, nếu đứng trên quan điểm thuyết thiên định, có lẽ khi ấy khó tránh khỏi oán trời trách người, phàn nàn số phận mình sao quá trớ trêu. Quả thực, không ít người trong xã hội tin vào thuyết số mệnh, khi nỗ lực không đủ, sự nghiệp không phát triển bằng người khác, nghèo khổ suốt cuộc đời, không tự nhìn lại mình, mà lại đổ lỗi cho số phận. Có người coi đại sự hôn nhân là trò đùa, hai bên nam nữ yêu nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên đã vội kết hôn. Sau khi phát hiện những khuyết điểm của nhau, lúc đó ân hận, ngòai than thân trách phận thì cũng đã muộn.

Chẳng lẽ số phận của chúng ta thực sự là do trời định? Mọi việc chúng ta làm đều bị người khác thao túng, mình không tự chủ được?

---o0o---

HẠNH PHÚC HAY BẤT HẠNH ĐỀU DO TA

Thuyết nhân quả của Phật pháp cho rằng hạnh phúc và bất hạnh của con người trên thực tế đều nằm trong tay mình, có lòng làm việc thiện sẽ có thiện báo, trái lại, có lòng làm ác sẽ bị ác báo. Số phận không bất biến mà có thể thay đổi được. Vì thế, để gặp điều thiện báo, chúng ta tuyệt đối không nên vô cớ làm tổn hại đến người khác.

Chúng ta không thể không tin đạo lý nhân quả, vì thế đừng bao giờ giết hại sinh vật trên hành tinh này một cách vô tội vạ. Phật giáo chủ trương ăn chay cũng vì nguyên nhân đó.

---o0o---

ĐIỀU MÌNH KHÔNG MUỐN THÌ ĐỪNG LÀM CHO NGƯỜI KHÁC

Nho gia có câu: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân.” (Điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác.) Mình yêu sinh mệnh mình thì đừng nên làm tổn thương sinh mệnh người khác, mình quý của cải thì đừng nên cướp trắng của cải của người khác. Con người sống trên đời không thể thiếu 3 nhu cầu thiết yếu: ăn, mặc, ở; vì thế của cải vật chất đóng vai trò quan trọng; bởi vậy có thể nói tiền là sinh mệnh thứ hai của con người. Để thỏa mãn nhu cầu vật chất của bản thân, người ta nghĩ ra rất nhiều phương cách để cướp đoạt của cải của kẻ khác như:

1. *Cố tình ăn trộm:* Những kẻ sống bằng nghề ăn trộm chuyên lợi dụng sơ hở của người khác để vơ vét tài sản của họ.

2. *Ăn cắp đồ của người khác:* Đây không phải là ăn trộm chuyên nghiệp, chỉ là nhất thời nảy sinh lòng tham mà làm bậy. Thấy người ta không có ở nhà, động lòng tham nên len vào lấy cắp đồ vật. Cũng có trường hợp nhặt được của rơi nhưng không trả lại cho người mất, mà thần nhiên chiếm làm của riêng. Vẫn biết đóng thuế cho nhà nước là nghĩa vụ của công dân, nhưng lại cố tình lẩn tránh không đóng, đây cũng là hành vi ăn cắp.

3. *Quyết nợ:* Vay tiền người ta thì phải trả, thế nhưng có không ít người luôn cố tình quyết nợ của người khác. Dù làm ăn chưa khấm khá, nhưng nếu có thể thì hãy tìm cách trả dần cho hết nợ, không nên cố tình quyết nợ. Cần biết rằng nợ kiếp này chưa trả, kiếp sau sẽ vẫn còn nợ, đó là luật nhân quả.

4. *Lợi dụng chức quyền:* Có người luôn mượn chức quyền của mình để lợi dụng công khoản, biến của công thành của tư... Còn có trường hợp lợi dụng chức quyền ép người khác phải phục tùng mình, làm lợi cho mình. Những hành vi phi pháp này chẳng khác nào trộm cướp, chỉ khác về hình thức, còn tội lỗi thì như nhau.

5. *Kinh doanh phi pháp:* Kinh doanh đạt được lợi nhuận hợp pháp là việc làm chính đáng, nhưng có người lại biến hàng giả thành hàng thật, biến hàng thứ phẩm thành hàng cao cấp, hoặc giả mạo uy tín thương hiệu của người khác, cạnh tranh không lành mạnh, hoặc đầu cơ nâng giá để thu lợi về mình. Đây là hành vi kiếm lợi phi pháp, cần phải diệt trừ.

6. *Chiếm hữu vật gửi nhờ:* Người thân bạn bè tín nhiệm nhân cách của chúng ta, do phải đi xa..., nên gửi nhờ các vật quý giá, lâu dần chúng ta lại nói rằng không có chuyện gửi gắm. Hoặc đương sự đã chết, không đối

chứng được, phủ nhận với con cháu người chết việc gửi tài sản, muốn nuốt luôn tài sản của người khác. Đây là hành vi vô lương tâm, coi thường pháp luật nhưng rất thường gặp trong xã hội.

Những hành vi tội lỗi, những thủ đoạn phi pháp nêu trên đều bị Phật giáo nghiêm cấm. “Quân tử yêu tiền nhưng lấy nó có đạo”, nếu lấy bằng phương pháp vô đạo thì bề ngoài là có được, nhưng thực tế thì được chẳng bù mất. Hành vi phi pháp thì quốc pháp không dung, kẻ hại người sẽ có ngày bị pháp luật trừng trị. Làm những việc trái với lương tâm, tuy chưa bị ai phát hiện, nhưng có tật giat mình, suốt ngày hoảng hốt, lo lắng không yên. Thế thì cuộc sống sung sướng đến mấy cũng có ích gì? Cho nên, việc xấu tuyệt đối không được làm, nếu không suy nghĩ mà làm ra những tội lỗi ngu xuẩn, vì cái nhỏ mà mất cái lớn, cuối cùng hối cũng đã muộn.

---o0o---

DÙNG CỦA THEO CÁCH CỦA NHÀ PHẬT

Phật giáo chỉ cho cách sử dụng tài sản sao cho hợp lý nhất:

1. Tư dụng: Tư nghĩa là tài sản, dụng là sử dụng, tài lực của chúng ta phải được sử dụng một cách hiệu quả vào những việc chính đáng, mang lại hạnh phúc cho cả nhà. Tuy nhiên phải chú ý điều độ, đủ dùng là được, tuyệt đối không được xa hoa, lãng phí.

2. Tích trữ: Phải trích ra một phần thu nhập để dành, bất kể nhiều hay ít, tốt nhất là gửi ngân hàng hay các tổ chức tín dụng theo định kỳ hoặc vô thời hạn. Làm vậy trước hết là tạo thói quen không lãng phí, một khi xảy ra chuyện đột xuất sẽ có thể xoay sở được. Phải biết rằng khi cơ nhỡ nhờ vả người khác thường khó khăn, cho nên tiết kiệm được thì cứ tiết kiệm, cần tích trữ thì phải tích trữ, đó là phương pháp đúng đắn trong việc sử dụng của cải, giúp tăng thêm hạnh phúc cho cuộc sống.

3. Làm phúc: Ngoài những điều nêu trên, còn cần dành ra một phần thu nhập làm từ thiện, tức là đóng góp cho các sự nghiệp công ích như cứu trợ, giáo dục, văn hóa, cúng dường Phật, pháp, tăng..., như thế vô hình trung đã tích phúc đức cho mình, mang lại phúc lợi cho người khác. Phật giáo muốn người ta “bố thí” vì đó là phương pháp tốt nhất giúp tha nhân thoát khỏi bể khổ của cuộc đời. Bồ tát tu lục độ hạnh, hạnh bố thí luôn được đặt lên vị trí hàng đầu.

Nhìn lại những người có lòng tốt hay bố thí trong xã hội, họ chẳng những không nghèo đi vì bố thí, mà thậm chí sự nghiệp còn ngày càng thuận lợi, càng phát triển. Tại sao vậy? Là do luật nhân quả báo ứng của nhà Phật. Người làm việc thiện chẳng ai không được thiện báo. “Thư kinh” viết: “Làm việc thiện thì được tốt lành, làm việc ác gặp tai ương”, huống hồ “nhà tích thiện ắt được dư dả”. Gieo nhân nào thì gặt quả nấy.

Những kẻ nghèo khó kiếp này là vì kiếp trước không chịu bố thí, nếu kiếp này vẫn tham lam không chịu bố thí, không làm việc thiện tích công đức, kiếp sau sẽ càng nghèo. Kiếp này siêng bố thí, vô hình trung sẽ ươm mầm phúc cho kiếp sau, kiếp sau sẽ có thể trở thành người giàu, hưởng hết vinh hoa phú quý. Bởi vậy, chúng ta không cần ngưỡng mộ những người giàu trên thế giới, “ai cũng có tiền nên không cần ngưỡng mộ người khác”, họ kiếp này giàu có là nhờ nhân thiện của kiếp trước. Chúng ta muốn được giàu sang thì phải siêng làm bố thí công đức. Nếu đã là người giàu có mà thường ngày vẫn siêng bố thí, sẽ có thể giữ được của cải vĩnh hằng, biết đâu kiếp sau sẽ giàu có, an nhàn hơn kiếp này.

---o0o---

TÂM PHẢI CHÍNH, LÒNG PHẢI TỊNH

Hãy tỉnh táo nhìn nhận lại mình, phải sám hối khi mình gây ra tội lỗi, con người ai không có sai lầm, nhưng sai mà biết sửa mới là điều đại thiện. Đừng trách số phận mình không tốt, đừng tin rằng mọi thứ là do trời định. Chúng ta phải cải tạo số phận của mình, bắt đầu từ việc hành thiện tích đức, phải luôn giữ cho tâm chính trực, sẵn lòng giúp người. Bởi vì “vạn pháp là ở tâm”, tâm con người chi phối hành động, có thiện tâm ắt có hành động thiện, điều này cực kỳ quan trọng.

---o0o---

BỐ THÍ VÌ VIỆC THIỆN SẼ CẢI TẠO ĐƯỢC SỐ PHẬN

Dưới đây xin kể một câu chuyện có thực về việc bố thí làm thiện cải tạo số phận:

Vào thời nhà Thanh, ở thành phố Quảng Châu có một nhà buôn thuốc Đông y đến tuổi tứ tuần mới sinh được một mụn con trai nên rất mừng. Vì tính thông túng số học nên ông phân tích bát tự ngày sinh của con, đoán rằng

đứa con cưng này chỉ sống được 19 tuổi, do đó niềm vui biến thành nỗi bi ai. Ông lại nhờ thầy tinh thông đoán mệnh khác đoán, kết quả đều như nhau.

Ngày tháng trôi qua thật nhanh, người con trai này lớn nhanh như thổi, đến năm 18 tuổi đã trở thành một thiếu niên tuấn tú, khôi ngô.

Mùa đông năm đó, nhà buôn báo con trai rời Quảng Châu về quê đi học, đồng thời dặn nếu không nhận được thư ông thì dứt khoát không được trở lại Quảng Châu. Dụng ý của ông là không nỡ lòng nhìn thấy con trai chết trước mặt mình, nhưng cậu con trai không hiểu được nỗi lòng của người cha.

Chàng thiếu niên nghe lời cha đến Huệ Châu, vào Long Châu, qua Ngũ Hoa, trở lại Tiêu Lĩnh. Khi đến Huệ Châu, trong lúc chờ thuyền anh đi dọc bờ sông ngắm cảnh, vô tình đến gần một ao nước. Bỗng anh phát hiện bên bờ ao có một người đàn ông trung niên ăn mặc rách rưới đang khóc lóc nên bước đến hỏi thăm.

Sau khi chàng thiếu niên lặp lại câu hỏi, người đàn ông trung niên mới đau buồn trả lời:

- Nhà tôi có cha mẹ, vợ, hai đứa con trai, cả tôi nữa là sáu người, đều sống dựa vào số tiền mà tôi làm thuê có được. Năm nay mưa ít, lúa kém, lại thêm cha mẹ bệnh tật liệt giường, đồ đạc trong nhà đã bán hết, giờ trong nhà chỉ còn hơn bốn đồng để mua gạo và thuốc cho cha mẹ, không ngờ lại bị bọn cướp vô lương tâm lấy mất. Bây giờ tôi biết phải làm sao đây?

Nói xong ông ôm đầu khóc lớn.

- Bác đừng buồn, cháu sẽ giúp bác giải quyết khó khăn.

Người đàn ông trung niên có vẻ không tin, nhưng thấy vẻ mặt thành thật của chàng thiếu niên nên thôi khóc, nói:

- Nếu cậu giúp được tôi thì cậu là đại ân nhân của nhà tôi đây.

- Bác hãy mang thứ này về đi.

Người đàn ông trung niên nhận lấy một túi bạc nặng từ tay chàng thiếu niên, có đến hơn 20 đồng, vội quỳ xuống đất, nói:

- Cậu bé, xin nhận tôi một lạy. Cậu là đại ân nhân của nhà tôi, tôi sẽ không bao giờ quên cậu.

Chàng thiếu niên vội cúi đầu ông ta dậy.

Sau đó, cậu về quê học được hai năm, không có lệnh của cha nên cậu không dám quay lại Quảng Châu.

Người cha không ngờ đứa con vốn đoán mệnh lại sống đến 20 tuổi mà vẫn chưa chết, rất lấy làm lạ, bèn viết thư gọi con về Quảng Châu gặp mặt.

Qua sự gạn hỏi của cha, chàng thiếu niên kể lại chuyện mình đã lấy 20 đồng bạc ra giúp người đàn ông trung niên như thế nào. Khi ấy người cha mới cởi được nút thắt, cảm thấy yên tâm vô cùng.

Vì khảng khái bất thối, cứu mệnh người ta khi người ta gặp khó khăn cùng cực, nên chàng thanh niên kia đã thay đổi được số phận của mình.

Đến đây người cha cũng cho con biết chi tiết chuyện đoán bát tự và nguyên nhân bảo chàng về quê học, khuyên con phải giữ lấy tấm lòng lương thiện này.

---o0o---

TỪ THIỆN PHÓNG SINH, TRỪ VẠN XẤU THÊM TUỔI THỌ

Trong kinh Phật cũng có chép một câu chuyện rất cảm động, cho thấy con người thực sự có thể thay đổi được số phận của mình:

Ngày xưa, có một chú tiểu rất ngoan ngoãn theo tu hành với một sư cụ đạo hạnh cao dày. Sư cụ thông hiểu thuật đoán tướng, biết chú tiểu bảy ngày nữa sẽ chết, lòng rất đau buồn.

- Nay hiền đồ, con nên về thăm nhà thăm mẹ đi, đã từ lâu con chưa về thăm mẹ, đúng không?

- Vâng thưa sư cụ! – Chú tiểu đáp lời thầy.

- Vậy con mau về nhà một chuyến để tận hiếu đạo làm con. – Sư cụ hiền từ nói.

- Vâng thưa sư cụ, vậy con đi đây!

- Hãy nhớ, tám ngày sau con mới được quay lại chùa đây!

Sư cụ biết chú tiểu sẽ chết trong vòng bảy ngày nên mới dặn cậu tám ngày sau mới được lại chùa.

Đến ngày thứ tám, chú tiểu trở về chùa bình yên vô sự, hơn nữa khí sắc rất tốt. Cao tăng lấy làm lạ, hỏi:

- Nay hiền đồ, ta bình sinh liệu việc như thần, đoán con sẽ chết trong vòng bảy ngày, vậy mà con lại bình an trở về. Nhìn mặt con giờ không còn tướng hung ách nữa.

Sau đó cao tăng hỏi chú tiểu lúc ấy đã ngỡ người:

- Trên đường về nhà hẳn con đã lập công đức gì, đúng không?

- Vâng thưa sư cụ. Trên đường về con gặp một bầy kiến bị nước cuốn, con lấy một khúc củi cứu mạng chúng. Chỉ thế mà thôi! – Chú tiểu ngậy thơ đáp.

- Thế cũng đủ rồi, hiền đồ à. Cứu một sinh mạng bằng xây bảy tòa tháp. Con đã cứu được vô số sinh mệnh, nên mới tránh được cái chết. Không những vậy, biết đâu sau này con còn được thọ cao nữa đây. Hy vọng con giữ lấy tinh thần từ bi độ chúng này, tiếp tục siêng làm việc thiện. – Sư cụ cười nói.

- Con xin nghe lời thầy.

---o0o---

VẬN MỆNH CỦA MÌNH DO CHÍNH MÌNH XOAY CHUYỂN

Dù ở thời đại nào, thứ mang lại niềm vui và niềm tin trong cuộc sống của chúng ta luôn luôn là đạo đức. Trong cuộc đời vô thường, chúng ta phải có cống hiến cho xã hội, để lại cái gì đó cho người khác thì cuộc sống mới có giá trị. Khi nhân thấy cuộc sống của mình rẽ sai hướng, gặp hoàn cảnh bất hạnh, chúng ta càng cần có niềm tin nhiệt thành vào tôn giáo; vì nó không chỉ có thể bù đắp chỗ trống trong tâm hồn ta, vỗ về vết thương trong tâm hồn ta, mà quan trọng hơn là có thể chỉ ra cho chúng ta một hướng đi đúng đắn.

Luật nhân quả thiện ác, đức tính tự lực cánh sinh của Phật giáo rõ ràng muốn chúng ta không còn sợ, không còn hoang mang trước cuộc sống, mà hiểu

được con người cần sinh tồn như thế nào để dũng cảm vươn lên mọi trở ngại. Đừng oán trách thời vận không tốt, cũng đừng tin vào thuyết “định mệnh”, bởi thời vận cuộc đời luôn biến đổi. Chúng ta phải xoay chuyển vận mệnh của mình bằng niềm tin về đạo đức và dũng khí sáng tạo, bằng nỗ lực của chính mình, được như vậy thì cái ngày bất lực thái lai sẽ không còn xa nữa.

---o0o---

CHƯƠNG VIII - BÀN VỀ CHÂN LÝ CỦA CUỘC SỐNG

Muốn cuộc sống có giá trị, chúng ta phải hiểu được ý nghĩa đích thực của nhân sinh. Đừng để cuộc sống quý giá trôi qua một cách vô ích.

Mỗi người cần phải trân trọng cuộc sống, không ngừng tu dưỡng đạo đức, mục đích là làm cho mình ngày càng tấn tới. Hơn nữa hành vi tu dưỡng này phải liên tục, lâu dài, không mệt mỏi.

Người ta làm được sao mình lại không thể? Phật nói: “Con người ai cũng có Phật tính.” Phật tính không ở đâu xa, mà ở ngay trong mỗi chúng ta. Theo Ngài, bất kỳ ai, bất kỳ sự vật nào cũng là thiện, đều có ngộ tính, đều có thể thành Phật. Cho nên sao chúng ta lại xem thường, hạ thấp, thậm chí còn phủ định chính mình?

---o0o---

NỖI KHỔ CỦA NHÂN SINH

Những vấn đề trong cuộc sống có thể nảy sinh từ chính tính cách của chúng ta hoặc phụ thuộc vào hoàn cảnh bên ngoài. Có vấn đề cá nhân, có vấn đề gia đình, cũng có vấn đề xã hội, vấn đề đại chúng; có vấn đề về vật chất, cũng có vấn đề về tinh thần. Mỗi vấn đề nảy sinh đều khiến “ta” và “người” khổ não. Theo thể nghiệm của Phật Đà về nhân sinh, thì bất kỳ ai cũng đều không tránh được sự phiền nhiễu của những vấn đề nhân sinh này, cho nên Ngài nói:

“Nhân sinh là khổ, có nỗi khổ sinh lão bệnh tử, có nỗi khổ oán hận, có nỗi khổ biệt ly, nỗi khổ cầu không được. Nhân sinh chịu những nỗi khổ ấy nên không được giải thoát.”

Thực tế có đúng như lời Phật dạy không? Quan sát mọi tình hình của xã hội hiện đại, điều khiến người ta đau khổ nhất là cuộc sống của con người. Có người thất nghiệp, không kiếm ra tiền, thiếu ăn thiếu mặc. Do không có tiền nên việc gì cũng làm được, cuộc sống tẻ nhạt, khốn khổ đến cùng cực, bất đắc dĩ phải mạo hiểm, làm những việc phạm pháp, thậm chí tự sát để được giải thoát. Cuộc sống của người nghèo thì không nói làm gì, ngay cả những người thuộc tầng lớp trung lưu, tuy không lo ăn mặc, nhưng cũng không ít trường hợp rơi vào ngõ cụt.

Thế nhưng, cái khổ của con người đều là do ý thức về cái “tôi” gây ra.

---o0o---

CUỘC ĐỜI LÀ MỘT CÂU ĐÓ

Vấn đề về cái tôi cũng có vô vàn. Bàn về cuộc sống, sự ra đời của con người thực sự là rất đổi lạ lùng, huyền diệu. Sau khi ra đời, con người lại tràn đầy mâu thuẫn; sự ra đời của con người là khởi đầu, chết đi là kết thúc. Các hoạt động trong thời gian đó là để sinh tồn. Hàm nghĩa của sinh tồn bao gồm cầu sinh, cầu an, cầu người khác giới, cầu tự do. Tuy nhiên không ai thoát khỏi sự ràng buộc của xã hội.

Vì con người có “cái tôi”, giữa người với người có phạm vi, có khoảng cách, nên tạo thành các mâu thuẫn, trở ngại với nhau.

Cuộc đời là một câu đố, lại có rất nhiều mâu thuẫn và khiếm khuyết. Không phải việc gì cũng có thể giải quyết theo đúng ý mình, điều này đương nhiên sinh ra khổ não rất lớn. Hẳn nhiên, con người vì ham muốn cầu sinh nên sinh ra xung đột với sự trói buộc của thế giới bên ngoài. Có nghĩa là, nếu cuộc sống có tôi không thay đổi, thì mọi thứ lấy tôi làm chủ, sự việc sẽ không làm được, sẽ không thể hài hòa với nhau, có nghĩa là đi vào cực đoan, đối lập nhau.

Cho nên muốn xóa bỏ tranh chấp xã hội, phải phá vỡ “cái tôi” này, cuộc đời trừ bỏ được “ngã chấp”, “ngã kiến” mới có thể hòa hợp với nhau đoạn trừ khổ não.

---o0o---

HAM MUỐN CỦA CON NGƯỜI QUÁ NHIỀU

Sinh tồn trên thế giới này, hầu như ai cũng có nhu cầu. Có người cầu thiện, có người cầu ác. Tiền bạc, vợ con, người làm, gia súc..., tất cả đều là những thứ người ta muốn có, muốn sở hữu cho riêng mình. Như thế tạo nên rất nhiều mê hoặc, sầu đau, khổ não cũng từ đó mà ra.

“Trên đời có vô số việc không như ý”, làm sao có thể việc gì cũng như ý người được? Cuộc đời giống như một ván cờ, người đánh phải có lúc thắng lúc thua. Thắng thì vui mừng, thua thì phiền muộn, đó là lẽ thường tình của người đời. Thí dụ sức khỏe con người, ai không muốn luôn tráng kiện, thậm chí là trường sinh bất lão, song điều đó có thể không? Con người ta không thể sống mãi mà không chết, từ khi sinh ra đã định sẵn là sẽ chết. Khi chúng ta mắc bệnh, nếu bệnh tình trầm trọng, không khỏi sợ sẽ chết, thấy người khác mắc bệnh theo nhau chết, mình rồi cũng phải đi theo con đường này.

Tóm lại, con người tuy có địa vị, thân phận khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, nhưng cuối cùng vẫn phải chết. Mọi sự vật khi còn sống đều có vẻ hợp với mình, nhưng trên thực tế lại không được như mình muốn, không phải cái gì cũng như ý.

---o0o---

ĐẠO CỦA PHẬT GIÁO CHÍNH TÍN

Như trên đã nói, mâu thuẫn giữa sự thực và kỳ vọng luôn tồn tại, cho nên con người hay cầu thần linh phù hộ. Chúng ta thường cho rằng thiên tai động đất là do thần linh phẫn nộ gây nên, hạn hán ôn dịch cũng là sự trừng phạt của thần linh đối với con người; thế nên con người phải cầu xin thần linh, cúng dường để mong được yên ổn. Các dân tộc man khai trước kia thậm chí còn giết người để hiến tế nhằm lấy lòng thần linh.

Cho nên, chúng ta muốn hóa giải mâu thuẫn của cuộc đời, giải thoát khỏi nhiều thứ khổ não, được an tâm yên tịnh, hướng đến con đường thành công thì không còn lựa chọn nào tốt hơn ngoài giác ngộ, đi vào con đường Phật giáo chính tín. Trong khi tín phụng chính pháp, vui vẻ đi vào chân lý Phật pháp, chúng ta sẽ giải được câu đố do cuộc sống đề ra.

---o0o---

CHINH PHỤC “BẢN NGÃ”

Nhà thơ Lý Bạch viết: “Thiên địa giả, vạn vật chi nghịch lữ; quang âm giả, bách đại chí quá khách” Trời đất là quán trọ của vạn vật; thời gian là khách ghé của trăm đời), nhằm cảnh tỉnh mọi người rằng nhân sinh vô thường chứ không vĩnh cửu.

Chúng ta đã đến thế giới nhân sinh vô thường này, thì phải nắm bắt lấy cuộc sống ngắn ngủi, cố gắng làm những việc có ích cho người khác, có ích cho xã hội. Đừng lo lắng một ngày kia cái già cái chết đến, đó là việc tự nhiên, điều quan trọng là rũ bỏ sự cố chấp của “cái tôi”, tận hết nghĩa vụ làm người để cứu thế độ chúng.

---o0o---

QUAN NIỆM VỀ SỰ PHÁT SINH SƯỚNG KHỔ

Đời người có khổ có sướng, nhưng khổ và sướng sinh ra như thế nào? Phật giáo có ba quan điểm như sau:

Thứ nhất, thuyết định mệnh: Hoàn cảnh và mọi hành vi ngày nay đều do tiền định, sức mạnh của chúng ta không thay đổi được gì. Có nghĩa là mọi việc mà ta trải qua đều do tiền kiếp quyết định, con người không thể làm khác được.

Thứ hai, thuyết thiên ý: Thiên ý tức ý trời, ý thần, nghĩa là đời sống của chúng ta hoàn toàn do ý thần tạo nên. Cũng vậy, mọi sự việc và sướng khổ mà chúng ta trải qua đều là do ý chỉ hoặc chỉ thị của thần linh tạo nên, vì thế loài người đâu thể không phục tùng.

Thứ ba, thuyết vô nhân: Còn gọi là thuyết ngẫu nhiên. Thuyết này chủ trương mọi sự vật chúng ta trải qua đều xảy ra một cách ngẫu nhiên, nghĩa là đột nhiên chịu khổ, bỗng nhiên được sướng.

Về thuyết thứ ba, tức thuyết vô nhân (thuyết ngẫu nhiên), đức Thế Tôn cho đây là tư tưởng hết sức nguy hiểm nên đã bác bài xích nó. Ngài cho rằng nó giống như người chài cá giăng lưới khắp ao đánh hết cá, hậu quả là gây tai họa lớn cho nhân loại.

Về thuyết thứ hai, tức thuyết thiên ý, Ngài cho rằng đây là một thuyết giả định không thể nói được, nên cũng ra sức phản bác. Ngài cho rằng sự sướng khổ của con người vốn chỉ là một thứ kỷ niệm, nghĩ đến khổ thì khổ, nghĩ

tới sương sẽ sương, tuyết đối không có gì là thực. Nếu coi là thứ thực tại, thì khi mình chưa đến trong kinh nghiệm, đã rơi vào sự tự hủy hoại mất rồi.

Thế còn về thuyết thứ nhất, thuyết định mệnh thì sao? Đức Thế Tôn cho rằng nên gọi đó là thuyết nghiệp luận. Phạm cảnh ngộ do mình tạo ra thì mình phải tự gánh chịu. Tuy nhiên thuyết nghiệp luận đi đến mức cực đoan, cũng giống như thuyết số mệnh của thế gian, nó hủy hoại ý nghĩa tôn quý của đời sống con người.

Ba thuyết nêu trên theo đức Thế Tôn đều không lý tưởng, bởi chúng phủ định ý chí tự do của con người, khiến con người từ bỏ quan niệm đạo đức trừ ác làm thiện.

---o0o---

CÓ LÝ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC TỪ TRONG HIỆN THỰC

“Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh”. Thực ra, hoàn cảnh của mỗi người mỗi khác, chúng ta giống như người nông dân, gieo giống gì sẽ gặt được giống nấy. Hoàn cảnh tốt hay xấu, khổ hay sướng, đủ hay thiếu, đen tối hay sáng sủa, tất cả đều là kết quả gặt hái do chính mình canh tác, cho nên mọi trách nhiệm đều thuộc về mình chứ không phải người khác.

Vậy tại sao chúng ta không trừ ác làm thiện, xây dựng một ý chí tự do, lý tưởng cao thượng? Tại sao lại phải ủ dột chán nản? Hoàn cảnh khó khăn, tâm tình khổ não, công việc trắc trở thực sự không thể khiến chúng ta gục ngã. Chính vì cuộc sống hiện tại là bề khổ, cho nên chúng ta cần phải tỉnh ngộ, nỗ lực tinh tiến để đạt được mục tiêu sống viên mãn.

Phải hiểu rõ cái gọi là “tinh tiến”. Một hạt thóc khi giã, trấu và cám hoàn toàn bong ra, trở thành một hạt gạo tinh, đó gọi là “tinh”. Thứ chúng ta phải giác ngộ là trừ bỏ mọi ác nghiệp tà hạnh, tiến đến ngã thiện thuần túy, đó là ý nghĩa của “tinh tiến”. Mấu chốt trong cuộc sống của mỗi người là phải thực sự tỉnh ngộ, tự lực tự cường, phấn đấu không ngừng để đạt được điều mình mong muốn. Nhà văn Pháp Romain Rolland từng nói: “Sống là một cuộc phấn đấu không ngừng nghỉ” cũng là để diễn đạt ý này. Chúng ta cần dùng ý chí của mình, không ngừng hướng tới lý tưởng đạo đức từ trong hiện thực thì mới mong có được cuộc sống viên mãn.

Ba thuyết nêu trên đều phủ định và phá hoại ý chí tự do và tinh thần đạo đức của con người, vậy có thuyết nào đáng tin cậy hơn đáng để trọng thị không? Đó là thuyết nhân duyên do đức Thế Tôn đề xướng.

---o0o---

THUYẾT NHÂN DUYÊN

Thuyết nhân duyên cho rằng mọi trải nghiệm sướng khổ của con người đều do nhân duyên sinh ra. Về điều này, Thế Tôn chia thành ba phương diện để thuyết minh:

Thứ nhất, sướng khổ là do sự tiếp xúc giữa chủ quan và khách quan gây nên. Theo thuật ngữ Phật giáo, thì lục căn (cơ quan cảm giác), lục cảnh (hoàn cảnh khách quan) và lục thức (cái tâm chủ quan) kết hợp với nhau tạo thành xúc (cảm giác). Từ xúc sinh ra thụ (kinh nghiệm tình cảm). Điều này cho thấy kinh nghiệm của chúng ta là do nhân duyên tạo nên. Về nội dung, sướng khổ thay đổi theo tâm trạng của chúng ta.

Thứ hai, sướng khổ là do cố chấp gây nên. Điều này rất dễ giải thích, thí dụ như tiền bạc, người cố chấp với tiền bạc, một khi mất nó, sẽ cảm thấy đau khổ. Nếu được nó sẽ cảm thấy sung sướng. Trái lại, người không cố chấp, mất đi hay nhận được cũng đều không thành vấn đề. Điều đó cho thấy, lòng người mà bị cố chấp trói buộc sẽ sinh ra tâm trạng sướng hay khổ.

Nếu người ta không cần tiền, thậm chí không cần mạng, thì đó là người biết thuận theo lẽ tự nhiên. Những người như vậy sẽ không bị dao động bởi ngoại vật hay tình cảm. Vì trong lòng anh ta có sự tồn tại của hai chữ “nghĩa” và “ái”.

Ngày xưa có một thiền sư được một tướng quân triều đình ban thưởng, tặng cho ông một con mèo làm bằng vàng ròng, rất quý giá, nhưng ra khỏi cửa nhà tướng quân, ông thuận tay cho một đứa trẻ đang chơi trước cửa rồi vân du bốn phương.

Ai cũng biết, một khi đắc tội sẽ chỉ có một con đường chết với tội danh khi quân. Nhưng ở thời cổ đại Hy Lạp, có một vị thánh giả được Alexander đại đế đến thăm, nhưng ông lại trách vua: “Thưa bệ hạ, ngài đã che mắt ánh mặt trời của thần rồi.”

Alexander không hổ là một vị anh hùng có con mắt tinh đời, không những không nổi giận, mà còn lùi lại theo lời của vị thánh giả.

Những ví dụ như vậy đều cho thấy đã vượt qua sinh tử, đạt đến cõi vô khổ vô lạc. Đến mức độ này còn cảm nhận được niềm diệu lạc trên cả sướng khổ. Nhân sinh vô thường, có sinh ắt có diệt, đó là điều hết sức tự nhiên. Con người sở dĩ cảm thấy khổ là bởi không thể vượt lên trên sinh tử, chỉ muốn sinh mà không muốn tử. Nếu con người thoát được sinh tử, coi cái chết như sự trở về, thì sẽ chẳng cảm thấy khổ nào đối với cuộc đời vô thường này.

Thứ ba, sướng khổ là do hoặc nghiệp gây nên. Hoặc nghiệp là nghiệp lầm lạc. Các nghiệp của đời người tạo ra bởi tham, sân, si chiêu cảm cho nên chúng sanh phải luân chuyển mãi trong Tam giới, Lục đạo, những chịu đau khổ. Dầu có vui sướng thì cũng chỉ là vui sướng ở trong cái nghiệp lầm mà thôi.

---o0o---

MỌI THỨ CỦA HOẶC NGHIỆP

Dưới đây trình bày chi tiết về hoặc nghiệp:

1. Bản chất khao khát yêu thương của chúng ta là dục niệm (ham muốn), nói theo thuật ngữ nhà Phật là khát ái. Ham muốn này vốn là hy vọng cầu sinh. Cầu sinh còn gọi là hữu ái, một khi có ái phát động, con người sẽ bộc lộ mọi ham muốn đối với thế giới khách quan.

2. Nghiệp có dục vọng ắt sẽ muốn thực hiện, hành vi này gọi là tạo nghiệp. Tùy vào chỗ thực hiện động tác mà phân loại thành ý nghiệp, khẩu nghiệp và thân nghiệp. Khi bất cứ nghiệp nào hành động, hoạt động của nó trước hết đều tác động vào tính cách của con người hoặc biểu hiện một sắc thái, đều hy vọng ngoại quan đẹp đẽ, ham muốn biểu hiện này là một loại của ham muốn sinh tồn. Thứ đến là ý muốn chiếm hữu. Vì có quan niệm này nên có ý nghĩ đố kỵ với người khác, đó là ý nghiệp. Ham muốn này biểu hiện ra hình thái thông qua miệng và thân thể, trở thành khẩu nghiệp và thân nghiệp. Ba nghiệp khẩu, thân, ý biểu hiện ở động tác tuyệt đối không dễ dàng biến mất; nói cách khác, nó vĩnh viễn lưu lại tâm ảnh, phủ lên một lớp bóng mờ trong nhân cách con người.

3. Vô biểu nghiệp. Từ khi sinh ra tính cách con người đã mang theo sắc thái của vô biểu nghiệp. Vô biểu nghiệp lại không ngừng gia tăng trong thời gian chúng ta sinh tồn. Tính cách sẽ mang lại những sướng khổ tương ứng, như giết người, trộm cướp..., hoặc các quan niệm như vô cơ cưỡng bức người khác..., người bình thường dù bị hại hay bị áp bức cũng đều thấy đau khổ, kinh nghiệm khổ lạc này đều có quan hệ với nghiệp.

Trong ba nghiệp, Thế Tôn đặc biệt chú trọng ý nghiệp. Trong lòng muốn giết người nhưng lại chưa thấy hành động, điều này theo pháp luật là không có tội, nhưng sự ảnh hưởng của nó đến tính cách của chúng ta, không thể nói là không lớn. Luân lý học hiện đại không coi trọng kết quả mà chú trọng tới động cơ. Suy nghĩ này của Thế Tôn hoàn toàn khác với các tôn giáo khác. Kỳ Na giáo (Jainism), một giáo phái rất có thể lực tại Ấn Độ thời cổ và Phật giáo, không nói đến Nghiệp, mà nói Phật, chủ trương rằng ý phật không quan trọng bằng thân phật. Kỳ Na giáo thiên về kết quả bên ngoài trong khi Thế Tôn thì chú trọng đến khía cạnh tinh thần, nghĩa là đặc biệt coi trọng động cơ bên trong, một người có động cơ thiện thì tự nhiên sẽ thực hiện hành vi thiện cho đến hoàn mỹ. Một người có động cơ ác cũng sẽ dẫn đến hành vi ác, thậm chí là hành vi rất đáng sợ.

---o0o---

TRỌNG ĐIỂM TRONG NGHIỆP LUẬN CỦA PHẬT GIÁO

Có thể nói tính cách của kiếp này là kết quả nghiệp tích ở kiếp trước, và hành vi ở kiếp này lại quyết định tính cách của kiếp sau.

Ngã (tôi) của ngày hôm nay sinh ra đã mang tính cách bẩm sinh, đó đều là kết quả của nghiệp tiền kiếp; dựa vào kinh nghiệm mỗi ngày và hành vi của mình, tính cách có được lại trở thành kết quả của nghiệp kiếp này. Tính cách do nghiệp này tạo ra sẽ sinh ra thế giới tương ứng với mình.

Đó chính là trọng điểm của động cơ luận mà Thế Tôn muốn nói, có nghĩa là trọng điểm trong nghiệp luận của Phật giáo.

Trong kinh điển có một cách nói tỷ dụ nổi tiếng là “nhất thủy tứ kiến”. Cùng là nước, nhưng với cá, nó trở thành nhà của cá; con người nhìn thấy nó thì cho rằng đó chỉ là nước mà thôi; quỷ đói gặp nước thì cảm thấy nước là máu mủ; thiên nhân gặp nước lại cho là mặt đất thủy tinh. Mỗi tính cách được nhìn thấy đều khác nhau, thế giới khổ lạc nhìn thấy tương ứng với những tính cách này chính là trọng điểm trong nghiệp luận của Phật giáo. Do đó,

con người ai cũng có cảnh ngộ khác nhau, thí dụ nghiệp báo khác nhau về sang hèn, giàu nghèo, cát hung, họa phúc...

Xưa nay những người tu thiện ra đời trong nhà vương hầu là quý tộc. Người kiếp trước quá nghèo sẽ sinh vào nhà nghèo làm tiện dân. Người chịu bố thí từ bi làm việc thiện chắc chắn sẽ được sinh vào gia đình giàu có... Trầm luân cho đến tai nạn bất hạnh của kiếp này cũng đều là nghiệp báo do chính mình làm ra.

Thế nhưng chúng ta chịu đựng thực tại khách quan đã định này như thế nào? Xử trí như thế nào đối với hoàn cảnh mình gặp phải? Đây là phạm vi mà sức lực của chúng ta có thể thay đổi được. Lấy thí dụ, có một tấm giấy vẽ, chúng ta có thể vẽ lên đó bất kỳ thứ gì mình muốn, vẽ những cảnh tích cực, đầy lạc quan, nhưng cũng có thể vẽ những hình ảnh bi quan, thất vọng, có thể vẽ những màu sắc bi thảm hoặc vui chơi, cũng có thể vẽ những hình ảnh hài lòng hoặc không hài lòng.

Đây là một đạo lý bất di bất dịch, nếu tính cách con người thâm hiểm, cảnh ngộ sẽ xấu đi; nếu tính cách con người lương thiện, cảnh ngộ ắt sáng sủa. Sức mạnh tinh thần có quan hệ mật thiết với con người. Tinh thần của Phật giáo là giữ cho không bị hoàn cảnh của nghiệp báo trói buộc, mà trên tờ giấy vẽ cảnh ngộ, có thể vẽ ra rất nhiều hình ảnh đa dạng, phong phú.

---o0o---

GIẢI THOÁT SỰ TÍCH TẬP CỦA NGHIỆP BÁO

Cây cỏ nhỏ bé tuy bị người ta ta giẫm đạp, nhưng sự sống của nó vẫn không ngừng sinh sôi. Con người cũng vậy, chúng ta hàng ngày sống trong nghiệp báo, nhưng do nghiệp tập từ lâu dần đi, nhiều năm khuất phục dưới sự sắp đặt của số phận, khiến cho cuộc sống không được phát triển như ý muốn.

Với tầm nhìn cao xa, đức Thế Tôn đã sáng lập ra Phật giáo, dạy con người ta cách giải thoát khỏi sự tích tập của nghiệp báo, giúp cho cuộc sống được phát triển tự do tự tại. Đức Thế Tôn đã tạo ra một bầu trời mới cho mọi chúng sinh. Trên tấm giấy vẽ, Ngài vẽ ra bức tranh khai ngộ, làm cho tinh thần được giải phóng bằng sự giác ngộ sâu sắc; còn căn cứ vào ý chí tự do, nhuộm thành màu sắc tươi đẹp, tạo nên bức tranh tuyệt mỹ, cải tạo nhân sinh, làm cho nó luôn luôn tinh tiến.

Vì túng thiếu nên mới biết phấn đấu, cuối cùng được giàu sang phú quý; vì thể nhược mới biết dụng công rèn luyện cơ thể để nó trở nên cường tráng; gia đình có mâu thuẫn mới hiểu được phải ngộ đạo, tạo nên bầu không khí gia đình hòa hợp mà “gia hòa thì vạn sự hưng”. Thay đổi quan niệm tinh thần của con người giúp tô lên những sắc màu tươi đẹp trên bức tranh số mệnh.

---o0o---

CON THUYỀN DANH LỢI

Tâm là gì? Tâm là thứ mà tinh thần con người biểu hiện tác dụng. Đức Thế Tôn cho rằng mọi thứ trên thế gian đều do tâm tạo nên, tất cả chư pháp đều là tâm tượng.

Trước hết, Thế Tôn cho rằng bản chất của sinh mệnh là dục niệm. Con người có khả năng suy nghĩ, phân biệt, được gọi bằng các tên gọi tâm, ý, thức. Bản chất của tâm là dục, và cái gốc của dục được chia thành ba loại: hữu ái, phi hữu ái và dục ái.

Hữu ái là ý niệm cầu sinh, còn gọi là ham muốn sinh tồn, đây là thứ căn bản nhất. Phi hữu ái là ý niệm mà ham muốn sinh tồn bị cản trở, từ đó sinh ra nguyên nhân của sinh tồn. Dục ái là ý niệm ham muốn sinh tồn hiển hiện ra đối với cảnh giới ngũ dục (sắc, thanh, hương, vị, xúc) khách quan.

Trong mỗi người luôn tồn tại ba dục niệm này, nên động lực sống của chúng ta thường không đúng đắn. Tự thân ham muốn sinh tồn đang hoạt động mù quáng, thiếu trí tuệ chỉ đạo, đó là sự vô minh mà Phật nói.

Sự vô minh của người đời tác quái một cách đáng thương. Có một câu chuyện về người đời ham mê danh lợi:

Vua Càn Long đến chùa Kim Sơn thuộc Giang Tô ngắm sông thì thấy vô số thuyền lớn nhỏ. Ông bèn hỏi sư trụ trì chùa Kim Sơn:

- Trên sông tổng cộng có bao nhiêu chiếc thuyền?

Vị cao tăng đắc đạo trả lời:

- Chỉ có hai chiếc.

- Hai chiếc thoi ư?

Càn Long lấy làm khó hiểu. – Rõ ràng là có rất nhiều, sao thầy nói chỉ có hai chiếc?

- Một chiếc là thuyền danh, chiếc kia là thuyền lợi. – Trụ trì thân nhiên đáp.

Thì ra điều trụ trì nói không phải là số thuyền, mà là động lực đẩy thuyền. Danh lợi là sức mạnh thúc đẩy cuộc sống. Suy ngẫm kỹ hơn, ta sẽ thấy động lực của con người không nằm ngoài sự khống chế của ba động lực thuộc dục niệm nêu trên.

---o0o---

HÌNH THÁI CỦA DỤC NIỆM

Tham dục, sân hận, ngu si được Phật giáo gọi là ba căn bất thiện, tức là căn nguyên của mọi tội lỗi.

Từ ba căn bất thiện này sinh ra muôn vàn ác niệm: 1. Ái dục; 2. Sân hận; 3. Bất pháp dục; 4. Phẫn; 5. Hôn trầm; 6. Thụy miên; 7. Điếu cử; 8. Hối; 9. Nghi; 10. Hại ý; 11. Mạn; 12. Phúc. 13. Tật; 14. Đố; 15. Siễn; 16. Cố lậu; 17. Phóng dật; 18. Vô tâm; 19. Hại; 20. Bất tín; 21. Lãn đọa; 22. Giải đãi; 23. Tán loạn; 24. Ngụy thiện; 25. Thất niệm; 26. Nhiều thiệt (nói nhiều lời vô ích); 27. Kiêu; 28. Cuồng; 29. Kiên (keo kiệt, bủn xỉn); 30. Nảo (cáu tức, phiền muộn); 31. Hận; 32. Tà kiến.

Ba mươi hai kiểu ác đức này toàn là sự ô nhiễm của tâm, Phật giáo gọi là phiền não. Chúng đều lấy tham, sân, si làm gốc, khi đụng chạm vào sẽ bùng phát. Nói cách khác, đó là hình thái biểu hiện của dục niệm, là bản chất của đời người.

Để cứu vãn tình thế, Thế Tôn đưa ra đạo lý “tam giới duy nhất tâm”. Sự sống của con người lấy khao khát tình yêu mù quáng làm bản chất căn bản, tạo thành tam độc tham, sân, si, phân hóa thành ba mươi hai thứ phiền não, ảnh hưởng đến tinh thần chúng ta, tạo nên tính cách của chúng ta.

“Tam giới duy nhất tâm” này trên thực tế đều là do tâm chúng ta tạo nên. Tâm chúng ta là họa sĩ tài ba, có thể vẽ ra ngũ uẩn xuất sắc, mọi thế giới đều là do tâm tạo nên.

Tâm như Phật, Phật như chúng sinh; tâm, Phật, chúng sinh, ba thứ này chẳng khác gì nhau. Chư Phật đều biết đạo lý vật chuyển theo theo tâm, nếu giải được ý này, sẽ có thể nhìn thấy chân Phật.

---o0o---

THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

Thập nhị nhân duyên là tư tưởng duyên khởi của Phật giáo, là đạo lý thuận nghịch của duyên khởi mà đức Thế Tôn nghĩ ra sau bảy tháng suy ngẫm khi tu hành chứng được đạo quả dưới gốc cây bồ đề. Ấy là: Từ vô minh sinh hành, hành sinh thức, thức sinh danh sắc, danh sắc sinh lục xú, lục xú sinh xúc, xúc sinh thụ, thụ sinh ái, ái sinh thủ, thủ sinh hữu, từ hữu đến sinh, từ sinh đến già chết, u buồn phiền não... Nếu theo toàn thể mười hai nhân duyên này thì tất cả đều là khô.

Ngược lại, giả sử diệt mà lại vô minh, sẽ là vô hành, diệt hành thì vô thức, diệt thức thì vô danh sắc, diệt danh sắc thì vô lục xú, diệt lục xú thì vô xúc, diệt xúc thì vô thụ, diệt thụ thì vô ái, diệt ái thì vô thủ, diệt thủ thì vô hữu, diệt hữu thì vô sinh, diệt sinh thì không có già chết và các nỗi khổ bi ai phiền não, toàn bộ nỗi khổ này là diệt pháp như vậy.

Chư pháp vốn bình đẳng, không có hình tướng có tính biến hình, cũng vốn là thứ thanh tịnh không nhuốm phiền não. Người tu đạo cần có cái nhìn bình đẳng về chư pháp, trừ bỏ cái “ngã” và “ngã chấp”. Thế gian có rất nhiều sự khác biệt, chẳng qua là người ta tham cái “hữu ngã”, nếu trừ bỏ được sự cố chấp của “ngã”, sẽ chẳng có quan niệm khác biệt.

Tuy nhiên, hạt giống thức của kẻ phàm phu trong ruộng nghiệp bị cái vô minh che khuất, tưới bằng nước ái, đổ vào ngã dục, như thế, vô hình trung sẽ tăng thêm tà kiến. Do đó, từ vô minh khởi hành sinh ra “ngã” danh sắc, lại từ cái danh sắc này sinh ra lục xú là mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, ý. Lại từ lục xú mà sinh ra thụ, từ thụ sinh ra ái, từ ái sinh ra thủ, từ thủ sinh ra hữu, từ hữu mà sinh, từ sinh cho đến già chết, vì cái già chết này mà tụ lại u buồn và phiền não.

---o0o---

CUỘC SỐNG KHAI NGỘ

Diệt đế là con đường đưa đến cõi Niết bàn. Nhưng nhắc đến hai chữ “Niết bàn”, người ta thường cho là cõi vào sau khi chết. Trên thực tế, Niết bàn là chỉ cuộc sống khai ngộ.

Cuộc sống khai ngộ không phải là ăn náu tiêu cực, hay không có tình người giống như gỗ đá. Sau khi thành Phật, đức Thế Tôn đã hoàn toàn trừ bỏ sự vô minh và khát ái, căn nguyên của cuộc sống mê muội, chuyển vô minh thành quang minh, biến khát ái thành từ ái, đó chính là cuộc sống ở cõi Niết bàn.

Đương nhiên, cuộc sống sau khi khai ngộ của các đệ tử của Thế Tôn cũng đều là cuộc sống Niết bàn. Có thể phát tâm Bồ đề, coi nỗi bất hạnh của người khác là nỗi bất hạnh của mình, nghe thấy người ta bị tai nạn là gửi gắm lòng cảm thông sâu sắc, cùng mọi người nỗ lực tìm cách tránh tai nạn và làm cho cuộc sống được bình an. Không như rất nhiều người chấp mê trong thế tục, không hiểu rõ bản chất của cuộc sống, không hiểu đạo lý của sự vật, sinh ra sự khác biệt, mọi thứ tràn đầy ngã kiến, ngã mạn, dù hướng thiện cũng bị sự ích kỷ kìm hãm, sống cuộc sống tối tăm đi ngược lại chân lý, rơi vào vực thẳm khi nào không hay biết.

Nhiều người cho rằng sống là phải vì mình, theo đuổi mọi thứ có lợi khác cho mình, bất chấp phải tranh đấu với người khác. Những người như thế thiếu cái tâm thanh tịnh, họ đâu biết rằng con người mà không thương yêu giúp đỡ nhau sẽ không thể sinh tồn.

Mạnh Tử nói: “Lòng trắc ẩn ai ai cũng có.” Phật nói: “Mọi chúng sinh đều có Phật tính.” Thực ra không chỉ con người mới biết thương yêu, ngay cả loài vật trong tự nhiên cũng có tình yêu thương đồng loại, nhưng con người là động vật tiến hóa nhất, nên có thể phát huy được Phật tính rực rỡ, tạo nên nền văn minh cho xã hội như ngày nay.

Cuộc sống tích cực khai ngộ được dựng xây từ việc phát huy lòng nhân ái của con người, ức chế tham dục ích kỷ. Chỉ có thế con người ta mới cảm nhận được giá trị đích thực của cuộc sống.

---o0o---

TÂM PHẬT ĐẠI TỪ BI

Lòng từ ái trong Phật giáo được gọi là tâm đại Bồ đề, tức là cầu tâm đại ngộ. Sự cầu tâm ngộ này không phải chỉ cầu hạnh phúc cho mình, mà chủ yếu là với trên thì cầu ngộ, với dưới thì giáo hóa người khác, cho nên

mới có câu: “Trên cầu bồ đề, dưới hóa chúng sinh.” Nhưng sự phát tâm này không dễ, nó ẩn sâu trong đáy lòng chúng ta. Đôi khi cái tâm này cũng hiển lộ ra ít nhiều, thí dụ tình cảm mẹ con, tình yêu nam nữ, cho đến sinh lòng tri ân với người có ơn với mình. Song nó thường bị loạn động, nên phải trải qua giai đoạn tịnh hóa, cái tâm này mới có thể biểu hiện ra cuộc sống quang minh đích thực.

Trí tuệ cao vời của đức Thế Tôn nhìn thấu tâm lòng con người, cho nên Ngài lấy mình làm gương, cả đời sống trong sự từ ái chân thành đó để quán triệt tôn chỉ từ ái vạn vật, giáo hóa nhân loại.

Tâm bồ đề đó quả thực là Tam bảo của nhân gian. Con người ta tìm được thứ chí bảo này mới có thể hoàn thiện nhân cách bản thân.

Có thể khẳng định rằng: Tâm Phật là đại từ bi, dựa vào mọi nhân duyên thuận lợi để phổ độ chúng sinh vô lượng.

---o0o---

SỐNG VỚI LÒNG TỪ ÁI

Lòng từ ái là bản tính sâu nhất của con người, cũng là bản nguyện của con người. Khi dục niệm của một người thay đổi, nó sẽ trở thành tâm bồ đề. Cho nên phiền não và bồ đề chẳng phải hai, mà là một. Khi ác tâm của chúng ta hồi chuyển, sẽ trở thành tâm bồ đề.

Diệt dục, vô hữu khát ái mà Phật giáo nói không phải là tiêu diệt toàn bộ ham muốn, đoạn tuyệt sinh mệnh, mà là làm cho tâm dục được tịnh hóa, phát triển theo hướng chính đáng.

Kinh Phật nói: “Tâm tịnh nên quốc thổ tịnh.” Quá trình tu đạo của đức Thế Tôn chính là khai mê chuyển ngộ, diệt dục mà thành bồ đề.

Tâm chúng ta chỉ có một. Khi ngộ thì thành Phật, khi mê thì trở thành phàm phu. Thế giới Phật ở là tịnh thổ, còn chỗ phàm phu cư trú là uế thổ. Nhưng tịnh thổ, uế thổ cũng chẳng phải hai, theo quan niệm của Phật giáo thì đều là tịnh thổ, còn từ cái nhìn của phàm phu thì toàn là uế thổ. Phàm phu sợ lão bệnh tử, nên có lão bệnh tử. Phật vượt lên trên nó, nên không phải khổ vì nó.

“Kinh Bảo Tích” có một đoạn rất đáng suy ngẫm:

“Này Bảo Tích! Muốn được đến nước Phật thanh tịnh, tâm con phải tịnh, tâm tịnh thì quốc thổ cũng tịnh. Khi ấy Xá Lợi Phất nghĩ bụng: “Nếu tâm tịnh quốc thổ tịnh, thì khi Thế Tôn cầu đạo, đã chẳng còn tâm uế, hà có gì thế giới đó vẫn ô trọc như vậy?” Thế Tôn hiểu ý của Xá Lợi Phất, bèn nói: “Này Xá Lợi Phất! Kẻ mù không thấy được nhật nguyệt, nhưng không phải là không có nhật nguyệt, không nhìn thấy là khiếm khuyết của người mù, không liên quan gì đến nhật nguyệt. Cũng vậy, người ta vì tội mà không được thấy sự thanh tịnh của nước Phật, đất ở đó vốn tịnh, nhưng người lại không thể nhìn thấy.”

Tóm lại, mê ngộ nhiễm tịnh đều là tư thái do tâm tạo ra, sự vô minh và tham ái của mười hai nhân duyên đều là phiền não của khách trần, làm hại đến bản tâm. Phật giáo hướng con người đến cuộc sống tự giác, rời xa phiền não, rèn luyện bản tâm thanh tịnh, giúp con người được sống trong từ ái.

---o0o---

BẢN TÁNH CỦA CÁI TÂM

Trong giáo lý nhà Phật có một đoạn kể với nội dung rất tinh tế, đáng để suy ngẫm:

Mọi chúng sinh đều đến từ vô thủy (không có sự bắt đầu), bị nghiệp trói buộc mà không biết hai cái gốc. Một là không biết vọng tâm – cái gốc của sinh tử – mà cho rằng vọng tâm là bản tính của mình. Hai là không biết tâm thanh tịnh – bản thể của tri giác – tức có ngay trên bản thân mình. Thế Tôn giơ tay gập ngón hỏi A Nan:

- Này A Nan, con nhìn thấy những gì?
- Hiện Thế Tôn đang giơ tay nắm các ngón tay lại, nhằm dẫn dắt tâm chúng con, phải không ạ?
- Dựa vào đâu mà con nhìn thấy được?
- Người ta đều dựa vào đôi mắt mình để nhìn mọi vật, mọi việc.
- Dựa vào mắt nhìn không thể nói là dẫn dắt tâm họ.
- Vậy thì hẳn là con vừa dùng mắt để nhìn, vừa dùng tâm để nhận biết chẳng?

- Thứ mà con phân biệt được có thực là tâm của con không?
- Thưa phải! Chẳng lẽ không phải sao?
- Ôi A Nan! Phải biết rằng đó không phải là cái tâm thực của con.
- Thưa Thế Tôn, theo như người nói, thì tâm thực của con ở đâu?
- Cái tâm quả thực là hư ảo. Dựa vào nhân duyên mà dạy, dựa vào nhân duyên mà thay đổi, đó là sự trống rỗng phi thực tế, tin rằng đó là cái tâm có thực, e rằng cả đời này con vẫn còn nghi hoặc.

Từ đoạn đối đáp trên đây có thể cảm nhận được bản tánh của cái tâm.

---o0o---

CUỘC CHIẾN GIỮA TÂM VÀ VẬT

Cuộc sống là một trận chiến, đó là điều rất nhiều nhà triết học không phủ nhận. Xét từ góc độ Phật giáo, cuộc đời là cuộc giao chiến giữa vật và tâm. Vật mà thắng tâm thì vật chi phối tâm, tâm mà thắng vật thì tâm nô dịch vật. Tâm mà nô dịch vật thì tâm tự do, trái lại vật chi phối tâm, đương nhiên tâm trói buộc.

Dưới đây lấy một đoạn trong Kinh Văn làm thí dụ để thuyết minh:

“Chúng tỳ khuru nghe đây! Nếu có người bắt được sáu loài sinh vật có cảnh giới khác nhau, là rắn, cá, chim, chó, cáo và vượn. Sau đó cởi dây trói, thì sáu loài vật ấy chạy vào trong nhà của chúng. Rắn vào hang, cá xuống nước, chim bay lên trời, chó chạy vào làng, cáo vào nghĩa địa, vượn vào rừng. Giống với lý do này, người không tu thân sẽ không được đức hạnh, vì tâm bị khả ái pháp dẫn dắt, dần rời xa bất khả ái pháp. Này chúng tỳ khuru! Đó chính là cái gọi là không thể chế ngự.

“Chúng tỳ khuru nghe đây! Chế ngự như thế nào? Bây giờ có người dùng mắt nhìn sắc, nhưng không cố chấp yêu sắc, không hận không yêu sắc, ở trong thân niệm, ở trong bốn tâm vô lượng, mà biết được tâm giải thoát và tuệ giải thoát. Như thế, ác pháp nổi dậy sẽ bị diệt tận không sót. Không chỉ mắt như vậy, mà thanh hương vị xúc cũng đều như vậy.

“Chúng tỳ khuru nghe đây! Bây giờ dùng một cây cột trói sáu loài vật này lại. Ban đầu chúng ắt sẽ ra sức giãy giụa, con nào cũng muốn trở về nhà, nhưng không lâu sau lại thấy mệt mỏi, đành phải đứng ngồi, nằm bên cạnh cột. Nay chúng tỳ khuru, tu hành cũng vậy, tu thân niệm chú, thì mắt tai mũi lưỡi thân ý không bị hoàn cảnh dẫn dắt. Thân niệm chú đó chính là cây cột vững chắc. Cho nên các con phải lấy tu hành thân niệm chú làm đầu.”

Sáu loài vật nêu trên ví với sáu giác quan của chúng ta. Nếu không chế ngự đúng mức, cảm quan sẽ bị ngũ dục cám dỗ và chi phối.

---o0o---

GÁNH NẶNG CỦA CUỘC SỐNG

Chỉ cần chịu tự kiểm, chúng ta sẽ thấy rằng đời mình luôn bị vật chất trói buộc, hầu như mỗi người đều không thở được dưới gánh nặng vật chất. Cái mắt nhìn thấy là vật chất, cái mà tâm cầu là vật chất, được vật chất thì mừng, mất vật chất thì đau buồn, thường đều vì được bao nhiêu vật chất mà làm rối loạn sự tĩnh lặng của tâm cảnh.

Con người cho rằng không có vật chất thì không sống được, vì cuộc sống nên phải coi trọng vật chất, do đó ngày nay chúng ta thường lấy vật chất làm chính. Tâm chúng ta dần bị vật chất nô dịch. Thực sự đó không thể coi là cuộc sống đích thực.

Phật khuyên răn các đệ tử, làm tăng nhân thì phải có đôi cánh giống loài chim, bay lượn trên không nhưng không mang theo thứ gì, để sống cuộc sống y bát. Lại ví tăng nhân với ánh trăng vào nhà, không ngại bất kỳ vật nào, không ở bất kỳ chỗ nào, mà tỏa sáng khắp nơi.

Loài người chúng ta bị kỳ vọng trói chặt chân mình mà không hề hay biết. Kỳ vọng những thứ không phù hợp với thực tế, kỳ vọng vật chất vô dụng với mình, chôn mọi tư tưởng linh hoạt, tư duy trí tuệ vào trong kỳ vọng, cái tâm vì thế mà không được tự do.

Kỳ vọng do dục vọng gây nên, từ dục vọng sẽ sinh ra vô vàn sự so đo. So đo ở đây là muốn mọi vật phải hợp với mình, do tư tưởng của mình quyết định, nói theo thuật ngữ nhà Phật là phân biệt. Con người ta có tâm so đo, phân biệt, khi làm gì cũng đòi phải phù hợp với mình, từ đó sinh ra cố chấp, đó chính là sự trói chặt.

Xét từ lập trường chủ quan, trói chặt là do kỳ vọng, phân biệt và cố chấp sinh ra. Kỳ vọng, phân biệt và cố chấp là nguyên nhân chủ quan. Dựa trên những nguyên nhân này, con người sẽ bị vật chất khách quan trói buộc, từ đó sinh ra phiền não và đau khổ.

---o0o---

CÓ YÊU NÊN CÓ KHỔ

Đời người vô thường, luôn luôn biến đổi. Một gia đình đang hạnh phúc, chủ nhân bỗng đột ngột qua đời, lập tức gia đình ấy xảy ra biến cố, trật tự gia đình cũng thay đổi theo. Hoặc trong nhà có người mắc bệnh, bác sĩ đến khám thường xuyên, nhà cửa nồng nặc mùi thuốc, gia đình trở nên thiếu sinh khí.

Lại nữa, cha mẹ con cái, anh em vợ chồng trong gia đình, vì sự cố mà sinh ly tử biệt sẽ càng tăng thêm không khí đau buồn. Phải chăng cuộc đời thường mang đến những biến đổi khó lường? Nhưng nếu con người có trí tuệ biết giải thoát, nhìn thấu sinh tử, thì cứ để mọi thứ tự nhiên. Phật Đà có kệ khuyên răn đại chúng: “Chúng sinh vô thường, là pháp sinh diệt, sinh diệt đã diệt, Niết bàn yên tịnh.”

“Chư hành vô thường” mà Phật nói nghĩa là thế gian không có vật gì tồn tại mãi mãi, sự việc gì cũng đều đang biến đổi, do con người coi vô thường là bình thường nên mới cảm nhận được sự khổ não của nó.

Ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ có một trưởng giả, do con trai bị chết, nên đau buồn vô hạn, thường vào rừng kêu khóc. Có lần, ông tìm đến Kỳ Viên tịnh xá của Thế Tôn, vào bái kiến Ngài và mong được chỉ giáo.

Thế Tôn hỏi:

- Ông thực là vì “yêu” mà đau buồn, khổ não như vậy.

Thường thì cha thương con là chân lý của vũ trụ, không có gì phải bàn, nhưng nếu là yêu thương mù quáng, coi vô thường là sinh tồn vĩnh viễn, thì sẽ trở thành sự kỳ vọng không thể thực hiện được, sinh ra mâu thuẫn rất lớn với hiện thực. Như thế sẽ tạo thành căn nguyên của khổ não, phiền muộn tự nhiên cũng đến. Cho nên Thế Tôn mới nói có yêu nên có khổ.

“Ái” của con người không ngoài bốn loại, đó là: 1/ Lấy vô thường làm thường; 2/ Lấy khổ làm sướng; 3/ Lấy vô ngã làm hữu ngã; 4/ Lấy bất tịnh làm tịnh, đó gọi là “tứ điên đảo”. Do sự phân biệt, so đo tứ điên đảo mà sinh ra cố chấp, từ cố chấp sinh ra đình trệ, cho nên sinh ra vô vàn khổ não.

---o0o---

CÁCH TRỪ BỎ CỐ CHẤP

Phật giáo có phép giúp chúng sinh trừ bỏ tính cố chấp bằng cách giúp chúng ta nhận rõ “trong tử có sinh, trong sinh không có sinh”. Thế nào là “trong tử có sinh”? Đó là giải thoát khỏi sinh tử, không cố chấp sinh tử, tức là coi sinh tử như nhau, sinh tử đều do thân ta sinh ra.

Thế nào là “trong sinh không có sinh”? Tức là bị sinh tử cầm tù, tham sinh mà lại sát sinh. Ngày xưa quân triều Nguyên đánh Giang Nam, Tổ Tiên thiên sư bị bắt, lúc sắp bị chặt đầu, thiên sư đã làm một bài thơ để tỏ chí mình:

Càn khôn vô địa tồn cô tiết,

Tu tri nhân vong pháp diệt không.

Trân trọng Đại Nguyên tam xích kiếm,

Điện quang ảnh lý trăm xuân phong.

(Trời đất không nơi giữ tiết này,

Tu biết người vong pháp cũng không,

Trân trọng Đại Nguyên ba thước kiếm

Trong ánh điện quang chém gió xuân.)

Quân nhà Nguyên nghe xong bài thơ không nỡ giơ đao, cuối cùng thả thiên sư ra. Đó chính là không cố chấp sinh tử, không những thuận nhiên đối với sinh tử, mà đối với bất kỳ việc gì cũng đều như vậy.

Toàn bộ giáo pháp của Thế Tôn tóm lại không ngoài bài xích trí phân biệt và đề xướng trí không phân biệt, tức là chủ trương trí bát nhã mới là trí tuệ chân chính.

Duy Ma Cật và rất nhiều Bồ tát khác đều từng nói rõ đạo lý không hai về các khái niệm đối lập như sinh diệt, bản sạch, thiện ác, có không, tối sáng, tà chính... Tuy nhiên chúng ta, những kẻ phàm phu lại bị mọi khái niệm đối lập cầm tù, có trí phân biệt về các quan niệm cố chấp như thiện ác, chính tà..., nhưng lại không rõ đạo lý không hai của chúng.

Lần nọ, Văn Thù Bồ tát trả lời câu hỏi của chư đại Bồ tát, rằng:

- Như ý tôi đối với tất cả pháp không nói, không rằng, không chỉ, không biết, xa lìa các vấn đáp, đó là vào pháp môn không hai.

Như vậy đã nói rõ kiến giải về sinh tử đều là kiến giải phân biệt. Bản chất của sự vật thì rời khỏi những tính toán so đo này, tức là sinh tử như nhau, sinh diệt không phải là hai, là không thể biết được.

Cuối cùng Văn Thù Bồ tát hỏi ngược lại Duy Ma Cật, nhưng Duy Ma Cật chỉ im lặng. Lúc ấy Văn Thù Bồ tát khen ngợi:

- Lành thay, văn tự ngôn ngữ không đến được, đó thật là pháp môn không hai.

Xa rời tính toán so đo mà nhìn thấy bản chất của sự vật là điều không thể nói ra bằng lời, không còn cách nào khác ngoài im lặng. Chẳng trách trong kinh nói “Ông Duy Ma im lặng không nói.”

Thứ đến, chúng ta phải hiểu rõ cái gốc của trí phân biệt, đó là có ngã niệm, ngã chấp, do đó phát sinh cố chấp phải chịu trói buộc, vô hình trung mất đi tự do thực sự. Nhưng trí tuệ bát nhã thì lại khác. Bởi đó là thuận theo tướng thực, không có ngã niệm, ngã chấp, từ đó rời xa cố chấp và được siêu thoát tự tại, tám phương không có gì ngăn trở.

---o0o---

THỨC TỈNH LOẠN TÂM

Trong kinh có một câu chuyện nổi tiếng:

Duy Ma cư sĩ bị bệnh, trong phòng bệnh ông tiếp kiến rất nhiều Bồ tát dẫn đầu là Văn Thù Bồ tát đến thăm hỏi.

Lúc này có một tiên nữ đứng rắc hoa cho các vị khách một cách rất thành kính. Tuy nhiên hoa trời rắc xuống đến mình các Bồ tát thấy đều rơi xuống, đó là điều rất tự nhiên. Chỉ có những cánh hoa vương trên áo của Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là không rơi xuống.

Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên bèn lấy tay phủi xuống, lòng vẫn cho rằng đó là hoa không đúng pháp, nhưng hoa vẫn không rơi xuống đất.

Dương nhiên điều đó thật khó tưởng tượng. Thực ra không phải Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên có lòng hiềm ghét sự phân biệt của hoa trời, cũng không phải hoa không đúng pháp, mà là lòng hai người này không đúng pháp. Có câu: “Vô tâm cách hoa hoa tự rụng, hữu tâm cách hoa hoa không rời.” Người tu hành không được có bất kỳ lòng phân biệt nào, như thế hoa tự nhiên sẽ rơi xuống.

Không Tử nói: “Người không biết đến mình mà mình không giận, đó chẳng phải là bậc quân tử sao?” Điều đó cho thấy con người không cần người khác biết mình, tất cả chỉ cần bình thản, không vương bận là đủ. Lời dạy của Thế Tôn yêu cầu người ta cầu sự giải thoát triệt để của cái tâm đó. Cho nên nói giải thoát tức là đến được cõi Niết bàn mà không cần đợi tới khi chết đi.

Bởi vậy chúng ta phải tuân theo lời dạy của Thế Tôn, phải thức tỉnh lại từ trong mê muội vật chất, từ bỏ tâm phân biệt, đoạn trừ ý niệm cố chấp, từ bỏ sự khô cứng trong tâm hồn. Chúng ta càng phải tự khuyên mình dùng trí tuệ bát nhã để theo đuổi chân lý vô thượng, chỉ cần chí không sờn, ắt sẽ cởi được trói buộc, được tự do tự tại.

---o0o---

TINH THẦN CỦA ĐẠI THỪA

Sự tu hành giúp chúng ta giải thoát trong cuộc đời này, chỉ có giải thoát mới có được tự do tự tại thực sự. Nhưng giải thoát khỏi sinh tử có phải là mục đích duy nhất trong việc học Phật của chúng ta? Câu trả lời là không phải. Bởi giải thoát cố nhiên quan trọng, nhưng cá nhân được giải thoát vẫn chỉ là cách làm tiêu cực.

Như vậy phải nói đến tinh thần Đại thừa của Phật giáo. Phải biết rằng, cuộc đời chỉ toàn khổ đau, điều quan trọng là chúng ta phải tích cực tham gia vào đời sống xã hội để làm mới mình. Tuy xưa kia có rất nhiều quân tử chọn cách ẩn cư lánh đời, không tham không cầu, không tranh với đời nhưng nay

mọi chuyện đã khác hoàn toàn. Trong thời đại công nghiệp phát triển, khoa học phát triển, không còn cho phép chúng ta lẩn trốn. Dù có gia sản kếch sù cũng không thể sống biệt lập, tách rời quần thể. Do nhu cầu của thời đại, sự tiến bộ của xã hội, những người không theo kịp tiến độ phát triển, không đáp ứng được nhu cầu xã hội sẽ bị đào thải. Chúng ta phải tích cực gia nhập vào xã hội, có những hành động chính đáng, mang lại lợi ích cho mình và người khác. Phật giáo gọi đó là tinh thần Đại thừa.

Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là hai trong số mười đại đệ tử của Phật Đà, hậu thế gọi họ là Thanh Văn La Hán, Phật giáo Đại thừa coi hai người này là tổ sư. Nhưng khi tại thế, họ tu hành tiêu cực, chỉ chăm thiện cho mình, không có thái độ tích cực như các đại đệ tử khác của Phật Đà. Hai người họ hẳn nhiên là thiếu tinh thần Đại thừa, nhưng Mục Kiền Liên chết đi lại hành đạo Bồ tát độ chúng quý nơi âm giới, đó là điều đáng khen ngợi. Còn Xá Lợi Phất chết sớm, sinh tiền ông trí tuệ hơn người, nhưng chết đi lại không có sự tích gì đáng ca ngợi.

---o0o---

TỰ LỢI VÀ LỢI THA

Tự lợi là làm lợi cho mình; lợi tha là làm lợi cho người khác. Động lực của cuộc sống nằm ở sự tích cực của lợi tha. Lợi tha tức là ái tha (yêu thương người khác). Tuy Phật nói: “Con người ta vì yêu mà sinh khổ”, nhưng phải biết rằng không có khổ cũng chẳng có sướng, khổ sướng là tương đối. Sự đại bi trong Phật giáo là biểu hiện của tình yêu thương vĩ đại.

Tôn giáo không phải là sống trong cung điện yên ổn, tôn giáo là cùng quần chúng giũ bùn đứng dậy đi lên. Khi đến thăm Duy Ma cư sĩ bị bệnh, Văn Thù Bồ tát hỏi:

- Sao Ngài lại bị bệnh?

Duy Ma cư sĩ đáp:

- Bệnh của Bồ tát là do đại bi gây nên.

Thì ra Bồ tát coi khổ nào mà chúng sinh đang gánh chịu là khổ nào của mình, coi sự yên vui của chúng sinh là niềm yên vui của mình. Tấm lòng đại bi Như Lai ấy chính là động lực thúc đẩy xã hội phát triển.

Từ tấm lòng yêu thương người khác sẽ tạo ra rất nhiều hành động tích cực. Nhưng hoàn toàn tịnh hóa “tình yêu” chính là lòng đại từ bi, tức là lòng Bồ đề, lòng Phật. Nếu có lòng như vậy, thì dù cư trú trong môi trường bất lợi vẫn có thể gánh vác trọng trách của xã hội, vẫn giữ được tấm lòng son sắt, tận mọi trách nhiệm của bản thân mà không sợ bị bàn tán, chịu khó nhẫn nhục, một lòng vươn lên. Đó chính là tinh thần lợi tha của Đại thừa.

Chân đế cuộc sống mà Phật giáo muốn hướng chúng ta đến là:

Một, giải thoát, tức là không bị bất kỳ thứ gì ràng buộc, khiến cho tâm luôn tịnh.

Hai, song song với giải thoát chính mình, chúng ta phải có trách nhiệm với xã hội bằng tình yêu thương, lòng đại bi, phục vụ quảng đại quần chúng, thực hiện những hành vi lợi tha tích cực.

---o0o---

GIÁC NGỘ ĐẠO LÝ NHÀ PHẬT

Hiểu được đạo lý nhà Phật nói, nhận được trí tuệ sáng suốt, đối diện với tất cả mà không phân biệt, cố chấp, càng không bị gò bó trói buộc, thân tâm được tự tại, tự do không trở ngại, làm gì cũng khả thi, cuộc đời như vậy mới có giá trị. Mọi hoạt động đều dựa vào sự giác ngộ, dựa trên lòng từ ái chân thật và lòng thương xót mọi chúng sinh.

Phật nói:

“Ta thương xót các con và tất cả người đời, tất cả đều được thụ giáo ngang nhau, khiến cho thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt cùng sáng, gió mưa kịp thời, tai nạn không có, nước thịnh dân an. Binh không dụng võ, sùng đức hành nhân, đoan chính lễ nghĩa.

Ta thương xót các con cùng tất cả người đời. Ta ở kiếp này đã trở thành Phật, diệt được năm điều ác, năm sự đau đớn, năm sự thiêu đốt. Lấy thiện tấn công ác, nhổ trừ mê khổ, đi lên ngộ cảnh.”

Phật ngộ ra đạo lý của vạn vật, được trí tuệ quang minh, thoát khỏi kỳ vọng, phân biệt, cố chấp, tránh xa gò bó, nhập vào cuộc sống tự nhiên vô vi, đồng thời Ngài yêu cả nhân loại như yêu chính con mình, coi sự yên vui của

chúng sinh là niềm yên vui của mình, thực hiện hoạt động lớn, xoay chuyển pháp luân lớn nhằm giúp mọi người giác ngộ.

Chúng ta ngày nay được nghe Phật dạy, làm một giáo đồ của Phật, lĩnh thụ được lòng đại bi của Phật, theo đó sẽ được nhập cảnh giới của ngộ, đó là điều đáng mừng và quang vinh.

---o0o---

KẺ GIÁC LẤY PHÁP LÀM THÂN

Địa vị chí cao vô thượng của con người là một người bình thường đạt đến cảnh giới của kẻ giác. Phật là kẻ giác, là nhân cách tư tưởng chân chính mà con người khó có thể vươn tới. Nhưng người thật sự thể nghiệm được “pháp” là người coi con người và pháp không phải là hai (bất nhị), nói cách khác, là lấy pháp làm thân. Phật dạy các đệ tử của mình phải lấy “pháp” làm chân thân.

Khi ấy Phật nói với đệ tử Bạt Ca Lê:

“Này Bạt Ca Lê! Con nhìn tám thân hủ bại đó như thế nào? Chỉ có thấy pháp là có thể thấy ta. Kẻ thấy ta tức là thấy pháp. Thế nghĩa là gì? Vì dựa vào thấy pháp mới có thể thấy ta, lại dựa vào thấy ta mới có thể thấy pháp.”

Trong kinh Phật có một câu chuyện rất cảm động:

Ngày ấy Thế Tôn thuyết pháp cho mẹ, khi từ cung trời Đao Lợi trở về thế giới này, có tử khuru ni Liên Hoa Sắc đến đón.

Khi ấy Tu Bồ Đề tôn giả ở trong hang núi Linh Tụ cách đó hàng trăm dặm đang khâu áo. Ông đứng dậy tỏ ý sẽ đi đón Thế Tôn, nhưng lại lập tức dừng lại, nói:

- Bây giờ ta muốn đi đón Phật, thân Phật này là vật chất, mà người đón là ta cũng là vật chất. Chư pháp như thế vốn đều là không, vừa không có người tạo, cũng không có người được tạo. Bái Phật thì thân tâm đều là bái vô thường. Bái Phật thì mọi vật đều là bái của bái không. Bái Phật thì mọi vật đều là bái vô ngã. Không ngã không nhân, không có người làm, cũng không có người được làm, tất cả đều là không tịch, nay ta quy y chân pháp.”

Sau đó Tu Bồ Đề trở lại chỗ ngồi, lặng lẽ khâu áo.

Thế Tôn về đến nơi, nói với tử khưu ni Liên Hoa Sắc:

- Nay Liên Hoa Sắc, con không phải là người đầu tiên đón ta. Phải biết rằng, Tu Bồ Đề thấy sự không của chư pháp là người đầu tiên thấy ta. Tuy nhiên thấy dung mạo của ta lại không phải là thấy ta; thấy pháp của ta mới là thấy ta.

Cái gọi là “pháp” tức là chân lý vạn vật của vũ trụ. Người thật biết được đạo lý giác ngộ mà Phật tỏ mới là người thật sự thấy Phật. Do đó, nhục thân của Phật tuy diệt nhưng pháp thân của Ngài là bất diệt, vĩnh viễn tồn tại.

---o0o---

ƠN TRỜI CHE ĐÁT GÁNH

Lấy Thế Tôn làm nhân cách lý tưởng viên mãn, tức là Phật tính của kẻ giác, làm mục tiêu mà sùng bái vĩnh hằng, điều đó hoàn toàn đúng đắn. Trong cuộc sống, liệu ai không mong muốn mình có một nhân cách cao thượng, được mọi người kính trọng?

Đã có quan niệm đúng đắn ấy, chúng ta phải một lòng nghe theo sự dạy bảo của đức Như Lai, cải tạo lại cuộc sống của mình. Điều đó bao gồm thực tướng của toàn pháp giới cuộc sống, vốn là giúp cho mỗi người cảm thấy lòng từ ái làm ấm lòng ta, bồi đắp tâm hồn ta.

Nói cách khác, trời che ta làm cho thân ta ấm áp, đất gánh ta giúp thân ta được vun bồi; ý thức về cái ân trời che đất gánh ấy trên thực tế là quan niệm thực tướng về toàn pháp giới.

Có sự quán tưởng để khai triển, mọi vật đều sẽ vì ta mà sinh. Vật sở dĩ tồn tại, theo một ý nghĩa nào đó hoặc một giá trị nào đó, toàn bộ là sinh tồn vì chúng ta. Dù là một cây cỏ, một hạt bụi nhỏ bé cũng tuyệt đối không thể tùy tiện bỏ đi. Cảnh giới phàm phu là chưa khai tâm nhãn, cho nên có vô vàn tốt xấu mừng giận cũng như hơn thua được mất, cũng vì thế mà dẫn đến vô vàn tranh chấp không cần thiết. Một khi theo Phật giáo, khơi mở tâm nhãn, sẽ cảm thấy vạn vật với ta bình đẳng, ta và vạn vật là một thể thống nhất, tự nhiên sẽ có thể hòa đồng với mọi người, sống chung cùng vạn vật.

---o0o---

“BA THIÊN SỨ” CỦA CUỘC SỐNG

Làm thế nào để khơi mở tâm nhãn nội tại theo sự gợi mở của Phật giáo là khâu quan trọng nhất, nếu không nói gì cũng vô ích. Trong quá trình tu đạo dưới gốc cây bồ đề, cuối cùng Phật đã được khơi mở tâm nhãn, khiến cho mũi tên độc ma vương biến thành hoa lạ, lũ lượt rơi xuống, không thể hại Ngài. Người đời coi lão bệnh tử là nỗi đau khổ, nhưng Phật lại coi đó là “ba thiên sứ” của cuộc sống.

Có lần Thế Tôn nói với đệ tử của mình:

“Các con có biết ba thiên sứ của kiếp này không? Ta sẽ kể cho các con nghe một câu chuyện.

Có kẻ làm ác phải xuống địa ngục, quỷ sứ bắt hắn đến điện U Minh báo cáo với Diêm La Vương:

- Thừa đại vương, kẻ này trên dương thế không tôn trọng Tam bảo, không hiếu thuận với cha mẹ, lại không kính thầy, cho nên xin trừng trị hắn thích đáng.

- Khi ở dương thế người có gặp thiên sứ thứ nhất không? – Diêm La Vương hỏi phạm nhân.

- Bẩm đại vương, tôi chưa từng thấy.

- Vậy người có từng thấy người già cả, lưng còng, chống gậy đi đường không?

- Đương nhiên, thấy nhiều lắm.

- Người nhìn thấy những người như vậy, cần phải nghĩ rằng mình cũng sẽ có ngày già yếu, tại sao không nghĩ đến chuyện nhanh chóng làm những việc thiện thuộc ba nghiệp thân, khẩu, ý?

- Quả thực tôi không để ý đến việc đó, chỉ muốn sống phóng túng, nhàn hạ.

- Vì người phóng túng, nhàn hạ nên cái cần thấy lại không thấy, việc cần làm lại không làm, bởi vậy phải chịu báo ứng của sự phóng túng, nhàn hạ. Đó chẳng phải do cha mẹ, anh em hay bạn bè người gây ra, mà chính người tự chuốc lấy, ta đành phải cho người nếm trái đắng của sự ác chấp.

Tiếp đó Diêm La Vương lại hỏi phạm nhân:

- Người đã từng thấy thiên sứ thứ hai chưa?

- Thưa đại vương, tôi chưa từng thấy.

- Vậy thì chẳng lẽ người chưa từng thấy người bị bệnh, không tự chăm sóc được, khiến cho cơ thể do bẩn?

- Thế thì tôi thấy nhiều lắm.

- Người nhìn thấy những người như vậy, đáng lẽ phải nghĩ đến bệnh tật của mình, người khỏe mạnh đến mấy rồi cũng có ngày bị bệnh. Tại sao khi còn khỏe người không nghĩ đến việc tự làm sạch ba nghiệp thân, khẩu, ý?

- Ô, xin thứ lỗi, tôi thực đã quá phóng túng.

Diêm La Vương lại hỏi:

- Người đã từng nhìn thấy thiên sứ thứ ba chưa?

- Thưa đại vương, tôi chưa từng thấy.

- Người đã từng nhìn thấy người chết qua một ngày, hai ngày, ba ngày, thân trương phình lên, chảy ra nước mắt, mùi hôi thối nồng nặc chưa?

- Cái đó tôi thấy nhiều rồi.

- Đã từng nhìn thấy, đáng lẽ phải biết mình sống không còn bao ngày nữa, tại sao lại phóng dật, cam nguyện làm ác mà không làm điều thiện? Bây giờ đã đến lúc người phải lãnh hậu quả của việc phóng dật, tất cả những việc người làm người phải tự chịu, không ai chịu báo ứng thay người được.

Thế là Diêm La Vương sai quỷ sứ lôi phạm nhân đi ném vào lửa chịu khổ.

Này các tử khưu! Kiếp này phải ba thiên sứ đến trần gian, các con phải nghe lời thiên sứ kêu gọi, tránh xa phóng dật; thấy thiên sứ mà vẫn không tỉnh ngộ, sớm muộn rồi cũng bị trừng phạt chịu khổ lâu dài.”

Lời dạy về “ba thiên sứ” của Thích Tôn quả thực có ý nghĩa sâu xa. Danh lợi trần thế khiến cho người ta làm những tội nghiệp của quỷ đói, địa ngục, súc sinh. Cho nên người có chí đạo không nên coi danh lợi là nền tảng của việc tiến đức tu nghiệp. Câu “Quân tử lấy đức phát thân, tiểu nhân lấy thân phát tài” cũng nhằm diễn đạt ý này. Điều Phật dạy, tất cả là do nhân duyên sinh

ra, mọi thứ đều nương tựa vào nhau, liên quan đến nhau. Ác cũng không phải ác, thiện cũng không phải thiện. Ví dụ: Morphin có thể làm chết người, nhưng cũng có thể cứu sống người, cho nên là thuốc độc hay không tùy vào mục đích sử dụng. Chỉ cần chúng ta có thể khơi mở tâm nhãn của mình, mọi thứ đều là thiện.

Khi chúng ta không ngừng tinh tiến, khơi mở tâm nhãn, tích cực làm lợi cho người khác, là một tín đồ Phật giáo có thành tựu, sẽ có thể thực hiện được giá trị nhân sinh lý tưởng của mình trong trần trần thế ô trọc và đầy khổ ải này.

---o0o---

LĨNH NGỘ CẢNH GIỚI CỦA KHÔNG

Phật giáo chủ yếu là khơi mở đạo giác ngộ cho con người, tuy nhiên chữ “ngộ” này chủ yếu là tỉnh ngộ trong lòng, tức là khơi dậy Phật tính nội tại của chúng ta.

Kinh Phật nói: “Sắc vốn tính không, lấy không đặt tên cho sắc.” Có nghĩa là: tự tính của sắc vốn là không. Có câu: “Bản tính của mọi pháp vốn là không”, muốn chúng ta cảm ngộ được rằng tự tính chẳng qua như một tờ giấy trắng. Nếu vẽ một vàng trắng lên tờ giấy trắng, sẽ hiện ra vàng trắng; cũng vậy, nếu vẽ hoa sẽ hiện ra hoa; nếu khai mở ngộ nhãn, thì trong cái “không” này lại có giá trị tôn quý vô hạn, tức là lĩnh ngộ được rằng “Vô nhất vật trung vô tận tàng” (Trong không có vật gì, lại ẩn chứa tất cả mọi vật), đạt đến mức độ này sẽ “Có hoa có nguyệt trắng có lâu đài”, phát giác ra trong không có vật gì lại là bao la vạn hữu, trong trời đất không có vật gì là không có.

Phật tính vốn ai cũng có, nhưng tiếc thay tư dục của con người quá lớn, để cho bề dục làm ngập Phật tính của mình mà không biết. Trong kinh có chép:

Một hôm, Phật giơ tay lên rồi hỏi các đệ tử:

- Các con có thấy không?
- Có thấy! – Chúng đệ tử đáp.

Phật giấu tay vào túi áo, rồi lại giơ ra hỏi:

- Các con có thấy không?

- Không nhìn thấy.

Thế nên Phật ái ngại nói:

- Các con vẫn chưa thấy tính.

Thì ra, Phật tính chính là chữ “không”, khi Phật cất tay vào túi áo, tuy không nhìn thấy nhưng tay vẫn còn tồn tại, sao có thể nói là không có được? Trái lại, tay lộ ra ngoài, tuy nhìn thấy rõ, nhưng cũng không thể đoán định rằng có. Lấy thí dụ thuyết minh: Chuông chưa đánh thì im lìm không tiếng, một khi đánh lên sẽ rung chuyển mặt đất. Thực ra chuông chưa đánh vốn đã có tiếng rung mặt đất, tức là đánh cũng chỉ là im lìm không tiếng, vấn đề nằm ở chỗ tay đánh hay không đánh mà thôi.

Ban đầu Thần Tú đại sư làm kệ: “Thân tựa bồ đề thụ, tâm như minh kính đài, thời thời cần phát thức, vật sử nhiễm trần ai” (Thân tựa cây bồ đề, lòng như đài gương sáng, mọi lúc siêng lau chùi, chớ để nhiễm bụi dơ). Nhưng Huệ Năng đại sư nói: “Bồ đề vốn không cây, gương sáng chẳng phải đài, vốn chẳng phải một vật, chỗ nào dính bụi trần?” Thế nên Ngũ Tổ bèn truyền y bát cho Huệ Năng, Huệ Năng trở thành Lục Tổ. Tại sao lại như vậy? Vì Huệ Năng đã triệt ngộ cảnh giới rộng lớn của “không” của vạn vật trong lòng hơn Thần Tú.

---o0o---

DỤNG CỦA NHƯ THỂ NÀO?

Đã tỉnh ngộ được “không”, còn phải hiểu được triết lý “không mà không không”. Phật giáo chủ trương “vô ngã”, nói “không” bàn “không”, là đệ tử Phật giới chúng ta cần dẹp bỏ lòng tham, các ý niệm không chính đáng, nhưng Phật giáo tuyệt đối không phải là dạy người ta keo kiệt vô lối, tư tưởng kinh tế của Phật giáo cũng rất đáng để nói.

Trong kinh Phật có câu chuyện:

Vợ của vua Ưu Điền cúng dường 500 bộ áo tốt cho Tôn giả A Nan, người mà nàng tôn kính.

Thông tin này được truyền đến tai nhà vua, nhà vua bèn triệu A Nan vào cung, hỏi:

- Một mình thầy được nhiều áo như thế, sẽ dùng như thế nào?

Ý vua là: Một mình A Nan nhận được nhiều áo như thế, há chẳng phải là quá tham lam sao?

An Nan thẳng thắn đáp:

- Thừa đại vương, ta sẽ chia chúng cho các đệ tử có áo rách dùng.

- Áo rách họ mặc trên mình thì xử trí thế nào?

- Dùng những áo rách đó làm chăn.

- Thế chăn rách thì thế nào?

- Dùng làm bọc gối.

- Thế bọc gối rách thì không dùng nữa sao?

- Có thể dùng làm nệm.

- Nệm cũng rách thì sao?

- Thì dùng làm tất chân.

- Dùng làm giẻ lau.

- Giẻ lau lại rách thì sao?

- Chúng tôi trộn hết số vải rách đó với bùn đất để trát tường.

Nhà vua cảm động, khen ngợi:

- Hay thay, hay thay! Đệ tử Phật quả là những bậc đại đức có phẩm hạnh cao thượng, có thể dùng được bất kỳ vật gì, quả là độc đáo.

Điều đó cho thấy tư tưởng kinh tế của Phật giáo, chủ trương lấy tiết kiệm làm đầu, hiểu rõ giá trị quý báu của mọi vật. Hơn nữa các Phật tử xuất gia tu đạo càng phải biết dùng những thứ thí chủ bố thí cho đại chúng, làm ra

những công đức có ích cho công chúng. Phải luôn có tấm lòng từ bi hỉ xả, tu tâm dưỡng tính.

---o0o---

TRÊN CẦU DƯỚI HÓA

Là một tín đồ Phật giáo, phải có lòng trên cầu bồ đề, dưới hóa chúng sinh. Kinh Phật nói:

“Phật khảo nghiệm Bồ tát rằng:

- Nếu bây giờ người trẻ tuổi đưa thân người vào hầm lửa lớn, rồi lại ban phép cho người, người sẽ làm thế nào?
- Đệ tử dù có chịu vô vàn khổ sở dưới địa ngục cũng không từ, huống gì là hầm lửa nhỏ bé của nhân giới?

Lòng trên cầu bồ đề của Bồ tát là như vậy đây.”

Khi xả thân cứu thế, Bồ tát phải bỏ lòng kiêu mạn, trở nên khiêm tốn, còn phải có lượng bao dung mọi thứ, nhẫn nhịn mọi nỗi thống khổ, không chán chường, không buồn nản, tu thiện căn. Lam vậy sẽ hàng phục được mọi phiền não, coi oán thân bình đẳng, xoay chuyển được đại pháp luân, thực sự nhận được Phật pháp.

---o0o---

CHÍN LOẠI BỒ TÁT ĐẠO PHẢI HÀNH

Bàn về phát tâm bồ đề, hành bồ tát đạo, Long Thụ Bồ tát nói có chín loại Bồ tát đạo phải hành:

1. Bồ thí độ: Phải dùng mọi công đức và chúng sinh cùng hồi hướng bồ đề, đó chính là Bồ thí Ba La Mật. Ba La Mật nghĩa là cực hạn, cực độ. Cực độ của bồ thí là bồ thí mà không biết đó là thí, hoàn toàn tách khỏi lòng công danh, không cầu bất kỳ báo đáp nào, đây hoàn toàn bắt nguồn từ động cơ bác ái.

2. Trì giới độ: Tự mình hành mười điều thiện, cùng người khác làm thiện, tức là tuân thủ quy phạm đạo đức thuần túy.

3.Nhẫn nhục độ: Tự nhẫn nhịn mọi phiền não và cùng nhẫn với người khác. Nói thẳng ra, nhẫn nhục là giữ một ý chí bất khuất, có câu “trăm nhẫn có thể tự thành thép.”

4.Tinh tiến độ: Tu hành siêng năng không chán nản, cùng khuyên những người khác siêng năng giống mình. Siêng năng như vậy thì cuộc đời mới tích cực và có ý nghĩa.

5.Thiền định độ: Không một mình nhận quả thu hoạch được từ thân tâm thanh tịnh, phải chung hưởng lạc thú thiền định với người khác, vì “định sau đó là được”.

6.Trí tuệ độ: Khai mở con mắt trí tuệ đối với nhân sinh, cùng người khác tránh xa cố chấp phiền não, từ ngu muội chuyển thành quang minh.

7.Phương tiện độ: Dùng chân tâm của mình đối lại với mọi thứ người khác làm, tức là pháp môn từ ái thiện khác, luôn mang lại sự tiện lợi cho người khác, luôn tùy cơ ứng biến.

8.Thành tựu chúng sinh độ: Lan truyền lòng từ ái đến với mọi người, đó là phương pháp thành tựu chúng sinh. Có nghĩa là giúp cho mọi người ngày càng hoàn thiện.

9.Phật quốc tịnh thổ độ: Công hiến sức mình cho đất nước và xã hội, nỗ lực trong việc xây dựng đất nước giàu đẹp, hướng con người đến chân – thiện – mỹ.

---o0o---

SỰ TỰ GIÁC CỦA PHẬT GIÁO ĐỒ

Phật giáo là biểu hiện văn hóa cao nhất của hai mặt vật tâm, do đó, Phật giáo đồ phải có những hoạt động tích cực nhằm lợi tha, mỗi Phật giáo đồ đều phải có tinh thần tự giác. Muốn vậy, các Phật giáo đồ phải làm được mấy điều sau đây:

Thứ nhất, chăm chỉ thực hiện công việc của mình: Đối với công việc đã có, không được chán, không được nản, tôn trọng nghề nghiệp, nỗ lực làm tốt nó.

Thứ hai, sống tự lực, tự chủ: Sống không bị người khác chi phối, có chủ trương riêng, coi trọng sự tôn nghiêm của nhân cách, biết tự kiểm chế.

Thứ ba, tinh thần năng động, có chí tiến thủ: Thực hiện những hoạt động tích cực chứ không phải tiêu cực, việc gì cũng giàu lòng tiến thủ, có ý chí kiên cường không nản.

Thứ tư, có quan niệm báo ân: Sống trên đời ta phải biết đền ơn tứ chúng, sống vì người khác, cuộc sống như vậy mới có ý nghĩa.

Thứ năm, hòa đồng với mọi người: Bồi dưỡng nhân cách vô thượng quên mình vì người, lấy đức báo oán của Phật Đà vĩ đại, sự khoan dung đại lượng của Phật đối với tất cả mọi người đáng được ca tụng, cho nên Phật giáo có một câu nói, khiến người ta biết sai cũng đừng lo, mà hãy quay đầu: “Bỏ dao mổ xuống, lập tức thành Phật.” Chúng ta phải học tập Phật cách này để cảm hóa những kẻ ngoan cố ngu muội, như thế sỏi đá cũng phải mềm.

Thứ sáu, trừ bỏ chủ nghĩa hưởng lạc: Trừ bỏ cuộc sống hưởng lạc tham dật ngay từ bây giờ. Chúng ta phải hướng đến cuộc sống mới, tìm kiếm đạo lớn chân lý, không được tiếp tục trì trệ, sai lầm.

Nếu có được sự tự giác như trên, sẽ không khó để có được cuộc sống khai ngộ vô hạn, hoàn thành lý tưởng thành Phật.

---o0o---

Hết